NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

THƠ LÀ GÌ ?

Mở câu vấn-đề: « Thơ là gì ? » chắc nhiều người nghĩ ngay rằng thơ là những câu có vần có điệu, hợp lại thành từng bài hoặc vắn hoặc dài, mà nói những chuyện bóng-bẩy xa-xôi. Cứ hình-thức mà xét thời thơ là thế thật, nhưng ngoài cái hình-thức ấy hay là ở trong cái hình-thức ấy lại còn có một cái tinh-thần nữa, muốn giải cho rõ, thật không phải dễ. Cho nên có nhiều người làm thơ mà vị-tất đã hiểu cái tôn-chỉ của Thơ thế nào. Theo cái lý-tưởng của văn-học Tàu thời Thơ là một nghề phong-nhã, chủ diễn những tình-ý cao-thượng ra lời đẹp, có âm-hưởng, có tiết-tấu, khiến cho người nghe được vui tai mà khoái trí. Lý-tưởng ấy không phải là không chánh-đáng; nhưng tuy hợp với phương-diện mĩ-thuật mà chửa gồm được hết phương-diện triết-lý. Vì Thơ nếu chỉ ở lời đẹp ý nhã, đủ cho người ta khoái trí vui tai, thời chẳng qua là một nghề tiêu-khiển, có quan-hệ gì đến những lẽ lớn ở đời, cái nghĩa cả làm người. Mà thật thế, phần nhiều các nhà làm thơ ở nước Tàu nước ta coi Thơ là một nghề chơi phong-nhã, bằng-đẳng với ba nghề khác nữa là: cầm, kỳ, họa. Thảng-hoặc cũng có người có tư-tưởng cao, lấy thơ để mà tả cái khí-khái cao-thượng, giãi lòng hoài-vọng xa-xôi của mình, hay là bày những nỗi bất-bình, tình oan-uổng, nhưng mà không kể các hạng thi-nhân ấy thường vẫn ít có, dẫu có thường cũng không vượt ra ngoài cái nhân-thân mình mà quan-cảm đến những lẽ cao-xa về nhân-sinh, về vũ-trụ. Còn đại-đề là những tay ngâm hoa vịnh nguyệt cả. Nói tóm lại thời các nhà làm thơ ở Đông-phương ta phần nhiều là những nhà mĩ-thuật mà ít khi là những tay triết-lý vậy. Ở Thái-Tây thời không thế: người Thái-Tây coi Thơ vừa là một khoa mĩ-thuật, vừa là một khoa triết-lý, có nhiều tính-cách riêng khác với triết-học thường. Bởi vậy nên Thơ Âu-Mĩ tuy cũng trọng ở lời nhiều, mà lại trọng ở ý nhiều hơn: mỗi bài thơ không những là một nền mĩ-thuật, mà lại là một chương thuyết-lý nữa. Cái tinh-thần của thơ tây và thơ ta có khác nhau xa vậy.

Ký-giả nhân mới đọc bài diễn-thuyết của một ông thi-nhân có tiếng bên nước Pháp giải nghĩa Thơ là gì, xin lược-dịch đại-ý ra sau đây, để gọi là giới-thiệu cho các nhà làm thơ ta biết cái tôn-chỉ của thơ tây thế nào.

Bài diễn-thuyết này là của ông PAUL GÉRALDY diễn ở nhà « Nữ-sĩ giảng-tập viện » (UNIVERSITÉ DES ANNALES) ở Paris ngày mồng 1 tháng 3 năm 1921.

Lời diễn-văn đại-lược như sau này.

. . .

« Tôi thấy trong chương-trình nhà Nữ-sĩ giảng-tập-viện biên đề-mục bài diễn-thuyết hôm nay rằng: « Nói về Thơ và giảng Thơ nên thế nào là hay là phải. » Đề-mục đã biên ra như vậy thời chắc là tự tôi bảo biên như thế. Tôi nghĩ đi nghĩ lại mà càng rõ rằng tôi chọn cái đề-mục ấy thật là vụng quá, vì coi ra có ý tự-cao quá. Nhà làm thơ không có lẽ định

phép-tắc cho Thơ được, chẳng qua là chỉu phép-tắc của Thơ mà thôi. Vì Thơ vốn có phép-tắc tự-nhiên, mình phải cố mà tìm cho được, mà theo cho đúng. Thơ ví như một vị thần, gồm hết cả những sự tốt đẹp ở đời, khiến người đáng yêu đáng mến: mình phải ra sức mà phụng-sự vị thần ấy cho thành-tín, chớ lại muốn tự-cao mà định phương-châm, đặt phép-tắc cho Thơ, thời thật là điên-cuồng ngông-ngáo quá !... Vậy tôi xin phép các phu-nhân [1] cùng tôn-ông cho tôi sửa lại cái đầu đề như sau này :

« — Thơ là gì ? Làm thế nào mà tìm mà biết được Thơ ?...

« Tôi đã nói Thơ ví như một vị thần. Thần ấy thật có nhiều người tự-xưng là đệ-tử, ra công mà phụng-sự. Nhưng mà người hay thì ít, người dở thật nhiều... Làm thế nào mà phân-biệt được người dở với người hay ? Lấy cái cảm-giác tự-nhiên của ta có thể biện-biệt được không ? Chắc cũng có khi phân-biệt được. Nhưng nhiều khi thời các nhà làm thơ mỗi người lập một môn-hộ riêng, mỗi người theo một tôn-phái riêng, dẫu cái cảm-giác của ta tinh-nhuệ đến đâu cũng khó lòng cho khỏi lầm-lẫn được. Cứ thực ra, ngày nay đối với thi-học, chẳng là đương giữa buổi người ta không biết đâu là bờ-bến, không lấy gì làm chỉ-nam rư ? Bọn ta đương đi tìm Thơ mà chửa biết Thơ ẩn vào chốn nào vậy.

« Xưa kia, Thơ đã có hình-thức riêng : cái gì có vần có điệu là thơ, dễ nhận biết ngay. Cứ xem cái nghi-lễ bề ngoài thời biết được vị thần ở đâu. Nhưng ngày nay Thơ nhiều khi có hình-thức bề ngoài mà không có tinh-thần ở trong. Cái hình-thức là cái người ta dễ bắt-chước hơn cả : vần với điệu, trắc với bằng, hễ có tập thời dễ nhập-điệu ngay. Cứ xem như những kẻ tái-học rất tầm-thường mà dụng công mô-phỏng, cũng lên mặt thi-ông thời đủ biết. Viết bằng lời thơ cũng là một nghề tiểu-xảo, ai tập mà chẳng được. Nhưng viết cho nên Thơ mới khó. Một anh học-trò trung-học, ra công gắng sức mà tập, cũng có thể viết được những câu thơ vần-điện nhịp-nhàng êm-ái, đọc lên âm-hưởng linh-lung như thơ ông Hugo, ông Verlaine vậy,.. duy có cái tinh-thần trong thơ các ông ấy thời không có mà thôi.

« Cũng như về đời Phục-hưng, có vô-số những tay danh-họa xuất-hiện ra, rồi sau kế đến phái Bologne (*Ecole bolonaise*), những bọn như Carrache, Guide, kế-thừa được người trước cái ngọn bút vẽ khéo, nhưng vẽ có khéo mà trong nét vẽ không có tinh-thần gì cả, chỉ để lại được cho đời sau những bức tranh dẫu có đẹp mà hình như trơ-trơ, không có sắc sinh-hoạt vậy.

« Vậy thời ta phải biết phân-biệt, đừng có lẫn cái hình câu thơ với cái chân-thi-vị. Nhiều bài thơ đọc lên rất êm tai, mà nghĩa-lý thật tầm-thường. Có lẽ câu thơ thường lại là cái vỏ rực-rỡ để che cho cái tư-tưởng tầm-thường, và càng trong thể thơ lại càng hay thấy những ý-kiến tạp-nhạp. Nhiều người làm thơ không có hứng, hoặc chỉ cầu lấy cho đúng phép-tắc, không thất-niêm thất-luật mà thôi, hoặc lại vụ

(1) Nhà « Nữ-sĩ Giảng-tập-viện » (*Université des Annales*) là một hội học của bà Yvonne Sarcey sáng-lập ra và làm giám-đốc, để dạy học các bà các cô trong thượng-lưu-xã-hội ở thành Paris, và dạy toàn bằng lối giảng-thuyết, nhờ những bậc bác-học văn-sĩ có tiếng trong nước đáng-đàn diễn về các khoa văn-chương, triết-lý, lịch-sử, sư-phạm. Hội học này có tiếng là một nơi học-tập cao-thượng, giao-thiệp phong-nhã ở chốn kinh-thành Đại-Pháp.

phá hẳn qui-củ, chẳng ra lối-lăng gì. Dù theo phép-tắc hay dù phá qui-củ, câu thơ như vậy chẳng qua là cái áo, cái áo ấy không thể làm cho nên thơ được, cũng tức như thày Nhân-ngôn trong bài tuồng « Bệnh tưởng » tuy mặc áo y-sĩ mà nghề thuốc vẫn dốt đặc.

« Lại trong một bài tuồng khác của ông MOLIÈRE có vai trưởng-giả nọ (Jourdain) bàn về văn-chương, nói rằng muốn phân-biệt thơ với văn có khó gì : cái gì không phải là văn thời là thơ, mà cái gì không phải là thơ thời là văn ! Lời ấy ngày nay vị-tất đã là đúng, vì gần đây những nhà làm thơ mà không ra hình-thức câu thơ cũng nhiều lắm. Nhưng túng-sử lời ấy vẫn còn đúng, ta cũng không nên vội tưởng rằng phàm cái gì không viết bằng thơ là không phải thơ đâu. Các vua chúa ngày nay đi chơi trong phố-phường cũng ăn-mặc như người thường : Thơ cũng vậy, Thơ mà mặc áo tản-văn không phải là không được, và có nhiều bài văn có thi-vị hơn là lắm bài thơ nhiều.... Như vậy thời làm thế nào mà nhận biết được Thơ ? Có khi mình tìm ở phương này mà Thơ lại ở chốn nọ, cũng có khi đứng gần Thơ mà không biết rằng Thơ : làm thế nào cho khỏi sai-lầm? Như vậy thời Thơ là cái gì, vì không phải rằng cứ có hình-thể thơ mà là Thơ ?... Ừ, Thơ là cái vật chi chi ? Có lẽ ngày nay đã đến lúc thử nên giải kỹ xem chữ Thơ là chỉ vật gì ?... Bữa nay tôi xin cùng các ngài thử giải xem có được không.

« Các ngài chắc đã từng cảm-giác rằng người ta ở đời có hai cách sinh-hoạt, một là cách sinh-hoạt tầm-thường, phần nhiều người cũng cam chịu như vậy, nhưng ít người lấy thế làm bằng lòng ; hai là cách sinh-hoạt khác thường, có phong-thú, có thi-vị, đặc-biệt, li-kỳ, làm người ai cũng có lúc hoài-vọng sống một cách phi-thường như vậy.

« Sự sinh-hoạt tầm-thường là sự sinh-hoạt theo thói quen. Đứa con trẻ nó không có thói quen gì, tư-chất còn mềm-nộn như cái măng mới mọc, mỗi ngày một thay-đổi, vì mỗi ngày một lớn lên, chưa kịp tập-nhiễm thành thói quen ; cho nên cách sinh-hoạt của nó có cái vẻ li-kỳ ; cách sinh-hoạt của nó là cách sinh-hoạt rất nên thơ, là cách sinh-hoạt có thi-vị vô-cùng. Bởi thế nên tính-khí con trẻ thường vui-vẻ ; tuổi đồng-ấu chính là cái hình-ảnh sự vui-vẻ ở đời...

« Đến như những người thành-niên như bọn ta, thời sau khi đã thu-hoạch được những điều tri-thức cần-dùng để sinh-hoạt ở đời, thường-thường không còn có tấn-tới thêm được nữa, muốn cho tấn-tới, thời phải gắng sức lắm mới được. Theo cái luật « tối-thiểu xuất-lực » (*la loi du moindre effort*), người ta không ai muốn chịu khó, đủ biết đủ dùng thời thôi, và hay có tính cứ theo việc cũ mà làm, cứ theo câu sáo mà nói. Bởi thế nên lâu ngày thành chán, sự chán-nản là cái bệnh của người đời. Đã không tự mình xuất-lực cho tinh-thần mới-mẻ ra, thời lâu dần thành như cái máy tự-động, hễ vặn thời chạy, không có ý-thức gì nữa, và tư-tưởng cảm-giác mỗi ngày như mê-ngủ dần đi. Tư-tưởng cảm-giác đã không hoạt-động nữa, thời người ta sống cũng như chết vậy. Vì sống cũng không biết cái hứng-thú của sự sống nữa... Cho đến sự sung-sướng cũng vậy : người ta dẫu được thập-phần sung-sướng, mà cứ sướng mãi, cứ sướng đều, không có thay-đổi chút nào, thời dần dần cũng không biết rằng sướng nữa, thấy như cái sung-sướng của mình không có thú-vị gì nữa.

« Tuy-nhiên những sự hành-vi trong đời người đã nhất-định, không thể cứ hằng ngày mà biến-hóa vô-cùng được. Đã nhất-định thời cứ y thế mà

làm, hà-tất phải thay-đổi cho phiền. Vả lại công việc ở đời đã nhất-định thời tinh-thần người ta không phải bận-bịu vào đấy cho lắm mà được thư-thái hơn lên. Như vậy thời cái thói quen theo như các sách triết-học đã dạy, tức là kẻ nô-lệ cho người ta sai khiến, người ta đã được cái thói quen nó hầu-hạ, không phải bận-nhọc về những công-việc ở đời, tất các năng-lực trong tinh-thần được thong-dong thư-thái, vậy phải tìm cách khác để lợi-dụng, kẻo bỏ không thời thành ra hao-mòn hư-nhụt đi mất. Nếu nhân-loại chỉ bằng ở cái thói-quen mà không biết thường-thường lợi-dụng các năng-lực cho được tinh-nhuệ hoạt-bát thêm lên, thời có một ngày kia cũng đến như loài ong nọ, đã mấy trăm nghìn năm nay cứ sinh-hoạt theo những phép-tắc nhất-định, không phải dùng đến trí khôn nữa, thành ra trí khôn tiêu-mòn đi mất, đã bao nhiêu lâu nay không còn có tấn-tới được một chút nào nữa. Người ta tuy là một giống có cái trí tinh-tiến, nhưng có lẽ có một ngày tấn-tới đã đến nơi cực-điểm thời lấy thế làm mãn-nguyện mà không muốn bước cao hơn lên nữa chăng. Hiện nay thời chưa đến bậc ấy, sự tiến-hóa còn chưa tới cõi hoàn-toàn. Vả lại người ta dẫu có cái gốc tính lười-biếng chỉ muốn theo thói quen mà làm cho xong chuyện, nhưng cũng còn có một cái gốc tính khác nữa, khiến cho càng ngày càng cầu càng muốn cho hay cho tốt hơn lên. Nhà triết-học nước Đức NIETZSCHE đã nói rằng : « Người ta là một giống vật vốn có tính muốn càng ngày càng hơn mình. » Thật thế, người ta có biết hằng ngày hằng đổi mới, *nhật tân, nhật nhật tân*, hằng ngày hằng tấn-tới mãi lên, thời mới giữ được cái vui-vẻ như trong thủa đồng-ấu. Ngày xưa người thợ nung nung được cái vò, tự nghĩ trong bụng rằng : « Ngày nay ta làm thế nay, ngày mai chắc ta làm đẹp hơn. « Có bụng phấn-khởi như thế, cho nên vừa làm vừa hát, vui-vẻ vô-cùng. Người thợ nung ngày nay biết rằng cái vò ngày mai rồi cũng giống cái vò hôm nay, biết mình chẳng qua như một cái máy vô-hồn, người vặn thời chạy, nên làm không có vui-vẻ chi nữa, không những không có vui-vẻ nữa, mà lại thành ra bực mình, sinh lòng oán-phẫn. Là vì rằng người thợ, dẫu làm việc chân tay, mà cũng biết ham cái thi-vị.— Thơ là gì ? Thơ chính là thế. Thơ là vượt qua ra ngoài thói quen, mà bước vào một cõi mới lạ, có hứng-thú hơn. Cái phạm-vi sinh-hoạt của người ta khác nào như một cánh đồng đã trồng-trọt cầy-cấy, ngoài cánh đồng cỏn-con ấy còn những rừng-ruộng mênh-mông bát-ngát, bao-bọc bốn bề. Cái «hồn thơ» (*instinct poétique*) tức là cái sức mạnh kia nó run-rủi người ta ra ngoài cái phạm-vi sinh-hoạt của mình, phạm-vi ấy dù to rộng đến đâu, chẳng qua cũng chỉ là một nơi giam-hãm cho cái chí bay-bổng của ta. Cái « hồn thơ » chính là sự yếu-cần cho ta phải ra tay mà khai-thác cái khoảng không vô-tận ở quanh mình, để dần dần thu-thập sáp-nhập thêm vào bờ-cõi của ta, để lấy thêm tài-liệu cho sự tư-tưởng cảm-giác của ta. Hễ khai-thác được phần nào, sáp-nhập ngay phần ấy, khiến cho cái vòng trí-thức của người ta mỗi ngày một to rộng mãi ra, cái phạm-vi của đời người mỗi ngày một khoáng-trương thêm ra, và giống người ta mỗi ngày lại chinh-phục được thêm một cõi đất trong cái vũ-trụ mang-nhiên vô-cùng-tận nó bao-bọc ở quanh mình.

« Nhưng mà khám-phá cái cõi mang-nhiên ấy, tấn-tới ra ngoài phạm-vi mình, bỏ những lề-thói đã quen hằng ngày mà đi thám-hiểm những nơi hãy còn xa-lạ, ôi ! khó biết bao ! Cái thói quen nó đàn-áp mình, nặng như đá đè, có lúc gắng sức cũng nâng lên nổi, nhưng

nhiều khi nâng lên rồi mà kiệt-lực lại phải để rơi xuống ; nhân thế mà sinh ra chán-nản, mà đành chịu cam-tâm... Như khi sắp đi chơi đâu xa hay là lúc định đính duyên với người tri-kỷ, tưởng nhân-sinh còn lúc nào lòng thơ lai-láng bằng những lúc ấy ! Tàu vừa đời bến, mình đứng trên sàn, trông xa trước mắt, trời nước mênh-mang, nghĩ đến những phương xa cõi lạ, mình sắp tới đây, mà trong lòng khoan-khoái biết dường nào ! Lại lúc đứng trước người yêu, trao lời gắn-bó, thệ hải minh san, định cùng nhau đề-huề giắt-díu mà kết-nghĩa trăm năm, tấm lòng hoan-hỉ, tấc dạ bồi-hồi biết bao nhiêu! Nhưng mà càng trông cảnh lạ mà kẻ du-khách kia nhiều khi cũng chán mắt : nhìn lắm hóa nhàm ! Cảnh có đổi mà lòng vẫn thế, không thấy thêm du-khoái chút nào. Lại người tân-hôn nọ, trước khi thành vợ chồng thời tưởng cái cảnh vợ-chồng vui-thú biết bao; vậy mà đến lúc đã thành gia-thất thời có khi chán cái cảnh vợ-chồng ! Là bởi người du-khách nọ, kẻ tân-hôn kia, đều không thoát khỏi cái căn-tính lười-biếng của loài người, hễ đã để mình vào trong một cảnh-ngộ thời dễ nhiễm những thói quen trong cảnh-ngộ ấy, thói quen đã tập-nhiễm thời hứng-thú tất tiêu-mòn. Thành ra đi chơi đi mãi cũng thành chán, vợ chồng ở đời thường cũng sinh chán.

« Bởi thế nên người ta sinh-hoạt muốn cho giữ được mãi cái phong-thú như trong thủa đồng-ấu, thời phải hằng đổi mới luôn. Nhưng không phải là đổi mới cái cách sinh-hoạt bề ngoài mà thôi : nếu như vậy thời cứ đổi nơi nhà ở, đổi cách ăn-mặc cũng đủ mới rồi, mà thực có nhiều người làm như thế thật. Song đổi mới ở bề ngoài như thế có ăn thua gì. Phải đổi mới chính mình mình, phải đổi mới cái tâm-hồn tình-tính mình mà thi-hành cái phép « tự-tân ». Người ta sở-dĩ khao-khát tìm Thơ mà không thấy Thơ, là vì chỉ biết tìm ở bề ngoài, không biết tìm ở ngay mình. Phấn-khởi tự-tân, người đời lấy thế làm khó-nhọc quá !... Đổi nhà, đổi bạn đổi vợ, đổi tình, cho là còn dễ hơn, tiện hơn là tự đổi mình !... Bởi thế nên thiên-hạ thiếu chi là khách giang-hồ, người bội-bạc... Bôn-ba bốn bể, ăn ở ngược xuôi, cũng là một cách đổi mới chớ sao ! Những người ấy cũng là đi tìm Thơ, cũng là theo đuổi Thơ ; tưởng rằng trông thấy Thơ ngay trước mắt, nắm được Thơ vào trong tay, không ngờ rằng càng đuổi mà Thơ càng chạy, tưởng nắm được mà hóa ra không... Nên cả đời cứ bôn-tẩu hoài, đi hết xứ này đến xứ khác, thử hết người nọ đến người kia...

« Không biết rằng ngược xuôi bôn-tẩu như vậy có ăn thua gì, chính là phải định-tĩnh tinh-thần, kết-ngưng trí-tuệ mới được. Ở người nào, ở vật nào là không có thơ. Nhưng cái hồn thơ ấy nó thâm-trầm u-ẩn, không phải bộc-lộ ra ngoài, phải có chí, phải chịu khó mới tìm ra được.

« Nhưng mà ở đời mấy người biết chịu khó biết có chí như vậy. Trong cổ-bản hí-kịch có vai Đông-Giuông (Don Juan), một đời không biết bao nhiêu kẻ nhân-tình, trăng-gió với mọi người, hết người nọ đến người kia, người nào cũng chóng chán, mà rút cục không biết ái-tình là cái chi-chi. Chàng Đông-Giuông đó vì biết định-tĩnh tinh-thần mà chung-đúc bụng yêu vào một người nào thời có lẽ được biết và được hưởng cái thú ái-tình. Nhưng chàng không biết chịu khó mà tìm tòi, yên lòng mà yêu-dấu; chàng lại muốn nay đông-liễu, mai tây-đào, đem bụng yêu mà tản-mạn bốn phương, kết-cục thành ra lầm mất một đời người mà chung-qui không được hưởng cái khoái-lạc rất phong-thú ở đời là hai chữ ái-tình vậy. Đến lúc biết rằng khờ, thời tuổi đã già rồi, còn chi là cái xuân xanh !...

« Tôi đã nói rằng Thơ là cái chí tiến-thành, nghĩa là tấn-tới cho được thành-

tựu. Như vậy thời Đông - Giuông chung-thân không được biết Thơ là gì, vì chung-thân không được thành-tựu hai chữ ái-tình. Đông-Giuông tức là một vai giả-ái-tình, cũng như ở đời có nhưng người giả-đạo-đức, giả-văn-chương, đều là những kẻ « đuổi Thơ bụt », tìm Thơ mà không được gặp Thơ vậy. Vì nhiều người có mang cái hồn thơ ở trong mình mà không biết diễn-xuất thực-hành nó ra, chỉ chăm-chăm yêu-hãnh những sự ở đâu xa, muốn làm cuỡng, làm khác mình đi, tưởng thế mới là thơ. Này như những kẻ có tính « làm bộ » (*les posseurs*), chính là những kẻ ham Thơ đó, vì rằng muốn làm ra bộ một người tốt - đẹp cao - thượng hơn là cái bản - thân mình, mà đương lúc làm bộ như thế tưởng - tượng như tự mình đã là cái người mới ấy rồi. Đó là một cách giả-dối, nhưng tựu-trung cũng có cái chí tiến - thành, (*la volonté de devenir*) muốn cho mình hơn mình, duy không biết rằng cái hồn thơ mình đã sẵn có, chỉ phải chịu khó tìm mà phát-minh ra, mà lại phí-công tưởng-tượng ra những vẻ thơ phù-phiếm ở đâu đâu... Lại đến kẻ sâm-báng hay chỉ nghị người ta cũng là những kẻ có cái bụng ngầm ham Thơ. Nói thế chắc các ngài lấy làm lạ, nhưng nghĩ kỹ thật như thế. Tự mình ham muốn sự hay sự tốt mà không thể làm được, bèn quay ra trách-bị ở người, đối với người sinh lòng nghiêm - khắc, hình như không thể dung được kẻ khác không biết thực-hành cái lý-tưởng cao xa mà tự mình đã không làm được. Nên cố chỉ-trích để tìm các vết xấu của người ta, tựa-hồ như trông thấy cái xấu ấy, vạch được rõ ra, tức là chứng rằng tự mình cũng biết cái tốt thế nào, dù không thể làm được nhưng cũng biết quan-niệm và thưởng giám vậy...

« Cứ suy-chứng như thế, có thể nói rằng người ta ai cũng có cái bụng ham thơ, người ta ai cũng có cái lòng khao-khát muốn sinh-hoạt một cách nên thơ, nói thế không phải là nói cưỡng và cũng không phải là quá đáng vậy.

« Hoặc-giả có người nói rằng : nếu người ta ai cũng có bụng ham thơ, thời xã-hội là gồm tất cả người ta, tất phải là cái hình-ảnh chân-chính của Thơ...

« Tôi xin chịu rằng chửa xã-hội nào được như thế, mà còn lâu lắm nữa cũng chưa được tới bậc đó. Nhưng mà đó không phải là cái hồn thơ không có : chỉ là cái cách suy-diễn ra vụng-về sai-lạc mà thôi. Người ta hay khuynh hướng vào cái Thơ giả mà không biết đến cái Thơ thật, vì cái giả vẫn rõ hơn và dễ hơn cái thật, như ở đời mà muốn cho thực nên tư-cách người anh-hùng hào-hiệp thời tưởng cũng khó lắm, chớ như đến ngày hội tung hoa (*le carnaval*) ăn bận áo võ-sĩ, vênh váo đi ngoài phố thời có khó gì !...

« Cho nên cái hồn thơ vẫn có mà diễn ra không nên, ấy cái thông-bệnh của phần nhiều người ta là thế. Diễn không nên, nên diễn sai cả. Kẻ thời mơ-màng những đất lạ phương xa, người thời tưởng-vọng những bồng-lai tiên-cảnh, nhưng kỳ-thực có phải là ham những tiên - cảnh bồng - lai, phương-xa đất lạ đó đâu, chẳng qua là mượn đó để thực-hành cái lòng hoài-vọng cao-xa của mình, mà thực-hành không nên đó mà thôi.

« Nhưng mà đối với những người ấy ta cũng chớ nên nghiêm-khắc quá. Cái bản-tâm người ta không phải là không hay, vì bản-tâm ấy tức là cái hồn thơ đó. Những người có cái hồn thơ ấy, muốn thực-hành mà không thực-hành nên, hoặc làm sai-lạc , còn đáng trọng hơn là những kẻ ù-lì, chỉ biết an-phận, không có lòng hoài-vọng chi, người mà không có cảm-giác như loài mộc-thạch, thật đáng khinh-bỉ vô-cùng. Những kẻ anh-hùng hụt, đạo-đức

non, văn-chương cưỡng, tuy nhiều khi không khỏi làm trò cười cho người đời, song cũng tỏ ra là người có cái chí ham những sự cao-thượng, có cái hồn thơ lai-láng hơn người thường.

« Tuy vậy nhưng cũng nên cẩn-thận, đừng có bắt-chước những kẻ ngông-cuồng bất-tự-lượng kia, lòng ham muốn to quá mà tài-trí không đủ thực-hành. Người ta ai cũng có thể trở nên hay hơn mình được, nhưng mà phải kén chọn cho kỹ, kẻo mà sai lầm.

***

« Ấy chính cái vấn-đề Thơ là ở sự kén chọn đó. Mà vấn-đề ấy, ít người tự mình giải-quyết được. Cần phải có người khác giúp cho... Người khác ấy tức là các nhà thi-nhân vậy.. Cái nhiệm-vụ, cái thiên-chức của các nhà thi-nhân là phải khai đường mở lối cho người ta ra ngoài cái phạm-vi sinh-hoạt hằng ngày, bước tới cái cõi mang-nhiên vô-cực nó bao-bọc chung-quanh mình. Đã khai kinh-cức, đã phá thiên-hoang rồi, thời phải chỉ nẻo cho người đời theo. phải giục-giã cho bước tiến lên; nói tóm lại, phận-sự nhà làm thơ là phải chỉ vẽ cho ta cái mô-phạm tương-lai (*type d'avenir*) thế nào.

« Tay thi-hào tuyết-đỉnh là người nào biết vẽ ra cái kiểu hoàn-toàn nhất, kiểu đẹp mà lại vừa sức người ta có thể thực-hành được, dù người tầm-thường không ngưỡng tới, mà kẻ có chí có thể làm nên được, chớ nếu lộng bút mà vẽ ra những kiểu hoang-đường quá thời cũng không bổ-ích gì...

« Thường-thường thời mỗi giống người có một cái hồn thơ riêng, gồm những tính-cách riêng của giống ấy. Nhà thi-hào của một dân-tộc nào phải diễn được cái hồn thơ riêng của dân-tộc ấy một cách rực-rỡ hùng-hồn.

« Nay Thơ mà muốn cho lưu-tồn được mãi-mãi, thời trong khi vẽ ra cái mô-phạm tương-lai phải vẽ thế nào cho vừa đẹp-đẽ mà lại đủ rõ-ràng cho người đời có thể ngưỡng mà bắt chước được, cho cái dự-tưởng ở trong óc một người một ngày có thể thành sự-thực được.

« Xưa kia thời cái mô - phạm của Thơ giản-dị lắm, khác nào như một bức phác-họa có mấy nét mà gồm được hết hồn-tính một dân-tộc. Ngày nay thời sự sinh-hoạt càng ngày càng phiền-phức, nhà làm thơ không có tài nào mà vẽ ra một cái kiểu đủ làm mẫu cho hết thảy mọi người trong một dân-tộc, về một thời-đại. Vì cách sinh - hoạt phiền - phức thời tâm-lý người ta cũng phiền-phức, cho nên nhiều nhà làm thơ tuy có tư-cách bậc đại-thi-hào mà cũng chửa sáng-tạo ra được một cái mô-phạm hoàn-toàn, chẳng qua là mới ghi được một vài cái giáng-điệu, ít nhiều những nét riêng mà thôi. Có nhà làm thơ tự nghiên-cứu mình mà thấy mình như đã đi lên trước người đương-thời, càng nghiên-cứu mà lại càng thấy cái bước đường nó cách mình với người đồng-thời càng xa mãi ra, bấy giờ thời hình như có nhiều điều chân-lý u-âm người ta không biết mà tự mình đã biết. Cho nên có thể nói rằng Thơ ngày nay chẳng qua là một sự ghi-chép những điều phát-minh thuộc về tâm-tính. Đời xưa mới có những nhà làm thơ vẽ được toàn bức, ngày nay thời bức tranh to lớn quá, dù những tay cừ-kiệt chẳng qua cũng là phác-họa từng mảnh từng phần mà thôi. Song dù vẽ cả toàn-bức, dù phác-họa từng phần, Thơ bao giờ cũng là một cuộc thám-hiểm về tương-lai (*une exploration dans le domaine de l'avenir*) vậy.

« Vậy cứ theo ý-kiến riêng tôi thời tôi xin giảng nghĩa Thơ như thế này :

« Thơ là sự hình-dung tưởng-tượng ra một cái kiểu làm người về tương-lai này.

« Ngạn-ngữ có câu rằng : Người là bậc thiên - thần ở trên trời dơi

xuống mà vẫn nhớ tiếc cõi trời.

«Câu đó tôi tưởng không được đúng. Người ta chính là một bậc sắp thành-thần mà còn đương tưởng-tượng nơi thiên-quốc vậy.

. . .

« Nay thử xin giải cái thú thiên-quốc ấy thế nào mà khiến cho người ta mơ-màng tưởng-vọng, và hiện nay các nhà thi - nhân đương cấu-tạo là cấu-tạo ra cái mô-phạm người đời sau thế nào.

« Trước hẵng xin phân-biệt các nhà làm thơ ra hai hạng. Tôi đã nói rằng cái tôn-chỉ của Thơ là diễn-tả ra người ta về sau này thế nào. Vậy các nhà làm thơ có hai cách diễn-tả khác nhau : một cách u-ám, một cách rõ-ràng. Cách u - ám thời chỉ có cái cảm-giác mơ-màng về cõi thơ, hình như đoán mà biết, chớ không phải tiếp mà hay, nên đến khi diễn ra nó mung-lung phiếu-diểu, như mờ như tỏ, như gần như xa, như kính-hoa thủy-nguyệt, như hạc-lệ phong-thanh. Cách này nó ghệu, nó gợi, nó giục, nó xui cái tình-tứ của người ta, mà không giải rõ, không nói tường, không in sâu, không vẽ đậm ; phảng-phất như gió thoảng qua, văng-vẳng như tiếng đàn xa. Mà thiệt các nhà thi-nhân ấy chính là những tay âm-nhạc, dùng chữ như tiếng đàn, để truyền ra một cái âm-hưởng sâu-xa vào trong tâm-hồn người ta.

« Thường thường những bài thơ véo-von như thế, ta lại thích hơn các thơ khác, hình như càng đọc càng có ý-nghĩa, không bao giờ hết. Nhưng mà kỳ-thực thời nó không có cảm vào ta sâu vì nó không tiếp đến trí-tuệ ta. Mỗi lần đọc thời lấy làm hay lắm, mà đọc rồi quên ngay, đọc đi đọc lại bao nhiêu lần cũng vậy, cũng tức như nghe đàn, càng nghe càng hay mà nghe rồi quên hết.

« Nhưng lại có nhiều nhà làm thơ khác thời không ưa cái lối mung-lung mờ-mịt ấy mà muốn cho Thơ được rõ-ràng sáng-sủa. Những nhà này trực-tiếp với trí-tuệ, cảm-giác cái hồn thơ một cách thẳng hơn và diễn ra một cách minh-liệu. Thơ này thuộc về triết-lý hơn là về âm-nhạc, câu thơ dẫu vẫn có tiết-tấu, đọc vẫn véo-von mà đó chẳng qua là cái dư-vận ở ngoài, chính tinh-thần thời ở nơi triết-lý, không phải ở chỗ âm-điệu. Vì thế nên nhiều câu thơ về lối này thành như những câu cách-ngôn về triết-học, lời-lẽ rắn-giỏi mà ý-tứ sâu-xa. Thường thường là ở về những thời-đại văn-chương toàn-thịnh mới có lối thơ này : Lối thơ này tức là lối thơ điển-nhã, dủ làm cái cổ-điển cho đời sau. Khi văn-chương còn non-nớt hay là lúc văn-vận đã suy-vi thời đều xa cái cổ-điển, không sáng-sủa rõ-ràng mà mung-lung mờ tối, xa triết-lý mà gần âm-nhạc vậy.

« Nói tóm lại thời thơ là uyên-nguyên ở âm-nhạc u-âm mà cứu-cánh ở triết-lý sáng-sủa. *Âm-nhạc là thơ còn mờ còn đục, triết-lý là thơ đã sáng đã trong*. Lúc đầu là cái thanh-âm êm-ái nó rung-động bộ thần-kinh, đến sau là lời cách-ngôn thâm-trầm nó xúc-động đến trí nghĩ.

« Như thơ của nước Pháp ta vì trọng triết-lý quá, ưa sáng-sủa quá, nên người ta thường trách là cứng-cỏi lạnh-nhạt không có cái phong thú phảng-phất êm-đềm. Nhiều bài thơ của các bậc thi-hào nước Pháp, ý-nghĩa rõ-ràng quá, hầu như không còn có một chút gì là cái khí-vị mơ-màng phiếu-diểu nữa. Vả tâm-lý người Pháp vẫn có ý thiên về trí nhiều hơn về tình, ưa triết-lý hơn là thích thanh-âm. Về thế-kỷ thứ 19, tuy cũng có nhiều những nhà làm thơ hay vì âm-điệu, nhưng các ông ấy là chịu ảnh-hưởng của ngoài nhiều, nhất là ảnh-hưởng của các thi-nhân nước Anh. Thơ nước Anh vốn

Ảnh các cung-điện lăng-tẩm ở Huế

Nhà Thế-miếu

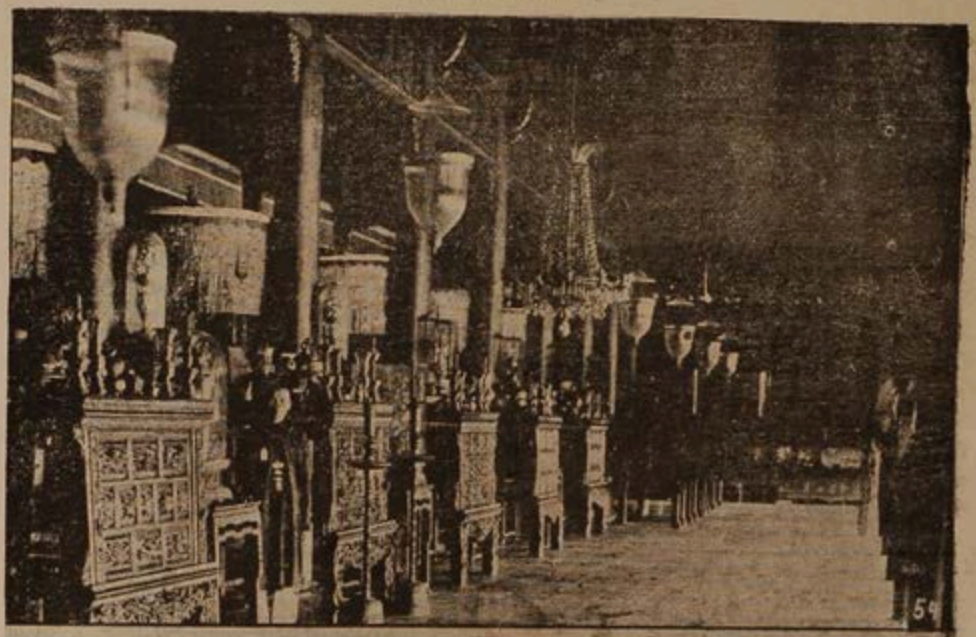

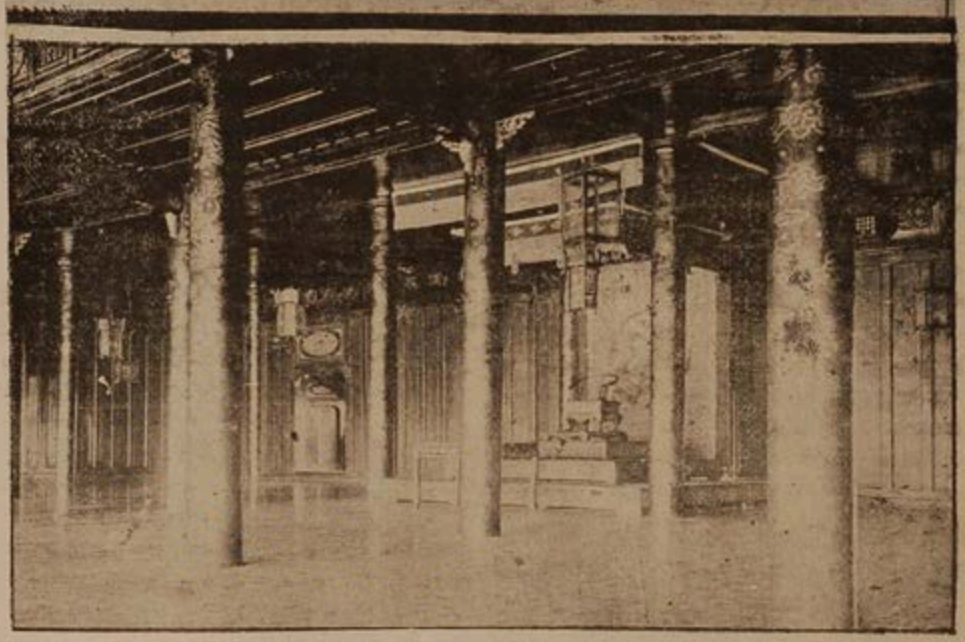

Điện Thái-hòa

Kinh ảnh hiệu Hương-ký

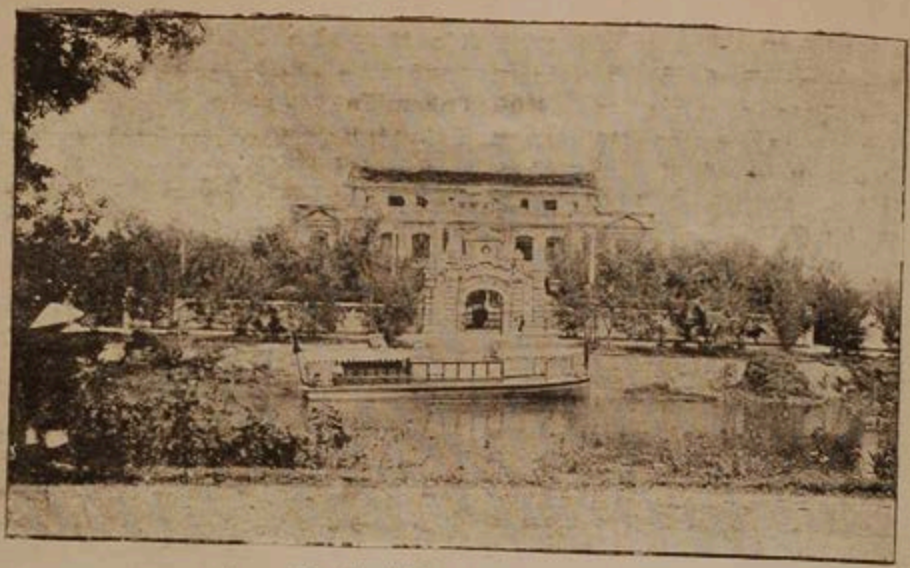

1. — Mặt chánh-diện trông ra sông An-cựu

2. — Cửa chánh-môn

3. — Cửa trong cung

Kinh ảnh hiệu Hương-ký

vẫn trọng về thanh-âm, và thật là thuộc về lối thơ mung-lung u-ám như trên kia vừa giải. Vậy về thế-kỷ thứ 19, các nhà làm thơ nước Pháp có ý bắt-chước các nhà làm thơ nước Anh, tưởng cũng là một sự hay, vì nhờ đó mà cái tinh-thần triết-lý điều-hòa với cái tinh-thần âm-nhạc, gây nên những khúc thi-ca tuyệt-diệu. Song tôi thiết-tưởng rằng cái tinh-thần cố hữu của nước Pháp bao giờ cũng vẫn lấy sự rõ-ràng sáng-sủa làm trọng : cứ xem như các văn-chương cổ-điển về thế-kỷ thứ 17, ngày nay ta cũng vẫn còn hâm-mộ, vẫn lấy làm mô-phạm, thời đủ biết vậy.

« Vả lại muốn chứng rõ rằng cái thơ sáng-sủa của nước ta không phải là không có giá-trị đặc-biệt hơn là lối thơ u-ám như trên kia, thời cứ nghiệm ngay rằng phàm thơ có nghĩa-lý rõ-ràng hay cảm-giác vào trí-tuệ người ta một cách sâu-xa hơn là những thơ mơ-màng phảng-phất, đọc có êm tai vui miệng, mà đọc xong rồi, trừ một chút dư-vận xa xa, không còn để lại trong tâm trí người ta một tí gì ; thơ có nghĩa-lý rõ ràng, thời đọc xong rồi, dù không còn nhớ được mãi cái hình-thể câu thơ, mà cái cảm-giác nó đã in sâu vào trong óc, đủ làm một cái động-cơ để kích-thích cho tinh-thần hành-động. Trong lối thơ mơ-màng thời cái kiểu của nhà thi-nhân vẽ ra, nó xa-xôi, nó mập-mờ quá, như cái hình cái bóng thấp-thoáng trong khoảng không, người đọc khó lòng mà lĩnh-lược lấy được, như vậy thời cũng ít có cái bụng hưng-khởi muốn mô-phỏng mà thi-hành ra sự thực. Khi nào âu-sầu buồn-bã thời thường dở ra đọc ra ngâm, vì cái âm-điệu nó mát như gió, êm như ru, đọc lên đủ khiến cho tinh-thần được sảng-khoái, nhưng chỉ thoảng qua một lúc mà không có dấu-vết lâu-dài. Đến như đọc một bài thơ có ý-nghĩa rõ-ràng, thời cái cảm-giác nó như giục-giã ta phấn-khởi lên để mà thực-hành cái kiểu-mẫu của nhà thi-nhân đã bày ra đó.

« Song ta phải nên biết rằng nhà thi-nhân chỉ có giá-trị là giúp được cho ta có cái lòng phấn-khởi thực-hành đó. Người nào giúp được ta vượt ra ngoài cái thói quen như trên đã nói, để ra sức mà tinh-tiến, ấy là nhà thi-nhân có công với người đời hơn cả. Vì cái Thơ của các nhà thi-nhân rút lại phải truyền sang cho ta, phải thực-hành ra đời ta thời mới là thơ có giá-trị ; phải như cái động-cơ khiến được ta có lòng hưng-khởi muốn hằng ngày hằng đổi mới tinh-thần cho tinh-tao mạnh-mẽ thì mới là thơ có hiệu-lực. Như khi ta đọc bài tuồng Lôi-xích (*Le Cid*) mà cái khí anh-hùng như chuyển-động cả não-cân, tưởng như cũng muốn hăm-hăm cầm thanh kiếm mà ra quyết-đấu với giặc Mô, ấy cái động-lực của Thơ có khi hùng mạnh như thế... Nhưng nếu nhà làm thơ chỉ cho ta một cái mĩ-tình khoái-ý trong một khi một lúc, thời thơ đó không có giá-trị gì... Nhà thi-nhân phải rằng trước hết nghiền-ngẫm những cái căn-duyên thâm-trầm trong tâm-tình người ta (việc này ai chịu khó cũng có thể tự mình làm được), rồi sau qui-nạp thành một cái lý-tưởng cao-thâm mà diễn-xuất nó ra lời thơ đích-đáng để làm cái phương-châm hành-động cho người đời (việc này thời không phải ai cũng có tư-cách làm được và chính là chức-vụ riêng của người làm thơ)... Như một câu : « làm người phải thương-yêu lẫn nhau (*aimez-vous les uns les autres*) » đó là cái lý-tưởng của một bậc thánh-nhân đã quan-sát tâm-tình người ta mà qui-nạp thành một câu cách-ngôn thiên-cổ. Bậc thánh-nhân ấy tức là Đức Gia-tô, mà Đức Gia-tô đề-xướng ra cái lý-tưởng ấy tức là làm nên sự nghiệp một nhà thi-nhân tuyệt-luận

vì nhân đó mà đã mở cho loài người một cái trường-sở rất to rộng để mà ma-luyện cái nhân-cách cho được thanh-cao mãi lên... Chắc rằng ta không thể trách-bỉ những nhà thi-nhân ta ngưỡng tới được bậc đó. Nhưng phàm nhà làm thơ muốn cho xứng-đáng thiên-chức thời phải làm thế nào cho khoáng-trương được cái phạm-vi sinh-hoạt của người đời, làm thế nào cho người đời nhờ mình mà có cái quan-niệm sáng-suốt để đối với cái hồn thơ cố-hữu cái chí muốn tiến-thành.

« Nay ta đã biết tôn-chỉ Thơ là gì và tư-cách các nhà làm thơ thế nào, ta nên xét xem Thơ đời trước thế nào và sau sẽ thế nào.

« Tôi đã nói trên kia rằng tôi không dám tự-phụ đặt phép-tắc cho Thơ. Vậy chỉ xin lấy lịch-sử mà chứng rằng cái hồn thơ mỗi một thời-đại có thay đổi ; như về thế-kỷ thứ 17 là thời-đại thơ-văn toàn-thịnh, sau này lấy làm đời cổ-điển cho văn-học nước Pháp, thơ cũng như văn lấy điều-hòa đứng-bực, sáng-sủa rõ-ràng làm trọng, và cái mô-phạm của thơ chỉ-hoạch ra là một kiểu người ôn-hòa chính-trực, nho-nhã phong-lưu, ăn ở theo lẽ trung-bình mà không làm điều gì thái-quá.

« Kế đến thế-kỷ thứ 18 thời nhân-tâm biến-đổi, thời-thế suy-vi, người ta chỉ ưa sự hành-lạc phóng-túng, ăn sổi ở thì, có nghĩ gì đến cái mô-phạm làm người về tương-lai mà thiết đến Thơ. Cho nên đời ấy là đời cái hồn thơ suy kém hơn cả. Một xã-hội chỉ biết ăn sổi ở thì, không có lòng hoài-vọng cao-xa, thời xã-hội ấy không sao có Thơ được ; dẫu có thơ cũng là cái thơ hư-huyền phù-phiếm mà không phải là thơ chân-chính cao-thượng.

« Tiếp đến thế-kỷ 19 thời cái lãng-mạn-chủ-nghĩa thịnh-hành, lòng người đã chán những sự phù-phiếm đời trước, muốn ra sức mà chấn-loát cái hồn thơ đã bị đè-nén trong bấy lâu. Nhưng mà lại làm thái-quá ; đời trước phóng-túng về sự ăn chơi, đời này phóng-túng về đường tình-cảm. Các nhà làm thơ đều chỉ thờ một cái thần Ái-tình, coi cuộc đời như một trường xuân-mộng, tha-hồ mà đắm-thắm mơ-màng, say-sưa vui-thú, không ngờ rằng đến khi tỉnh-dậy, thấy mình già rồi, xuân-xanh đã qua, hứng-thú cũng một, bấy giờ mới sinh ra phiền-muộn chán-nản, mang cái lòng yếm-thế, không thiết gì đến sự đời nữa. Cái hồn thơ của thế-kỷ này diễn-xuất ra những hạng người vui thì vui quá đến say-sưa, buồn thời buồn quá đến thất-vọng, não-nùng thiết-tha, u-ám sầu-thảm, như các nhân-vật trong sách ông CHATEAUBRIAND, ông MUSSET vậy.

« Nay đến thế-kỷ ta đây thời cái hồn thơ xuất-hiện thế nào ? Hiện nay chưa có thể dự-đoán mà biết được. Nhưng cũng có lẽ người đời theo đuổi Thơ ở ngoài mãi đã nhọc, sẽ tỉnh-ngộ mà quay về tìm Thơ ở trong tâm-hồn mình, và cũng có lẽ tìm đấy thời thấy chăng ? Cũng có lẽ Thơ ở ngay mình mà không phải ở đâu xa, cũng có lẽ Thơ ở trong chốn gia-đình, mà không phải ở đâu những nơi giang-hồ bốn bể. Người biết ra thời cảnh gì là cảnh chẳng nên thơ, mà cảnh gì là cảnh không có thơ. Đã có thân làm người ở đời, thời cũng phải sống ở đời một cách nên thơ. Thơ mà làm cho người ta sinh-hoạt được du-khoái, chấn-loát được tinh-thần, phát-đạt nhân-cách được hoàn-toàn, mở-mang cuộc đời được rộng-rãi, Thơ ấy mới là Thơ chánh-đáng, còn ngoại-giả là những lời phù-phiếm hư-ngụy cả. Nếu thực-hành được Thơ ấy, thời nơi Thiên-quốc chính là ở chốn nhân-gian này vậy. Nhưng mà đời này có thực-hành được cái Thơ ấy không? Thế nào tương-lai này sẽ biết ... »

HỒNG-NHÂN dịch-thuật.

CÁCH ĂN-MẶC CỦA NGƯỜI NAM TA

Sự ăn-mặc là một sự thường-dùng hàng ngày. Đối với tinh-thần mà nói, thời sự ăn-mặc chỉ là cái hình-thức mà thôi ; có tinh-thần tự-nhiên có hình-thức, bất-tất phải chuyên-trọng bề ngoài ; nhưng ở một xã-hội như xã-hội ta ngày nay, đang buổi giao-thời, trình-độ bán-khai, cái tinh thần đã đành là phải trọng, mà cái hình-thức cũng không được mà nên khinh. Bảo rằng: « có hình-thức mới có tinh-thần, » đó là câu phản-ngôn nghịch-luận ; nhưng có khi cái hình-thức có một tiềm-lực rất hoạt-động, bó-buộc người ta phải nhân hình-thức mà tập-luyện lấy tinh-thần cho xứng-đáng. Vậy vấn-đề này không phải là một vấn-đề hư-phiếm mà bỏ qua đi được. Nay tôi chỉ xin bằng ư cái điều tôi biết, tôi nghĩ, tôi trông thấy, tôi nghiệm qua, rồi tham với chúng-ý mà bàn ra đấy, họa may có bổ-ích đôi chút cho quốc-dân chăng.

Cái khí-cụ của sự ăn mặc là gì ? Là gồm cả các đồ-vật mà ta mang vào mình ta, để che thân-thể ta. Dùng hai chữ « quần áo », tưởng cũng đủ quán được cái nghĩa « ăn-mặc », vì quần áo là chủ sự ăn-mặc, còn các đồ-vật khác chỉ là phụ-thuộc mà thôi. Ai cũng biết rằng loài người ta biết dùng quần áo là bởi cái lý-do người khôn hơn vật, người là ông chủ muôn loài động-vật, đã nhận cái chức là chủ-ông trong vũ-trụ, tất-nhiên phải có một cái biệt-sắc khác với loài kia. Vì vậy mà cái lý-do cớ sao ta phải ăn-mặc là bởi có hai mục-đích :

1° Loài người lúc mới sinh ra, trần-truồng như rộng, không như các loài khác đã có lông, có vẩy, có da giầy để che thân ; và bốn mùa thay đổi, hết xuân sang hạ, hết thu sang đông, khi nóng khi lạnh, khí-hậu bất-thường. Đã là người thời phải hoạt-động, muốn hoạt-động tất phải cầu cách sinh-trưởng cho êm-đềm, đó là cái mục-đích phải ăn mặc để « ngữ-thân ».

2° Làm người là một loài vật không trọn-vẹn, cứ cầu cho hơn mãi lên, không có giới-hạn nhất-định, cho nên khi đã biết cách ăn-mặc rồi thời lại mỗi ngày thay đổi làm sao cho có văn có vẻ, để tô-điểm cái đời người thêm giá-trị, đó là cái mục-đích phải ăn-mặc vì «mĩ-thuật». — Vì hai lẽ đó mà cách ăn-mặc mỗi nơi một khác, dùng quần áo mỗi người một vẻ, tùy theo khí-hậu, thổ-nghi, trí khôn của loài người và vị-trí trong xã-hội, cùng cảnh-ngộ giầu nghèo mà đổi khác nhau : người ở xứ nóng thời phải bận đồ mỏng-mảnh, người ở xứ lạnh thời phải bận đồ dầy-dặn ; người giầu sang có thể bận đồ hoa-mĩ, kẻ nghèo hèn tất phải bận đồ thô-lỗ. Lẽ đó tự-nhiên phải thế, không phải khảo-cứu, cũng không phải nhờ các nhà học phong-tục mới biết rõ được, vì khí-hậu sử-nhiên, cảnh-tình khiến vậy, bất-tất dùng đến pháp-luật cưỡng-bách mà người ta ai cũng biết tùy-nghi như thế cả.

Về thời - đại thượng - cổ, phong-khí chưa khai, trí - khôn còn độn, người ta chỉ biết ăn lông ở lỗ, trùm lá khoác da, trải biết bao nhiêu thế-kỷ, cho đến ngày nay là ngày mà cách sinh - hoạt khác hẳn xưa kia, con đường mĩ-thuật càng ngày càng rực-rỡ trương-hoàng; ngày nay là ngày rất quí thì-giờ, rất trọng sự tiện-lợi, không những các dân-tộc trong lục-địa bị ảnh-hưởng lẫn nhau, mà cách ăn-mặc càng ngày càng đổi mới, mỗi mùa mỗi lối, mỗi lối mỗi vẻ riêng ; cho đến những dân - tộc ở tiểu -

đảo giữa đại-dương cũng dần-dần chế-tạo cách ăn-mặc cho hợp thời-nghi, cho đúng với trình-độ tri-khôn loài người. Xem ra ngày nay các nước đều bắt-chước nhau ăn-mặc. Một nhà đi du-lịch hoàn-cầu năm 1907 có nói ở trong mục «Quan-sát về cách ăn mặc» rằng : «Thoạt-tiên mới bước vào kinh-thành một đại-quốc nào chẳng hạn, thấy người bản-xứ phần nhiều đều ăn-mặc theo cách Âu-tây cả ; chỉ còn ở các nơi tỉnh-lỵ và các miền thôn-dã là còn giữ lối riêng của bản-xứ mà thôi.» Lại nói rằng : « Bây giờ muốn biết người kia là thuộc về giống nào, thời ta chỉ được xét dọng nói, cách cư-xử và nhất là mầu da đen hay trắng, vàng hay sẫm, mới rõ người là người Âu hay Á, người Mĩ hay Phi, vì họ ăn-mặc tương-tự nhau lắm. » Mà quả ngay ở nước ta, có phải là ta trông thấy người ngoại-quốc đến đây họ ăn-mặc giống nhau lắm không ? Nhưng cũng vì cái phong-hóa đại-đồng ấy còn chưa mầu-nhiệm lắm, nên cách ăn-mặc của một dân-tộc nào đi thủ-pháp của dân-tộc khác, thời thường phô-bày ra nhiều lối « đầu Ngô mình Sở»; ấy chính là quang-cảnh ngày nay vậy.

Nay xin nói đến cách ăn-mặc của người Nam ta có hai lối :

1) Lối thứ nhất là lối cũ (theo lối Tầu)

2) Lối thứ hai là lối mới (theo lối Tây)

Lối thứ nhất. — Nước Nam ta dựng nước đã lâu, khai-hóa rất sớm, dân-cư theo giải Nhị-hà, khí-hậu thuộc về ôn-đới, không kể chi ngày xưa, tiền-nhân ta cũng như các loài người ta sinh trên trái đất, mới chỉ biết tết lá với lấy da loài thú làm đồ vật che thân. Vì một nòi-giống nào mới sinh ra, còn bỡ-ngỡ, còn ngu-độn, chỉ có cái gì cần đến tính-mệnh thời bất-đắc-dĩ phải tìm cách để dưỡng-sinh trị-sinh, như đói thời chỉ biết ăn sống nuốt tươi, nào đã biết đâu gieo thóc thành lúa mà xay, mà dã, mà nấu thành cơm ; như rét thời chỉ biết trùm lông khoác lá, nào đã biết đâu nuôi tằm kéo tơ, mà xe, mà dệt, mà làm thành vải. Ấy đó rồi dần-dần tri-khôn mở rộng, cách sinh-hoạt nghe đã rồi-rào, thời trước còn mong lợi-dụng, sau đến cầu hoa-mĩ, trước mới chỉ biết lấy từng súc vải mà quấn vào mình, sau đã biết cắt thành hai tay áo, hai ống quần, có khuy, có khuyết, có vạt trước vạt sau. — Xét trong lịch-sử nước ta, mục ăn-mặc không từng chép đến; nhưng có nhiều lẽ khiến ta ngày nay biết rõ được : Phàm chung hai xứ gần nhau, hai dân-tộc phải có tình liên-can với nhau ; trong tình liên-can ấy, hoặc nước lớn chiếm nước nhỏ, nước yếu phục-tòng nước mạnh, hay hai nước thế-lực ngang nhau, thời hòa-hiếu với nhau, nước nào có điều hay thì nước kia bắt-chước, hay là nước nọ bắt nước kia phải bắt-chước để đồng-hóa, mà nước Nam ta là một nước nhỏ nước yếu lân-cận với nước Tầu, cũng như nước Chiêu-tiên đồng-chủng với nước Tầu, thời chế-độ điển-chương thế-tất phải theo với nước Tầu. Khi nội-thuộc, Tầu bắt ta phải theo cùng một tôn-giáo, một chính-trị, một lễ-nghi cũng như cách bảo-hộ của La-mã ngày xưa vậy. — Khi Tầu loạn, người Tầu sang tị-nạn lần-lút ở xứ ta, lâu ngày nhập-tịch với dân ta. Ta với Tầu liên-can với nhau là thế, cho nên bảo rằng ta ăn-mặc theo lối Tầu, không phải là quá-đáng vậy. Ta đã công-nhận là ta ăn-mặc bắt-chước Tầu, thời sau này hoặc có đổi khác đi đôi chút, nhưng cái tinh - thần cổ - điển vẫn có vẻ tổ-thuật ở Tầu mà ra. Vậy có thí - nghiệm nào quyết - thực không ? Có hai điều thí-nghiệm sác-đáng, kể ra sau này :

Một là xét y-phục nơi triều-đình ;

Hai là xét y-phục của thổ-nhân.

Trên tôi đã nói chế-độ, lễ-nghi đều theo Tàu, cho nên những triều-phục

của ta, như mũ-mãng, như hia-ủng cùng các nghi-vệ khác, y-nhiên là tổ-thuật của Tàu ra. Vậy trên triều-đình là nền quan-chiêm của thiên-hạ mà đã thủ-pháp ở nước ngoài, thời dưới tứ-dân là cơ chịu ảnh-hưởng có lẽ đâu lại không theo Tàu được sao?

Nay ta lại xem cách ăn-mặc của thổ-nhân ta. — Xưa nay các nhà khảo-cứu về phong-tục muốn biết cái cơ hiện-tại, thời phải xét cái nguyên-nhân dĩ-vãng, mà các nhà đi khai-thác địa-phương thời phải dùng đến thổ-nhân dẫn lối. Vậy thổ-nhân nước ta tức là các giống Mường Mán ở mạn thượng-du xứ Bắc-kỳ. Theo lý-thuyết nhà sử-ký thời hạng thổ-nhân này hoặc là người xưa sót lại vẫn ở một xứ ấy, hay là người ở Trung-châu bị những phái hảo-trưởng và người Tàu sang ở ngụ bên ta khu-trục họ lên ở đó. Vậy Thượng-du thời giáp-giới với hai tỉnh Quảng-Đông Quảng-Tây bên Tàu, cho nên có nhiều giống Mường-Mán ăn-mặc chẳng khác chi người Tàu, cũng bận đồ châm-sám, cũng quần hẹp ống, cũng áo ngắn thân, cũng giầy hài-chảo, cũng đội nón đan... Xem thế thời trước kia, nòi giống ta ăn-mặc na-ná thế cả. Nhưng vì sao mà nay người Trung-châu với người Thượng-du ăn-mặc khác hẳn nhau thế? Lẽ đó cũng dễ giải, vì khi xưa Trung-châu ta ngày nay chỉ tuyền là đầm ao, sau mới thành ra một bãi bình-nguyên là nhờ sa bồi của nước sông Nhị-hà; từ đó quan-lại Tàu hay sang đóng đô-hộ ở đó, mà những triều ta độc-lập cũng hay đóng đô ở đó là nơi khí-hậu ấm-áp, đất-cát phi-nhiêu, dân-cư càng ngày càng thịnh, vừa được trực-tiếp với triều-đình, cho nên chịu được nhiều phong-hóa hơn các người Mường-Mán ở Thượng-du. Cũng vì lẽ ấy mà người Trung-châu không ăn-mặc giống như người ở Thượng-du, là người Trung-châu vẫn có ý khinh-bỉ người Thượng-du là mọi-rợ, cho nên đổi khác cách ăn-mặc để phân-biệt với man-di. Ấy cũng là một thói thâm-nhiễm của người Tàu đấy.

Nay bảo lối ăn-mặc cũ là theo lối Tàu, không phải là bảo theo hẳn như của Tàu đâu. Này một dân-tộc bắt-chước một điều của dân-tộc kia, thường phải tùy theo khí-hậu, quốc-tính với cảnh-ngộ mà đổi khác đi đôi chút. — Không kể chi là một dân-tộc tiến-thủ biết thâu-thủ cái điều hay ở ngoại-giới rồi biệt-lập ra của riêng của mình, mà đã là một dân-tộc cố-thủ đi nữa cũng không thể không theo khí-hậu, quốc-tính với cảnh-ngộ mà đổi khác đi được, như người Tàu ở về hàn-đới thời tất-nhiên họ phải ăn-mặc một cách cực-kỳ ấm-áp, chớ ta ở về ôn-đới, dù muốn theo ăn-mặc như thế cũng chẳng được nào, vì ta không chịu được cái nhiệt-độ quá như vậy.

Lối thứ hai. — Bắt đầu từ thế-kỷ thứ 19, cái phong-trào mĩ-thuật Âu-tây truyền-bá sang cõi Á-đông này, là ngày trông xa suốt cả hoàn-cầu như có vẻ đồng-văn cộng-hóa; nước lớn nước nhỏ, dân-tộc giầu-mạnh, dân-tộc nghèo-yếu cũng dần khắp cải-trang Âu-phục. Nhất là nước Nhật-bản, hồi mới duy-tân, dân Nhật rất nhiệt-thành về sự Âu-trang, đến nỗi những bọn thiếu-niên hễ thấy người trong nước ai còn thủ-cựu thời khinh-bỉ ra mặt. Lấy là người giống da vàng, mà ăn-mặc theo người giống da trắng cũng là vì cái lòng khuynh-hướng các điều văn-minh của Thái-Tây, cho nên lấy cái hình-thức của Thái-Tây làm cái biểu-hiệu văn-minh trong thế-giới.

Nước Nam ta từ ngày nước Pháp sang bảo-hộ đến giờ, cách ăn-mặc của dân ta cũng dần-dà theo phong-trào mới

mà đổi khác đi. Hiện nay ta có ba cách ăn-mặc khác hẳn nhau.

1º Cách ăn-mặc tây: người Nam ta cũng bận quần áo như người Pháp.

2º Cách ăn-mặc cũ điểm thêm lối mới : Trước kia quần áo ta vừa rộng vừa dài, ngày nay thời vừa hẹp vừa ngắn, áo lên mươi gấu, quần hẹp vài phần, kích-thước khung-khổ khác hẳn ngày xưa. Trước kia ta tuyền dùng áo dài, nay ta cũng theo lối áo «sơ-mi» của tây mà chế ra thứ áo cánh mặc trong...

3º Cách ăn-mặc của bọn thợ-thuyền bồi bếp, như mặc áo tây quần ta, hay quần tây áo ta...

Trong ba cách mới ấy, cách nào cũng rất thịnh-hành cả. Nhất là ở thị-thành, số người ăn-mặc tây nhiều lắm, mà hồ hết thảy là người đã nhiễm theo âu-hóa. Trông cái quang-cảnh ngày nay, mà ngẫm lại cái quang-cảnh trên 40 năm, thật là cách xa nhau lắm. Dĩ-chí các ông cụ già cũng phần nhiều không còn đôi chút cổ-phong gì nữa. Cái cảnh-tượng theo mới ngày nay tưởng cũng không kém gì cái cảnh-tượng thay hình đổi dạng bên Nhật lúc mới duy-tân vậy.

Cũng vì cái phong-trào mãnh-liệt ấy mà có người bàn tất cả đồng-bang đều nên theo một lối là lối thứ hai : ăn-mặc ta theo lối hiện-thời đương-dụng; có người bàn tất cả nên ăn-mặc tây, vì ở thời-đại văn-minh này, thời phải có cái hình-thức văn-minh để tập-luyện lấy cái tinh-thần văn-minh ; mà nghe đâu cũng có người bàn tất cả nên ăn-mặc như cách thứ ba, là cách ăn-mặc của hạng thợ-thuyền bồi-bếp, dáng muốn biệt-lập một cách riêng như người Ai-lao, Cao-miên vậy. Ba điều bàn ấy đều theo một phương-diện riêng, một chủ-nghĩa riêng, không phải là không đích-đáng, cũng không phải là không hợp-thời. Nhưng tôi thiết-tưởng nhân-sinh tùy sở-thích, mỗi người một ý, dụng-độ cũng mỗi người một khác, không thể lập một khuôn-phép nhất-định, bắt buộc người ta ai cũng phải theo một lối. Hoặc bảo rằng học-sinh trong một tràng còn có thể bắt theo một chế-phục (*uniforme*), phương-chi là người trong một nước, một nước là một cái tràng to; ở trong xã-hội, mỗi người một vị-trí, một cảnh-ngộ, một nghệ-thuật, một khuynh-hướng, tưởng khó đặt một phạm-vi nhất-định về cách ăn-mặc được. Chi bằng ta đã biết rằng ăn-mặc là vì hai mục-đích «lợi-dụng» và «mĩ-thuật», ta cứ so-sánh châm-chước hai điều ấy cho thích-trung, sẽ biết được ăn-mặc thế nào là tiện, thế nào là hợp, là nhã.

Nay nói cách ăn-mặc tây đối với người Nam ta.

Đứng về phương-diện lợi-dụng mà nói, thời hạng người ở chốn nhà-quê quyết không có thể ăn-mặc tây được. Vì sao ? Những người ở nhà-quê, cách sinh-hoạt hàng ngày còn giữ lối xưa, chưa nhiễm nhiều tân-hóa, mà bao nhiêu công-việc làm-ăn lại chỉ dùng bằng sức chân tay ; còn người ở tỉnh-thành phần nhiều là người đi học đi làm, tân-hóa đã dần dần tiêm-nhiễm, mặc quần-áo tây cũng có đôi phần tiện-lợi.

Ta thử xem các nước Âu, Mĩ, cầy bừa đều dùng máy-móc để thay nhân-lực, cho chí các công-tác trong các nghề cũng vậy, không tốn đến nhân-công, không phiền đến nhân-lực, mà nhà làm ruộng nước ta thì sao ? Cầy sâu cuốc bẫm, chân lấm tay bùn, máy cầy bừa không có, máy gặt hái thời không, chẻ lạt đan phên, thế-tất phải ngồi sổm dùng ngón chân với con giao hay là lấy răng mà tước, như thế mà bảo mặc quần áo tây như các nông-phu Âu, Mĩ, thì dẫu gọn-gàng thật, nhưng không tiện cho cách

cử-chỉ vận-động, còn làm ăn gì được ! — Ở nhà-quê, chưa mấy nơi biết dùng bàn ghế, chỉ hay dùng giường, sập, thế thời mặc cái bộ áo chật-hẹp, có điều bất-tiện quá ! Vậy cho nên cách ăn-mặc ở chốn quê chưa đổi mấy. Từ ngày Chánh-phủ mộ lính sang tòng-chinh bên Pháp, nay nhiều nơi đã bị ảnh-hưởng của các lính-mộ ấy mà ăn-mặc cái lối áo tây quần ta, tưởng cách ấy rất tiện cho nông-phu ta lắm.

Người ở nhà-quê không nên ăn-mặc tây, lẽ đó đã rõ rồi, nhưng còn người ở tỉnh-thành thì có nên ăn-mặc tây cả không ?

Người ở tỉnh-thành, tiền-bạc sẵn, dễ đua nhau. Bồi-bếp phu-xe ăn-mặc cái lối áo tây quần ta rất là tiện-lợi, vì ăn-mặc thế thì gọn-gàng trông không vướng mắt. Hạng thợ-thuyền làm trong các xưởng máy, lại cũng không thể ăn-mặc luộm-thuộm, vì nếu ăn-mặc thế thời không những là vận-động không được nhanh-nhẹn, mà lắm khi cũng vì ăn-mặc luộm-thuộm ấy mà hại đến tính-mệnh. Thường có người chỉ vì cái búi-tóc mà bị máy quay máy guồng bỏ mình trong giây phút. Bởi vậy cho nên bao nhiêu thợ-thuyền ta đều theo cách ăn-mặc như thợ-thuyền tây, hay là theo lối quần ta áo tây cho tiện cách cử-động.

Còn các thầy đi làm việc các sở, hiện nay cũng phần nhiều đã cải-trang rồi, vì ăn-mặc quần-áo tây cũng tiện. Khi vào sở thời đã có bàn viết có ghế ngồi, và khi giao-thiệp với người Pháp lại càng không có vẻ khúm-núm cái tư-cách người đi làm việc nhờ đó mà tăng thêm giá-trị ; khi về nhà thời cũng phần nhiều nhà biết dùng bàn ghế, cử-chỉ ở gia-đình lại cũng tiện. Còn người đi học, hoặc có nơi cưỡng-bách phải ăn-mặc tây, hay có nơi không cưỡng-bách mà cũng đã phần nhiều ăn-mặc tây, cũng có ý lợi-dụng vậy.

Đứng về phương-diện mĩ-thuật mà nói thời người ta ăn-mặc tây quyết không dễ coi bằng ăn-mặc ta. Cái cách ăn-mặc ta đối với người Nam ta là cái tinh-thần cố-hữu có đã kể hơn ngàn năm, mà cái cách ăn-mặc tây đối với người Nam ta chỉ là cái hình-thức tân-tạo mới có trong hai ba mươi năm nay thôi. Cái hình-thức đó là cái tinh-thần của người bên Thái-Tây, đã trải bao nhiêu thế-kỷ mới có ngày nay, há có dễ một lúc mà nên được. Xem như nước Pháp từ đời dân Gaulois đến ngày nay, cách ăn-mặc mỗi đời một kiểu, mỗi kiểu một khác, là vì người Pháp rất có tinh-thần về mĩ-thuật ; thế mà trong vòng hai ba mươi năm, người mình đã bắt-chước được, tưởng cũng là chóng vậy. Nhưng phải biết rằng cách ăn-mặc tây đối với ta, thật không có vẻ mĩ-thuật một chút nào. Kìa một người tây ăn-mặc xuềnh-xoàng, ta coi là đẹp, mà ta lắm người ăn-mặc thực tốn-kém ta trông thật vẫn không bằng, đó là cái quan-niệm chung của phần nhiều người ăn-mặc tây. Lại còn lẽ nữa là ta từ lúc bé không tập thể-thao; ngực ép lưng gù, đi đứng không có qui-củ, mà kể đến dáng-giấp mới lại thực là không có. Có nhiều người ăn-mặc tây không được tự-nhiên, cũng bắt-chước cái dáng thẳng-thắn như người Tây, thời lại hóa ra cứng đờ, tựa như cái bộ quần áo nó bó-buộc cả thân-thể người, làm ngăn-trở cách vận-động. Còn người ăn-mặc đã lâu năm, tuy không có cái quái-trạng khả-tiếu ấy, nhưng trông cũng không lấy gì làm đẹp, là vì cái khổ người ta không thích-hợp với cái bộ quần-áo của người Tây.

Vả-chăng ta không biết cách trang-điểm. Cùng một bộ quần áo, người Tây mặc thì đẹp, mà ta mặc xấu; cùng một cái mũ, người Tây đội xinh, mà ta đội không xinh, là vì ta không biết ngắm cái thân-thể của ta và cái màu da, cho nên dùng những thứ của người Tây

dùng có nhiều thứ không những là không đẹp, mà lại còn trông chướng mắt nữa, thực thêm cái trò hề cho người ngoại-quốc mua vui.

Ấy kể về mĩ-thuật thời người ta quả không nên mặc quần-áo Tây. Nhưng đời bây giờ là đời chủ sự thực-hành, quí đường lợi-dụng, cách ăn-mặc các nước đã đều theo nhau mà biến-đổi dần-dần, người Nam ta cũng có hạng nên dùng cách ăn-mặc tây, kể hạng người không phải cứ là hạng biết chữ tây, có làm việc tây mới nên mặc, là tất cả các hạng người trong xã-hội tùy nghề-nghiệp của mình mà lợi-dụng.

Nói tóm lại, ta phải tùy cảnh-ngộ, với cách lợi-dụng công hay tư của ta mà tìm cách ăn-mặc cho tiện-lợi, chớ không nên để quyền cho bộ quần-áo nó bó-buộc được ta.

Ấy cũng vì nước ta, đương thời-buổi thay mới đổi cũ, ăn-mặc nhố-nhăng này, người theo lối mới, kẻ giữ cách xưa, vẫn có hai phái công-kích nhau, phản-đối nhau, khinh-bỉ nhau. Tuy không đến nỗi kịch-liệt phát-lộ ra ngoài, nhưng vẫn âm-thầm ngấm-nghía ở trong. Người thủ-cựu thời có ý chê người tòng-tân là văn-minh bì-tưởng, là y-phục bất-xứng kỳ-đức; người tòng-tân lại có ý chê người thủ-cựu là hủ-lậu, là kiêu-nhân, là bất thức-thời. Phải, đã đành rằng ăn-mặc hoa-mĩ không xứng với tài-đức của mình, hay không so với tư-hữu của mình, ngông-nghênh lấy bộ quần áo làm tự-cao tự-đại, rồi lại nhờ cái mầu-mỡ duy-tân để cầu cái lợi nho-nhỏ đề-tiện ở ngoài đường, trong đám hội, thời thực lại là đáng chê, chê là tiểu-nhân vậy; nhưng lấy bộ quần áo ta làm cái huy-hiệu ái-quốc tồn-cổ, mà cổ chi tinh-thần không có, quốc chi huyết-tính tuyệt không, lại thực cũng là một hạng tội-nhân trong xã-hội, làm ngăn-trở con đường tiến-hóa.

Sao ta không trông có một hạng người kia, ăn-mặc dù tây dù ta, dù mới dù cũ, chỉ là vì chủ-nghĩa mĩ-thuật, mà có nghĩa-lý, có đạo-đức, có văn-chương, mà ta thấy khác ta, ta đã vội khinh? Ông Án-tử nhân thấy thói đời sa-xỉ, lấy thân là ông tể-tướng mà ăn-mặc tiết-kiệm để khuyên đời. Ông Tử-Cống đi chu-du thiên-hạ, mà mặc áo khinh-cừu, đi xe tứ-mã, để cầu hiền-quân. Ta có lẽ thấy cách ăn-mặc đó mà đã vội chê là biến-lận, là sa-xỉ, được chăng. Ôi! cái nghĩa tùy-thời to lắm thay! Tự mình mình có giá-trị mà ăn-mặc phải chăng thời giá-trị càng tăng thêm; mà tự mình mình không có giá-trị mà ăn-mặc quá-đáng thời xấu-hổ gì bằng. Còn như nhân-sinh tùy sở-thích, ta giầu ư, thời ta ăn-mặc sa-hoa, há rằng chẳng được; ta nghèo ư, thời ta ăn-mặc thô-lỗ, há được tự khinh. Ăn-mặc dù đẹp dù xấu, dù theo mới dù giữ cũ, cốt làm sao cho cố-quốc-tinh-thần không vì cái hình-thức mà tuyệt-diệt đi mất.

Xem ra ngày nay, cách ăn-mặc ta như là bậc lão-thành, mà cách ăn-mặc tây tức như là bậc tân-tiến. Thế thời trong xã-hội phải có bậc lão-thành mới gây nên bọn tân-tiến ngày nay. Bậc lão-thành ấy dù không hợp thời-nghi chẳng nữa, nhưng sao ta há vội tuyệt hẳn không theo bậc lão-thành là chủ-ông gây nền quốc-túy cho ta bây giờ đã từ bao? Cứ theo như lý-thuyết ấy thời ta nên nghiên-cứu về cái quan-niệm của người minh đối với cách ăn mặc ta.

Cứ theo như ý tôi thiển nghĩ thời ta nên bảo-tồn lấy cách ăn-mặc ta, mà nhận cho cách ăn-mặc ấy là cái nền « cổ-điển » và « quốc-túy » và « đặc-sắc » của mình.

Nếu nước ta lập-quốc mới bốn năm

mươi năm nay, là thời-đại nước Đại-Pháp mới giao-thiệp với ta, mà trước kia không có một cuộc lịch-sử lâu dài, thời ta không nhìn nhận cách ăn mặc cũ cũng chẳng hại gì. Nhưng mà nay chúng ta đã nhìn-nhận nước mình là nước cổ ở Á-đông này, mà ngoại-quốc cũng công-nhận nước mình là nước cổ với nước Tàu, thế thời có lẽ đâu nước cổ mà lại không có cách ăn-mặc cổ sao.

Sự bảo-tồn nên thế nào ?

Tôi nói bảo-tồn đây không phải là bảo tất cả người mình chỉ nên ăn mặc quần-áo ta cả đâu. Ngày nay là thời-đại lợi-dụng, cách sinh-hoạt đã xu-hướng về tân-trào, thời những người theo về đường hoạt động mới quyết không thể nhất-thiết ăn mặc theo lối cũ mà cũng phải tùy nghi châm-chước lối mới. Nhưng cái bản-hữu từ xưa không nên để cho mai-một đi mất. Kia thử xem người Tàu người Nhật cũng là một giống da vàng, không câu-nệ, biết tùy-thời mà cải-trang Âu-phục, nhưng khen thay cũng không vì cái lòng xu-hướng tân-trào mà bỏ mất cái quốc-ba cổ-điển : Như khi họ giao-thiệp trong việc buôn-bán, trong việc chính-trị, thời họ ăn-mặc theo lối Thái-Tây ; đến khi ở trong nhà thời họ lại ăn-mặc theo lối riêng của họ. Dáng chừng họ lấy cách ăn-mặc của Thái-Tây là tiện cho việc ngoại-giao, mà cách ăn-mặc riêng của họ là cái biểu-hiệu yêu nước yêu nhà, không nỡ mà cũng không được khinh-bỉ cái cổ-điển mà không dùng. Lấy là người Nhật mặc quần-áo Tây mà chỉ-khí mà tinh-thần vẫn là người Nhật, cho đến cả cái vẻ đi đứng, cách cử-chỉ cũng hiển-nhiên là người Nhật, không ngông-nghênh, không lấc-cấc như phần nhiều người Nam ta ăn-mặc tây, trông rõ rợ mà rõ chướng. Đó có lẽ là người Nhật ăn-mặc tây mà tự mình không biết vậy. Cái chân-tướng của họ không thẹn với cái ngoại-dung của họ, đáng là một dân-tộc văn-minh. Đáng khen thay ! Nên bắt chước thay ! Ta ngẫm mà coi...

BIỂN-XA

MỘT NHÀ NỮ-BÁC-SĨ NƯỚC PHÁP :

BÀ CURIE (CỔ-LÍ PHU-NHÂN)

Ai đã đọc qua sách hóa-học thời cũng biết rằng hóa-học chia các chất trong trời đất ra làm hai hạng : một là đơn-chất hay là nguyên-chất, hai là hợp-chất. Đơn chất là những chất không thể phân-tích ra được nữa, giản-đơn đến thế là cùng ; hợp-chất là họp hai hay là nhiều đơn-chất mà làm thành ra. Hợp-chất thời thiên-hình vạn-trạng, bao nhiêu vật-chất trong vũ-trụ là hợp-chất cả. Nhưng mà các hợp-chất ấy, lấy phép hóa-học mà phân-tích ra, rút lại chỉ có ngót tám-mươi nguyên-chất, hiện nay mới tìm thấy, điều-hòa phối-hợp mà thành ra. Hóa-học chẳng qua là học những sự biến-hóa của tám-mươi cái nguyên-chất đó mà thôi. Chắc ngoài số ấy, còn có ít nhiều nguyên-chất khác nữa, hiện chưa phát-minh ra được, nhưng có lẽ là những chất mầu-nhiệm vô-cùng, khoa-học chưa có đủ phương-pháp, đủ máy-móc mà thâu-thập lấy được. Bởi vậy nên các nhà hóa-học hằng ngày chuyên-tâm chú-ý để cố tìm-tòi ra được một chất mới, cho tăng thêm cái số nguyên-chất đã phát-minh được từ xưa đến nay, mà khám-phá cái kho

bí-mật của Tạo-hóa vẫn giữ kín, khác nào như các thày đạo-sĩ ngày xưa luyện-đan để tìm lấy thuốc trường-sinh vậy. Song một đời người sưu-tầm thí-nghiệm, hồ dễ đã tìm được một chất mới! Tựa-hồ như người ta càng tìm-tòi mà Tạo-hóa càng dấu kỹ, hay là cũng có lẽ Tạo-hóa đã cùng-phạp rồi, bề ngoài tựa-hồ như thiên-biến vạn-hóa, phong-phú vô-cùng, mà kỳ-trung chỉ có tám-mươi chất đó mà thôi? Dù thế nào nữa, một nhà bác-học đời nay, nghiên-tinh đàm-tứ, cùng-cứu trong mấy mươi năm trời, mà phát-minh ra được một nguyên-chất mới, người trước chưa từng biết bao giờ, thời đó thật là một cái sự-nghiệp đủ quang-vinh một đời mà lưu-truyền vạn-thế vậy.

Sự-nghiệp ấy chính là sự-nghiệp hai nhà hóa-học nước Pháp đời nay, là hai Ông Bà Curie vậy.

Năm 1898, trong hóa-học giới có truyền ra một cái tin mừng, là mới phát-minh được một nguyên-chất mới, có tính lạ kỳ. Sự phát-minh ấy là do một nhà lý-hóa-học ở Paris tên là Pierre Curie, cùng với bà vợ và người học-trò tên là Bémont, nghiên-cứu đã lâu năm mới tìm ra được. Nguyên-chất mới này là gì? Bởi trước chưa ai biết nên chưa có tên, nhưng vì có tính phát-quang nên đặt tên là *radium*, tàu dịch là « quang », 鐳, phù-hiệu trong hóa-học-biểu là **Ra**. Từ cái phát-minh đó mà hai Ông Bà Curie nổi tiếng trong khắp thế-giới. Bấy giờ lại càng ra công nghiên-cứu, cho biết hết các tính-cách của cái chất mới lạ này, thật là đem cả cái thân-thế một đôi vợ chồng mà hi-sinh cho một mảnh vật-chất cả trong gầm trời không có tới một lạng, lấy đấy làm cái sự-nghiệp chung-thân vậy. Kịp đến năm 1906, phu-quân bị xe đè chết, còn một mình bà ở lại, tuy đơn-chiếc lẻ-loi mà càng gắng công nghiên-cứu, để cho hoàn-toàn cái sự-nghiệp chung. Nhờ bà mà chất « quang » ngày nay đã chiếm được một cái địa-vị quan-trọng trong lịch-sử hóa-học vậy. Từ ngày phu-quân mất, bà đã hai lần được phần-thưởng *Nobel*, là một cuộc thưởng to của người Thụy-điển (Suède) đặt ra để thưởng cho những nhà văn-học khoa-học có biệt-tài trong thế-giới. Bà lại được Chánh-phủ Đại-Pháp cử làm giáo-sư khoa lý-hóa ở trường Đại-học Sorbonne. Thân đàn-bà mà làm được sự-nghiệp vĩ-đại như thế, thật là đáng kính đáng phục vô-cùng. Thuộc về lịch-sử riêng của bà thời không có truyện gì lạ cả; chỉ biết rằng bà vốn người Ba-lan (Pologne), tên nhà là Marie Skladowska, sinh ở thành Varsovie năm 1867; đến năm 1895 kết duyên với ông Pierre Curie, thời từ đấy cùng chồng đem thân hiến cho Khoa-học. Có nhà làm sách đã nói rằng: Bà Curie không có lịch-sử riêng; Bà là cái thần Khoa-học hiện-hình ra người đàn-bà vậy. Lại có người nói rằng: Lịch-sử bà Curie tức là lịch-sử của chất « quang » đó. Vậy nhân đây xin kể qua về lịch-sử cái nguyên-chất lạ-lùng ấy, đã làm nên sự-nghiệp một bậc phụ-nữ có thiên-tài như sau này.

Chất quang (鐳: tên tây là Radium, phù-hiệu *Ra*, trọng-lượng 225), là một nguyên-chất trong cõi thiên-nhiên có rất ít. Người ta lấy nó ở một thứ thanh-khoáng-thạch, tên tây là *pechblende*. Nó có tính kỳ lắm, các nhà khoa-học gần đây chú-ý nghiên-cứu không phải rằng vì nó dùng được việc to cho công-nghệ, thực là vì cái cách tác-dụng nó lạ thường lắm. Nay thử lược-thuật như sau này.

Chất « quang » tự nó phát sáng được, cho nên để nó vào chỗ tối mà trông thời nó sáng-quắc. Lại lạ nữa, là cái sáng ấy có thể làm cho các vật-chất khác vốn không có tính phát sáng mà thành ra

phát sáng được. Lệ như dùng hai cái chén A và B ; trong cái chén A để một vật gì có chất «quang», còn cái chén B thời đựng nước lã. Để hai cái vào một chỗ ít lâu, rồi cầm lên xem, thời thấy nước lã ở trong chén B cũng phát sáng được. Lại xét ra cái sáng của chất «quang» phát ra có thể biến-hóa những hình trên tấm ảnh, cho nên có thể dùng về chụp ảnh được. Lại có một phần cái sáng ấy có thể suốt qua được những vật rắn như gỗ, qua rồi vẫn có thể biến-hóa được hình ảnh (cũng giống như tia-sáng X trong vật-lý-học vậy).

Sau Ông Bà CURIE, các nhà hóa-học trong các nước mấy năm gần đây lại càng chú-ý về chất «quang» lắm. Như nhà hóa-học nước Anh RAMSAY, mới rồi khảo chất « quang » có thể biến ra chất «hạch» (氦, *Hélium*) được. Ông để một tí chất «quang» vào trong cái ống pha-lê nhỏ, lấy kính phân-quang đo thời chỉ thấy có ánh sáng «quang», cho nên biết rằng trong ống chỉ có chất «quang» mà thôi. Nhưng cách mấy ngày ông lại lấy kính phân-quang đo, thời chợt thấy có phát ánh sáng «hạch». Trong ống vốn không có chất sau đó, thời khá tin rằng chất «hạch» là chất «quang» biến thành ra. Theo cái công-lệ của hóa-học xưa nay, không từng bao giờ một nguyên-chất nọ biến ra làm nguyên-chất kia được. Cho nên chất «quang» mà biến ra làm chất «hạch», thực là nguyên-chất biến - hóa (*transmutation des éléments*) lần thứ nhất vậy.

Nói tóm lại, chất «quang» ấy thật là lạ, cách tác-dụng không có giống những cách tác-dụng tầm-thường, mà muốn giải cho ra thật cũng khó lắm.

Phần nhiều nhà hóa-học lấy rằng chất «quang» có thể phát sáng ra được thực là bởi những nguyên-tử trong chất ấy tự phân-giải ra (*désintégration*). Ta từng trông thấy trên không có khi có những sao bay rơi xuống khả-tri rằng khoảng không tuy rộng, tinh cầu tuy nhiều, mà cũng có khi tự phân-giải mà đến rơi rụng. Lại trông thấy các phân-tử trong hóa-học, hễ cái ái-lực (*force de cohésion*) nó bị vật ngoài thắng, thời mất cái sức tương-kết mà liền phân-giải ngay. Như nước mà gặp luồng điện thời phân-giải ra làm hai nguyên-chất : khinh-khí và dưỡng-khí. Như vậy an-tri cái nguyên-tử (*atome*) lại không phân-giải được nữa mà thành vật nhỏ hơn nữa sao ? Vật nhỏ ấy có thể gọi là vi-tử (*sous-atome*). Những nguyên-tử của chất «quang» tất nhân cái sức đoàn-kết ở trong mất thăng-bằng mà dần dần phân-giải ra làm những vi-tử. Xét ra mỗi một nguyên-tử chất «quang» trọng-lượng là 225, nghĩa là hai-trăm-hai mươi-lăm lần nặng hơn một nguyên-tử của khinh-khí ; cho nên chất-điểm trong nguyên-tử ấy chắc nó đông-đặc một cách phi-thường. (Có người khảo ra một nguyên-chất « quang » là 20 vạn vi-tử làm thành ra). Hoặc giả nhân cớ đó mà không giữ được cái sức đoàn-kết mạnh. Vì xem các nguyên-chất khác có nguyên-tử nặng như chất «do» (鈾, *Uranium*, 238,5) chất «thổ» (釷, *thorium*, 232. 5) đều có tính phát ánh sáng cả, hoặc giả đều là nhân cái chất-điểm nó đông-đặc quá mà không giữ được sức đoàn kết vậy. Nay nói về chất « quang » phát-quang có lẽ cũng vì một lý-do đó. Lúc mới phân-giải thời còn thành từng đám vi-tử, rồi sau cùng đến từng vi-tử một. Các vi-tử ấy hành-động mau lắm, đến nỗi kích-xúc vào nhau rất mạnh, sinh ra khí nóng, mà thành ra sáng, bởi thế nên chất « quang » mới có tính phát-quang vậy. Lại những vi-tử phóng-xuất ra như thế, tất lại kết-đoàn lại mà thành ra nguyên-chất mới. Bởi thế nên chất « quang » mới biến ra chất «hạch» vậy.

Cứ đó mà xem thời cái thuyết nguyên-tử không thể tái-phân được, tựa-hồ như

không đúng nữa, chẳng qua là người ta hiện nay còn chưa có phép gì khiến cho các nguyên-tử đều phân-giải được mà thôi, có một ngày hoặc tới được cái mục-đích đó chăng. Vả nhân sự phát-minh này mà cái số chừng tám-mươi nguyên-chất hiện nay ta biết, có lẽ chính bởi mấy thứ vi-tử họp lại mà thành ra, cái đó cũng chửa biết đâu vậy. Lại lúc nguyên-tử phân-giải làm vi-tử, phóng-xuất nhiệt-lực cũng nhiều, có lẽ có một ngày kia đặt phép lợi-dụng được cái nhiệt-lự ấy, thời có ích về đường thực-dụng biết bao nhiêu.

Hiện nay các nhà Y-học đương tìm cách để lợi-dụng chất «quang» mà trị-bệnh, thứ nhất là để tiêu các ung độc ở nội-dụng các cơ-quan. Đã đặt hẳn ra một môn riêng, gọi là « quang-trị thuật » (*Radiumthérapie*) nhưng dùng chất này có nguy-hiểm cho thầy thuốc lắm, vì nó có tính hễ mó đến thời nó ăn đứt thịt ra. Nhưng mong rằng có ngày tìm được cách phòng-bị thời chất «quang» chắc là giúp cho thuật trị-bệnh được nhiều vậy.

.˙.

Ấy lịch-sử chất « quang » như thế. Mà người cấu-tạo ra cái lịch-sử li-kỳ ấy, chính là một người đàn-bà : đáng khâm-phục thay!

Trên kia đã nói rằng chất « quang » là một nguyên - chất trong cõi thiên-nhiên rất ít có. Hiện ở nước Pháp chỉ có một đồng-cân tây (*gramme*), nước Mĩ thời có tám đồng cân . Vậy có một bà phú-hào người nước Mĩ tên là Marie Brown Meloney hiện làm quản-lý một công-ti xuất-bản lớn (*Butterick Publishing Company*). Bà có con sang tùng-chinh bên nước Pháp, bị chết trận ở đất Lorraine. Mùa hạ năm ngoái, bà sang thăm mộ con, đi qua thành Paris, bà ghé vào trường Đại-học Sorbonne, vào tiếp mặt bà Curie bấy giờ đương làm trong phòng thí-nghiệm trường việc ở đại-học Hai bà nói chuyện với nhau. Chợt bà phú-hào nước Mĩ hỏi bà bác-sĩ nước Pháp rằng : « Phu-nhân có bao nhiêu đồng-cân « quang » để nghiên-cứu ? ». Bà Curie đáp : « Tôi chỉ có một đồng-cân, là cái đồng-cân từ hồi mới phát-minh đến giờ. » Bà Meloney nghe nói kinh-ngạc, dậm chân lên mà nói rằng : « Chết nỗi ! Nước Pháp là nơi phát-minh ra chất « quang » mà chỉ có một đồng-cân thôi ! Thế mà nước tôi có những tám đồng-cân; như thế thì không cân quá!...»

— Bà về Mĩ, bà nghĩ ra một cái ý ngộ vô-cùng. Bà cổ-động trong các báo, mở ra một cuộc lạc-quyên, chỉ đàn-bà nước Mĩ được quyên thôi, mà mỗi người chỉ được quyên một đồng-bạc, đề là « Cuộc lạc-quyên của các đàn-bà nước Mĩ để mua một đồng cân « quang » tặng Bà Curie. » Trong khoảng mấy tuần lễ, bà thu được 150.000 đồng bạc của 11 vạn người đàn-bà nước Mĩ quyên (có người quyên quá 1 đồng), tính ra giá bạc hồi bấy-giờ thời thành hơn 2 triệu phật-lăng (quan tiền Pháp), vừa đủ mua được một đồng cân « quang », vì một đồng cân « quang » đúng giá 2 triệu quan. Bà mua đâu đấy rồi, bà viết giấy mời bà Curie sang du-lịch nước Mĩ, rồi bà vào yết-kiến quan Tổng-Thống Mĩ, xin ngài thay mặt cả quốc-dân Mĩ mà đưa tặng bà Curie đồng cân « quang » đó, hồi bà tới kinh - đô Hoa-thịnh-đốn, lấy cái ý rằng cả nước Mĩ tỏ lòng khâm-phục một người đàn-bà nước Pháp, mà là một bậc thiên-tài trong thiên-hạ vậy.

Ấy đàn-bà Âu-Mĩ có những bậc li-kỳ như vậy. Không biết các bậc nữ-lưu trong nước ta đọc truyện bà Curie nữ-bác-sĩ, lại xem truyện bà Meloney nước Mĩ như trên kia, trong bụng nghĩ sao ?

Chuyên-Môn

CHỚP ẢNH

Chớp ảnh hồi mới phát - minh ra, chẳng qua là một sự thí-nghiệm lạ về cách - trí, thế mà ngày nay đã thành một trò chơi rất thịnh-hành trong thế-giới. Hiện bây giờ, suốt trong các nước, đâu đâu người ta cũng ham xem chớp ảnh. Tính ra trong thế-giới hiện nay có tới hơn 6 vạn nhà chớp ảnh. Những người đi xem chớp ảnh, ai là người không tự hỏi làm thế nào mà chiếu được những cái bóng có hoạt-động như thế? Làm thế nào mà bày ra trên tấm vải được những cảnh những kịch linh - hoạt như sự thực? Lại nhiều sự bịa - đặt ra, không có thực, mà làm thế nào chụp ảnh được, lại phản-chiếu ra như thực?

Sau đây xin nói qua về mấy điều đó để giúp những người đi xem chớp ảnh biết các phương-pháp trong nghề chớp ảnh thế nào.

. . .

Phần cốt - yếu trong chớp ảnh là cái « phim ». « Phim » là do tiếng anh *film*, ngày nay các nước đều thông - dụng cả, để chỉ những mảnh nhựa mỏng và dài làm bằng thứ « nhựa bóng » (*celluloïd*) để in lấy các hình-ảnh rồi chiếu ra. Những ảnh in vào đấy rất nhỏ, chỉ cao 18 li (*millimètres*), dài 24 li mà thôi. Sức ảnh in được nhỏ đến đâu thời phải in nhỏ đến đấy, miễn là được rõ - ràng và đến sau cực - lực phóng-đại ra được to bằng thật. Vì rằng đã nghiệm ra muốn cho cái bóng khi chớp hoạt - động và liên-tiếp nhau như thực, thời trong mỗi giây đồng-hồ (*seconde*) phải chớp được liền ít ra là 10 cái hình mới được; thường - thường thời đến 16 cái trong một giây đồng - hồ. Như vậy thời trong mỗi phút (*minute*), có tới 960 cái ảnh liên - tiếp nhau trên « màn bóng » (*écran*), và chớp một trò gì chừng 2 giờ đồng-hồ thời phải đến 11 vạn 5 ngàn cái ảnh cả thảy: ghê thay! Nay những ảnh ấy thời chụp ra thế nào?

Trước hết đem cái mảnh nhựa bóng ra, tráng một lượt bằng chất *gélatinobromure d'argent*, là cái chất dễ cảm ánh sáng; xong rồi để vào trong máy chụp. Trong máy có những cái ống xoay, đầu ống có răng-cưa, răng-cưa ấy kháp vào những lỗ hổng đã khoan ở hai cạnh tấm « phim » như in, để cho hình khỏi di-dịch, và đến khi chớp ra được đều và được đúng. Tấm nhựa còn chơn, nghĩa là chưa có hình - ảnh gì, thường cuốn thành cuộn, dài ước 120 thước, lúc để vào máy thời đặt vào chỗ gọi là « kho phát » (*magasin débiteur*), nghĩa là do đấy vặn ra. Đã có những máy vặn cùng bánh xoay dần-dần kéo ra qua chỗ cửa nhỡn-kính (*objectif*) là chỗ những hình - ảnh ở ngoài thâu - nhập vào, in lên mảnh nhựa, đoạn rồi lại có máy và bánh xoay cuốn vào chỗ gọi là « kho-nhận » (*magasin récepteur*), nghĩa là chỗ thu lấy tấm nhựa đã có hình rồi. Ngay chỗ nhỡn - kính có một mảnh đậy (*obturateur*) khoan thủng, xoay đi xoay lại được, vì có nối với các máy vặn và bánh xoay. Trong khi tấm nhựa kéo qua cửa nhỡn-kính, thời mảnh đậy cũng theo máy vặn mà khi lộ chỗ hổng ra, khi che mặt đặc lại, khi lộ ra thời tấm nhựa dừng lại một tí, ánh sáng thâu vào, in hình vào nhựa, khi che lại thời nhựa đã thành hình rồi kéo dịch đi và phô phần khác chưa có hình ra để đợi cho mảnh đậy lại lộ chỗ hổng mà thu lấy hình khác, cứ thế luôn luôn

không dời, vì bên ngoài đã có chỗ tay cầm xoay (*manivelle*), cứ mỗi giây đồng-hồ xoay hai vòng, thế là đúng với 16 cái hình một giây.

Tấm nhựa đã in kinh rồi thời đem vào buồng rửa. Trước hết cuốn vào một cái khung gỗ cho thẳng, rồi cũng rửa như rửa ảnh thường [1]. Rửa xong thời thành hình như trong kính ảnh, nghĩa là trắng hóa đen, đen hóa trắng. Hình ấy lại dùng cách in như in ảnh mà làm ra bao nhiêu « phim » cũng được.

Còn cái máy để chiếu hình ra ngoài, tức là cái máy chớp ảnh thời cũng chẳng khác gì cái đèn « ảo-đăng » (*lanterne magique*) ngày xưa: phải có một nguồn sáng rất mạnh (thường thường là một cái vòng khung điện (*arc électrique*), một cái kính thu sáng để thu ánh sáng vào ảnh, với một cái nhỡn-kính để phản-chiếu cái ảnh to ra, vào một tấm vải trắng căng thẳng gọi là « màn bóng » (*écran*). Đại-khái các máy chiếu bóng cái nào cũng có bấy nhiêu bộ-phận, duy trong máy chớp ảnh thời thêm một cái cơ-quan để kéo cái « phim » ra mà thôi. Phim cuốn lại thành cuộn, rồi có chỗ tay vặn kéo lần ra trước nơi nhỡn-kính. Trước nhỡn-kính cũng có một mảnh đậy đục thẳng như trong máy chụp trên kia; mảnh đậy ấy cũng theo máy vặn mà khi lộ chỗ thủng ra, khi che mặt đặc lại, khi lộ ra là chỗ có ảnh, khi che lại là chỗ nhựa không, cứ xoay luôn như thế rất mau.

Nói tóm lại thời thuật chớp ảnh cũng chẳng có máy-móc gì phiền-phức lắm, chẳng qua là cái máy chụp ảnh với cái kính chiếu bóng thường biến-báo đi mà thành ra.

.·.

Nghề chớp ảnh ngày nay sở-dĩ thịnh-hành lên được, trước nhất là bởi thiên-hạ ưa biết tin-tức mọi nơi mà lại muốn trông thấy hình-ảnh trước mắt, khiến cho cái « phim » chớp ảnh thành như một tờ nhật-báo có hoạt-động vậy. Nhờ có chớp ảnh mà ở các nước Âu-Mĩ, khắp nơi thành-thị, cho đến những phủ huyện nhỏ, hễ trong thế-giới có xảy ra việc gì hay lạ là cũng được như mục-kích trông thấy cả: như lễ đăng-quang ông vua, đám cưới hay đám ma một người danh-giá, lễ hạ-thủy chiếc tàu biển lớn, cái tàu bay bay lên hay đỗ xuống, v.v., không kể những « phim » chụp các nơi danh-tích thắng-cảnh trong thế-giới. Chớp ảnh như thế thời thật là một bài sự-vật-học cho công-chúng, thật là có ích cho sự giáo-dục phổ-thông. Bởi thế nên ở nước nào cũng từng đặt những phim chớp bóng riêng cho học trò các trường xem, vừa vui vừa có ích cho sự học, nhất là về khoa địa-dư và cách-trí bác-vật.

Song lối chớp ảnh về sự-thực ấy tuy có ích-lợi thật, mà thiên-hạ lại hay ưa những truyện huyền hơn sự-thực. Bởi thế nên nghề chớp ảnh mới thật bành-trướng phát-đạt là tự khi đem ứng-dụng ra để diễn-kịch và diễn tiểu-thuyết bằng bóng, đặt ra một lối riêng gọi là « kịch bóng » (*ciné-théâtre*).

Nhà chớp ảnh không phải đợi có sự-thực mới chụp lấy, thường tự mình nghĩ ra truyện nọ, đặt ra truyện kia, bày-vẽ những việc kỳ, những sự lạ, khác nào như nhà làm văn ngồi mà nghĩ ra bộ tiểu-thuyết hay bài diễn-kịch vậy. Duy tiểu-thuyết và diễn-kịch ở đây thời chỉ có giáng-bộ mà không có lời, nhưng giáng-bộ phải khéo thế nào cho thay được lời nói mà có ý-nghĩa. Cách tổ-chức kết-cấu các bài « kịch câm » (*théâtre muet*) ấy cũng công-phu và lắm khi thần-tình lắm. Có khi thời diễn giữa nơi cảnh-trí thiên-nhiên: hoặc là nơi hoa-viên, hoặc là chốn lâu-đài, hoặc là nhà

(1) Xem mấy bài khảo về nghề ảnh của ông Nguyễn Ứng đã đăng trong báo *Nam-phong* số 42 (trang 467-472) và 45 (trang 207-214).

tranh, hoặc là rừng rậm, hoặc là trên cao - nguyên, hoặc là ngoài bờ biển, v. v. Có khi thời là những cảnh bày-đặt ra. Thường là một cái nhà lớn, nửa như phòng chụp ảnh, nửa như sân khấu nhà hát. Giống phòng chụp ảnh là có nong kính chung-quanh, có màn khi che khi cuốn để điều-độ ánh sáng ; lại có những đèn riêng để chiếu sáng. Nhưng khác phòng chụp ảnh là vì to lớn hơn nhiều, có lắm xưởng làm phim trường tới 40 thước, khoát tới 25 thước, và cao 35 thước. Lại cách xếp-đặt ở trong cũng nhiều thứ lạ : nào là khuôn cửa, nào là máy móc, nào là cầu dầy, nào là máy trục, v.v. đủ các đồ để lâm-thời có thể muốn bày ra cảnh gì cũng được. Lại có những phòng để các vai tuồng thay quần-áo, kho để chứa đồ và dựng các tranh cảnh, v.v.

Những « kịch bóng » có khi mượn những bài trong cổ - bản ra, nhưng bao giờ cũng phải thay đổi đi ít nhiều, thêm phần giáng-bộ để thay cho lời nói không có. Nhưng thường-thường thời là những bài kịch đặt riêng ra để chớp bóng. Cách kết-cấu chẳng khác gì mần tuồng. Cũng có một người diễn-kịch-đốc-biện (*metteur en scène*) để giám-đốc các vai tuồng, chỉ-dẫn các cách-bộ. Lại trước khi chụp thời có diễn thử diễn tập nhiều lần. Đến khi đã đâu vào đấy rồi thời người chủ máy đem máy chụp đến, trong máy đã sẵn giấy nhựa rồi, các vai cứ việc diễn trò, chủ máy cứ việc xoay máy, là bao nhiêu hình-ảnh in cả vào tấm nhựa như hệt.

Những tay mần tuồng có tiếng thường cũng không nề diễn cho chớp ảnh. Như những bậc Mounet Sully, Sarah Bernhardt, Coquelin, là những tay nổi danh trong nghề diễn tuồng, cả thế-giới đều biết, ngày nay thời những giáng-bộ tài-tình đã in vào trong máy chớp ảnh rồi, lưu-truyền đi mãi mãi, không đến nỗi để cho hậu-thế cái di-hận rằng không được trông thấy cái cách hoạt-động của các bậc ấy trên sân khấu. Đó cũng là một sự may cho người đời sau, vì cái tinh-thần của người diễn tuồng, chẳng qua chỉ lộ ra trong giây phút, người mục-kích họa may cảm-giác được, mà người đời sau không sao tưởng-tượng thấy, chẳng qua chỉ tương-truyền cái thanh-danh không mà thôi. Ngày nay đọc sách cũ thường thấy khen những bậc như Đào Rachel, kép Talma, mà hồ dễ ai đã biết được những bậc ấy tài-tình vì cái gì. Bây giờ nhờ có chớp ảnh thời những khóe tinh-thần của các tay danh-ưu diệu-kỹ sẽ lưu-truyền được mãi mãi, cũng như nhờ máy lưu-thành mà những điệu hay tiếng tốt của các hạng danh-ca còn được phảng-phất bên tai chúng ta vậy. Song có một sự lạ, là những tay diễn tuồng giỏi không tất - nhiên là những tay diễn bóng tài, vì nghề diễn bóng phải cần những tư-cách riêng không giống với nghề diễn tuồng. Cho nên hiện nay có một hạng chuyên-môn về diễn bóng, nhiều người đã nổi tiếng trong thế-giới, vì hễ có cái « phim » nào hay xuất-bản ra là không bao lâu truyền đi khắp các nước. Những người hay đi xem chớp bóng, ai là người không thuộc những tên Gabrielle Robinne, Napierkowska, Pearl Withe, Musidora, Fanny Ward, Francesca Bertini, William Hart, Douglas Fairbanks ? lại những vai khôi-hài như Prince Rigadin, Max Linder, Marcel Lévesque, thứ nhất là Charles Spencer Chaplin đã thành hiệu là vai « Charlot » ?

Đó là nói về những bài tuồng có diễn thật, máy ảnh chụp lấy rồi chớp ra. Nhưng nhiều khi lại chớp những sự rất kỳ-khôi, tưởng trần-đời không bao giờ có : như một người cầm dao chặt đầu mình ra, rồi hai tay mân-múa cái đầu

mà chơi ; lại người đã cởi áo ra rồi cái áo nó lại tự-nhiên mặc vào mình ; lại người cứ điềm-nhiên đi thẳng vào cái tường ở trước mặt, hay là đi ở dưới cái trần đầu xuống đất ; có khi thời người như ma, vụt hiện ra vụt biến đi như không ; lại có người làm trò nhu-thuật nhảy từng bước tới 30 thước một, hay là trèo những sườn núi rất cao rồi tự trên nhảy xuống cái khe ở dưới ; lại một đống đất vô-hình tự-nhiên nặn thành cái tượng, v. v. Những truyện lông-bông kỳ-quái như vậy, mới coi tựa-hồ như quỉ-thuật, mà thực chỉ dùng mấy cái mẹo rất giản-dị mà làm được.

Như khi chụp hình mà chụp chậm thời đến lúc chớp ra thành ra nhanh ; vì thế nên ta thường trông thấy trên màn bóng những đám đông người xoay-động như chong-chóng, những ngựa cùng xe chạy vùn-vụt như bay. Lại lệ thường là trong mỗi giây đồng-hồ phải chụp được 16 cái hình thời chớp ra mới linh-hoạt được như thực, vậy mà mỗi giờ đồng-hồ hay là mỗi một ngày chỉ chụp lấy một hay hai cái mà thôi, thời những sự thay-đổi rất chậm tự-nhiên thành ra biến-hóa rất mau. Ta thường trông thấy chớp bóng cây hoa hồng, thoáng một cái mọc ra lá, nẩy ra nụ, lại chỉ chớp mắt một cái là bao nhiêu nụ nở ra hoa hết, rồi vụt một cái nữa thời bao nhiêu hoa tàn cả. Ấy cũng là do một mẹo như thế

Lại lúc chụp hình mà xoay máy ngược thời một việc tầm-thường thành ra sự lạ kỳ-quặc : như người hút thuốc thấy khói ở ngoài vào trong điếu thuốc của mình, mà điếu thuốc thời càng cháy lại càng dài ra ; lại một người vụt ở dưới nước nhảy lên bờ, đi vào gần một đống quần áo, quần áo tự nhảy lên tay, loay-hoay một lúc thời mặc cả vào người, rồi đi dật lùi trở ra, mới coi không hiểu là phép gì, nhưng nghĩ ra mới biết là hình một người cởi áo xuống sông lội, nhưng mà là hình lấy ngược nên mới thành ra đi dật lùi.

Một bức tường hay một cái lò sưởi cao, không có mấu-míu gì, mà leo lên được, thời tưởng phải lanh-lẹ và can-đảm biết bao nhiêu. Vậy mà trong xưởng chớp ảnh thời không gì dung-dị bằng, đứa trẻ lên ba làm cũng được : số là trên sàn đã rải một tấm tranh cảnh vẽ bức tường hay cái lò sưởi, một người cứ bò bốn chân lên trên cái tranh ấy, còn người chụp ảnh thời trèo lên cái thang cầm chúc cái máy xuống mà chụp là được, có khó gì ! Lại khi trông thấy chớp một anh chàng bò ngược dưới trần như con mối, thời đó chẳng qua là tấm tranh cảnh để đảo ngược lên, mà máy chụp ảnh thời để lộn đầu xuống mà chụp.

Còn những người vụt xuất-hiện ra, vụt biến đi mất, hay đương người nọ hóa ra người kia, cùng những đồ vật, bàn ghế, mà hình như tự-nhiên đổi chỗ được, thời là người chụp hình tay đương quay cái ống dây nhựa mà vụt dừng lại để cho người và vật thay đổi đi như thường.

Đến như hình người dần-dần xuất-hiện ra, trước còn tờ-mờ rồi sau rõ, hay là đương cái hình nọ mà nhạt lần-lần hóa ra hình kia, thời lối ấy trong nghề chớp ảnh gọi là lối « lướt » (*le fondu*). Như khi đương người nọ hóa ra người kia, thời cái người phải chạy đi ấy đứng im lại một lúc để cho người vặn máy vừa vặn vừa khép dần cái lỗ hồng nhỡn-kính lại, thành ra cái hình cứ nhạt dần mãi đi, rồi đến biến hẳn. Bấy giờ thời cái phần giây nhựa bị in nhạt ấy lại vặn lại để cuốn vào chỗ « khô-phát », trong khi ấy thời người đến thay vào đúng y như chỗ người trước, người vặn máy lại vặn phần giây cũ

ra, càng vặn càng mở cái lỗ hồng nhỡn-kính, trước còn nhỏ sau rộng dần ra, lúc còn nhỏ thời cái hình người sau in lên trên hình người trước, hai cái đều nhạt cả mà đã mưỡng-tượng nửa như người nọ nửa như người kia, càng mở rộng ra thì hình người mới càng đậm càng rõ mà hình người cũ càng nhạt, rồi mất hẳn đi.

Ấy những mẹo chớp ảnh như thế, thật là nhiều lắm, không biết bao nhiêu mà kể. Có khi dùng những cách rất tầm-thường, tưởng không khó gì, mà đến khi chớp ra hiển-nhiên như thực. Như cái « phim » chớp một anh chàng người có đá nam-châm, chỉ tay là bao nhiêu đồ sắt ở quanh mình chạy lại cả, nhưng có gì lạ đâu, các đồ vật đều có buộc giây, tay cầm đầu giây lôi lại là vật phải chạy lại, dây cái giây rất nhỏ trên ảnh không trông thấy mà thôi. Lại cái giường không ai đẩy mà tự-nhiên chạy được ở trong phố, thời là ở trong đã có cái máy riêng nó. đẩy Chi ư muốn chớp « phim » hai cái xe lửa đụng nhau, thời trong xưởng đặt một cái đường sắt giả, vặn máy cho những xe lửa giả chạy, rồi vụt hai bên đâm sầm vào nhau, ngã lăn chiêng ra, chớp cho thật mau thời người xem cũng hoảng-hốt mà tưởng là thực. Ấy cái cốt-tử của nghề chớp ảnh, chính cũng như là thuật thôi-miên, phải làm thế nào cho người xem hốt-hoảng tưởng như thực.

Nghề chớp bóng tuy là một trò chơi, mà những nhà bác-học triết-học cũng đã từng chú-ý đến. Như ông y-sĩ Doyen là một tay ngoại-khoa thật giỏi đời nay, trước nhất cho máy chớp ảnh chớp ông « hành-đao » (cắt mổ). Lại ông Bergson là tay triết-học đại-danh bây-giờ thường nói rằng thuật chớp ảnh cũng giúp cho sự lý-tưởng của nhà triết-học, vì con mắt người ta chính là một cái máy chớp ảnh thiên-nhiên vậy.

Xem ra máy chớp ảnh phát-nguyên tự cái máy chiếu bóng của ông Plateau chế ra trước nhất, đặt tên là *zootrope*, tức cũng là một lối đèn chạy quân : Vào khoảng năm 1885, ông Raynaud cũng chế ra một thứ máy chiếu bóng hơi giống kiểu ấy, đặt tên là *praxinoscope*. Kế đến hai ông Marey và Demeny theo kiểu cũ mà sửa đổi lại, không chiếu ảnh mà chiếu những hình vẽ bằng tay. Nhưng đến năm 1895, nhà chế-tạo trước-danh ở nước Mĩ là ông Edison mới nghĩ ra dùng giấy nhựa để chụp những hình-ảnh đương vận-động. Sau đến ông Lumière thời mới thật là chế-tạo ra kiểu máy chớp ảnh như bây giờ.

. . .

Trên kia đã nói nghề chớp ảnh ngày nay rất là thịnh-hành. Sự thịnh-hành ấy thật không thể tư-nghị được. Một nhà làm báo Đại-Pháp bàn về sự phát-đạt lạ-lùng của nghề chớp ảnh có bình-luận mấy câu như sau này, xin dịch cả đoạn để làm kết-luận cho bài khảo-cứu nhỏ này :

« Tôi mới đọc thấy cái tin như sau này : « Những tư-bản xuất ra để kinh-doanh về nghề chớp ảnh ngày nay tổng-cộng tới 15 ngàn triệu (*15 milliards*). Cứ số ấy thời nghề chớp ảnh đứng vào hàng thứ ba trong trường doanh-nghiệp trên thế-giới, hàng thứ nhất và thứ nhì là lúa mì và than. Ấy là mới bắt đầu đó thôi. . . . » Tôi đọc thấy mấy giòng ấy mà ngẩn người ra. Tôi đã từng mục-kích trông thấy nghề chớp ảnh xuất-hiện, tôi vẫn biết rằng tuy mới-mẻ mà rất thịnh-hành, nhưng thiệt tôi không ngờ đâu bành-trướng đến trình-độ ấy. Tôi còn nhớ hồi đầu thí-nghiệm, chớp thử ở trong hầm một nhà cà-phê nhỏ ở thành Paris. Cái màn bóng bằng tí, những hình vừa mập-mờ, vừa nhấp-nháy, rung động

luôn, khó nhìn lắm. Tuy nhìn mỏi mắt, mà những người ngồi xem cũng ra giáng thích, là bởi vì lạ, coi như một sự thí-nghiệm về cách-trí vậy. Trong những người ngồi đấy, chắc không mấy người dự-liệu biết rằng nghề này nay mai sắp trở nên một món khoái-trá cho thiên-hạ và sẽ ra « chinh-phục » cả thế-giới vậy. Rồi mà từ đấy cứ mỗi ngày một bành-trướng mãi ra, tới cái cảnh sầm-uất thịnh-vượng lạ thường như bây giờ. Các rạp chớp bóng lập lên như rừng, trước còn bé nhỏ chật-hẹp, sau to-lớn đẹp-đẽ như lâu-đài ; bây giờ ở các đô-hội lớn đâu đâu cũng có những « chiếu-ảnh-đài » (*palaces*).

« Thiên-hạ ham coi chớp ảnh như say như mê, như điên như cuồng. Khác nào như một làn sóng cuồng tràn khắp cả thế-giới, nhưng xem ra ở các nước khác có nhiều hơn ở nước Pháp ; mới rồi có biểu thống-kê kê ra hiện trên mặt địa-cầu bây giờ có tới 60. 000 (6 vạn) rạp chớp bóng ; 25.000 ở Mĩ Hoa-kỳ, 4.000 ở nước Anh, 3.000 ở nước Đức, 2.000 ở nước Pháp. Còn ở nước Tỉ, nước Hoà, các nước Thụy-điển Na-uy, Nga, Ý, Tây (Tây-ban-nha), Nhật, cùng các nước Nam Mĩ-châu, nước nào cũng kể hàng trăm hàng nghìn sở. Mới đầu tưởng rằng thiên-hạ ham-đua nhất-thời rồi thôi. Ai ngờ càng ngày càng ham, càng thích, càng vững, càng bền. Bây giờ thời đã hiển-nhiên rõ rằng nhân-loại từ nay đã thành « nghiện » chớp ảnh rồi, không thể nào dời-bỏ được cái thú chớp ảnh nữa.

« Nay ta thử xét cái tâm-lý của nghề chớp ảnh, thử xét vì những duyên-cơ sau-xa gì mà công-chúng ham-mê cái thú chớp ảnh đến thế. Làm sao mà lại thành ra thích được? Làm sao mà lại thích đến không biết chán? Trong cái thú đặc-biệt ấy nó có những nguyên-tố gì? Xin thử cố phân-giải như sau này.

« Những nguyên-nhân thuộc về vật-chất thời cũng dễ biết. Như giá rẻ, vào xem dễ, trong một tỉnh khu nào phố nào cũng có một rạp chớp bóng, buổi chiều ăn cơm tối rồi rẽ vào xem, dung-dị lắm, không phải ăn-mặc đài-điểm gì, người sang-trọng, kẻ làm-lụng, ai cũng như ai, tự-do xuất-nhập. Lại được cái thú tuyệt-trần, là : không cấm hút thuốc. Lại trong khi vợ chồng con cái bồng-bế dắt-díu nhau đi xem cả nhà, thời ở nhà không phải đốt điện, không phải thắp đèn, tiền xem cũng bằng tiền dầu tiền điện ở nhà, dầu mụ nội-trợ vắt cổ chày ra nước cũng phải chịu cho cách tiêu-khiển này là rẻ và tiện...

« Đến những nguyên-nhân thuộc về tinh-thần thời cũng hơi khó biện-biệt cho rõ. Xem chớp ảnh, vào ngồi trong một cái nhà tối như hũ-đút, trông thấy trước mắt những bóng lấp-loáng chuyển động ở trên một tấm vải trắng... Bấy giờ trong thần-trí mình cảm giác ra làm sao ? Cái đó là tùy tư-chất, tùy tính-cách của mỗi người. Như người ưa những cảnh thiên-nhiên thời thích các « phim » chớp về sơn-xuyên phong-cảnh, thảo-mộc côn-trùng, muốn biết giống cây giống vật sinh-trưởng thế nào, cùng là mục-kích những cảnh tràng-giang đại-hải, rừng rậm núi cao. Nhưng mà nhận ra số nhiều người không ưa xem những cảnh thiên-nhiên ấy, vì những người biết tư-tưởng, ham học-vấn ít lắm. Còn đại-đề người lớn mà tưởng-tượng như trẻ con thật nhiều. Cho nên chỉ thích những truyện bịa-đặt, truyện vui, truyện kỳ, truyện phong-tình, truyện tiểu-thuyết, là những truyện chỉ mắt xem mà trí không phải nghĩ... Vì người ta có mấy người là biết ngẫm-nghĩ, biết tư-tưởng : xem chớp bóng thời được tiện cho cái trí lười-biếng, không phải suy-nghĩ mà được khoái-lạc. Như muốn biết các việc lớn trong thiên-hạ cũng chỉ mắt nhìn là trông thấy hình-ảnh, không phải khó nhọc đọc hết pho sách ấy đến

pho sách khác mới lý-hội được rõ tình-hình... Lại được cái tiện nữa, là phút xuất-hiện, phút biến đi, mau như chớp lóang.

« Mau, chóng... Đó, tôi tưởng cái thần-tình của chớp bóng, khiến cho thiên-hạ ham-mê chính là ở đó. Một cái đặc-tính của người đời nay là cái tính ham chóng... Người ta như nóng-nẩy vội-vàng muốn cho tự thân mình, cho đến các vật mình cần-dùng đều chuyển-vận cho tấn-tốc : đi đâu thì muốn cho mau đến, tin-tức thời muốn cho chóng được. Tựa-hồ như sự tiến-bộ lấy cái tốc-độ mà đo vậy. Nhất là trong khoảng thế-kỷ vừa qua, cái luật tấn-tốc ấy lại càng xuất-hiện rõ-ràng lắm, mỗi sự phát-minh, mỗi sự chế-tạo mới, như hơi nước, điện-khí, máy nói, xe hơi, tàu bay, kết-quả đều là để giảm đường-đất đi, rút thời-giờ lại. Vậy cho nên trong các trò tiêu-khiển cho người đời nay, trò chớp ảnh là hợp với cái tính hiếu-tốc của người ta hơn cả. Chớp bóng thay được nhật-báo, thay được sách-vở. Trong năm phút đồng-hồ, phản-chiếu được hết cả những việc đại- sự mới xảy ra ở khắp mặt địa-cầu trong tuần lễ vừa qua. Lại trong khoảng một giờ đồng-hồ mà truyện rất phiền, tích rất dài, không cần phải dùng đến lời nói mà rút được hết cái tinh-thần. Người xem thấy mau chóng lạ-lùng như thế, thần-trí không thể không say mê đi được. Lại thêm đương khi chớp bóng, thường hay đánh đờn, những khúc não-nùng êm-ái, làm cho thần-trí lại càng tê-mê mãi đi, như say như ngủ... Thành ra người ngồi trong rạp bóng được cái thú tuyệt-trần, tinh-thần không phải hoạt-động khó-nhọc mà tai mắt được cái cảm-giác êm-vui. Thú ấy tưởng không khi nào người ta chịu bỏ vậy... »

TRÚC-ĐÌNH

TÙNG-ĐÀM

I

Đạo chúng-bạn.

Việc sinh-hoạt của người ta cần phải có kẻ này kẻ khác để giúp - đỡ nhau các việc. Vậy việc giao-hữu cũng là một đạo rất cần trong việc giao-tế của xã-hội. Song đạo giao-hữu quí ở tinh-thần, chớ không quí ở thực-lợi. Như kẻ đi học có bạn đồng-chí, kẻ làm quan có bạn đồng-liêu, kẻ làm nghề có bạn đồng-nghiệp, là để quan-ma đức-tính, để giao-hoán tri-thức, ấy là đạo giao-hữu chính-đáng; còn như kết đảng để mưu riêng, thông đồng để cộng lợi, lại là tiểu - nhân chi - giao, không phải là đạo quân-tử. Khổng-tử có nói rằng : « *Quân-tử hoài hình, tiểu-nhân hoài huệ,* » nghĩa là người quân-tử giữ pháp-luật, mà kẻ tiểu-nhân chỉ mong những điều ân-huệ.

Nay xem việc giao-hữu của người nước ta lại thiên về đạo-đức mà sơ pháp-luật. Ôi ! đạo-đức với pháp-luật vốn là một. Những thói quen phong-tục mà người ta đã công-nhận là điều có lợi-ích cho việc sinh-tồn của người ta mới gọi là đạo-đức, là pháp-luật, có giữ theo pháp-luật mới là đạo-đức. Nếu có điều thiên tất có điều tệ.

Giao-hữu của người nước ta đại-khái lấy nghĩa-khí làm trọng : người có phải giúp kẻ không, người sang không quên kẻ hèn, vinh - nhục có nhau, sống-chết có nhau, như thế gọi là tận-đạo. Không kể những người có đức-hạnh, có ý-khí, cho đến bọn quan-liêu hủ-bại, bọn đạo-tặc hung-ác đến

đâu, đối với bằng-hữu cũng có cái tinh-thần quan-niệm ấy. Song thường vị tư-tình mà hại công-lý, vì tiểu-huệ mà hại đại-mưu, đã mưu ích-lợi cho người này, tất có điều thiệt-hại cho kẻ khác, đã cầu tự-do cho người này tất xâm tự-do của kẻ khác.

Ôi! cái nghĩa chu-toàn sự lợi-ích cho kẻ khác, giải-cứu sự gian-nguy cho kẻ khác, là cái nghĩa-vụ phổ-thông đối với mọi người trong xã-hội đều nên như thế, không cứ là bằng-hữu, ấy là điều đạo-đức cũng đáng khuyên, mà pháp-luật cũng không cấm. Song lấy tài-lực một người mà phụ trách-nhiệm với hết mọi kẻ, lại là điều việt quá phạm-vi, mà thành ra phù-phiếm.

Trước có một người Tây đến với một người An-nam quen biết mà hỏi vay tiền. Người An-nam kia hỏi lại người Tây rằng: « Sao ông không đến người bạn đồng-quốc với ông mà hỏi vay? » Người Tây kia cau mặt mà nói rằng: « Người nước tôi không có thói quen vay tiền của bạn-hữu. Dù một đồng bạc cũng không ai chịu vay, cũng không ai cho vay. Chẳng những là không cho vay, lại nghi là mình đã mất cái tư-cách làm bạn-hữu đi rồi, nhân thế mà tuyệt-giao. Chẳng những một người ấy tuyệt-giao, còn người khác nghe thấy cũng tuyệt-giao cả. » Người nước ta nghe thấy câu truyện này, ai chẳng lấy làm kinh-dị. Giao-tình lạnh-nhạt phản-phúc đến như thế, còn có nhân - đạo là gì! Người ta quí có chúng-bạn là để phòng khi hoãn-cấp mà giúp nhau, nếu tiền hết thì tuyệt-giao, dù pháp-luật không có lẽ bắt-buộc ai mà đạo-đức cũng phải thóa-mạ cái thói kiến-lợi vong-nghĩa ấy.

Biết đâu những người văn-minh chính nhờ cái thói quen ấy, mà dưỡng-thành cái tính độc-lập tự-trợ. Từ khi chọn bạn đã phải tìm những người có tư-cách tự-lập, có tinh-thần tự-trị, Mỗi người có thân-gia tài-sản, thì mỗi người có nghĩa-vụ, có lợi-quyền; giới-hạn cho phân-minh, tơ-hào không giả-thác. Giúp nhau bằng tri-thức, giúp nhau bằng tinh-thần; còn đến thực-lợi thì của ai nấy hưởng, mình không có thể trông mong đến chúng bạn, mà chúng bạn cũng không có thể ỷ-lại vào mình.

Người nước ta từ bậc trung-lưu trở lên, ít có người hay mưu sản-nghiệp, hay tập kỹ-nghệ. Bình-nhật chỉ kết-giao cho nhiều, thanh-khí cho rộng; ấy nhất-sinh sự-nghiệp là ở đó, tiến-thủ công-danh cũng nhờ bạn, no ấm vợ con cũng nhờ bạn. Người bạn cũng nhận ấy là nghĩa-vụ đương-nhiên, không có thể mà từ-chối được. Sự lạc-lợi của người bạn, mình phải viên-thành, sự nguy-gian của người bạn mình phải giải-cứu. Nhiều khi gặp việc bất-đắc-dĩ, cũng phải hư-ứng cho qua, thành ra phu-diễn giả-dối, mà không có thực-lực gì cả. Có người nào mới mở cái thương-điếm, hay lập ra cái công-xưởng gì, thì kẻ gửi một đứa con, người dẫn một đứa cháu, có khi từ chối cũng không được. Bấy giờ kẻ nhận một cổ-phần, người chiếm một chức việc, vô-luận là tài có xứng việc hay không, hễ có thể-diện với chủ-nhân, tất là chiếm được một địa-vị trọng-yếu. Có quan phủ huyện nào mới thăng-thuyên, dọn dinh chưa xong, thì hiến-thư đã đưa đến đầy tráp, thực-khách đã kéo đến đầy nhà, có khi khu-trục đi không hết. Bấy giờ kẻ thỉnh-thác việc này, người yêu-cầu việc khác, vô-luận là việc có nên làm hay không, hễ đã ra mặt nề-nang, cũng phải ủy-khúc cho liễu-sự. Nếu có một điều gì không được chu-tất, một việc gì không được thỏa lòng, thì lời chê tiếng ác đến ngay; vì thế mà bại-sự người ta cũng nhiều, bại-danh người ta cũng lắm.

Bởi đó mà suy, cái thói quen bạn-hữu hay thỉnh-thác nhau, hay tây-vị

nhau đã dưỡng-thành cái tính ỷ-lại của mọi người trong một nước. Ôi! con trẻ phải ỷ-lại cha mẹ, người ốm phải ỷ-lại kẻ khoẻ đã đành; còn những kẻ đủ tai mắt, đủ chân tay, có học-hành, có tri-thức, cũng chỉ mong ỷ-thác vào lưng người, chỉ mong bấu rút vào mình người, không ai đề-huề cho thì không sao mà tự-lập được, không ai bổ-thí cho thì không sao mà tự-tồn được. Như thế tự mình đã không biết là xấu-hổ, còn có khi lấy làm tự-hào, đối với pháp-luật đã không phân-minh, mà đối với đạo-đức cũng là hủ-bại. Xã-hội sở-dĩ ngày một tồi tàn là vị thế.

II

Chủ nhà với đày-tớ.

Trong lúc giao-tế, chủ nhà đối với đày-tớ, người ta có một thói quen đặc-biệt mà đã sinh ra cái tính xấu phổ-thông, xưa nay chúng ta chưa hề có xét đến. Thói quen ấy là gì? Nết xấu kia là gì? — Là chủ nhà đối với đày-tớ quen dùng một cách khinh-bạc khắc-khổ, vì thế mà sinh ra cái tính kiêu-căng. Đày-tớ đối với chủ nhà quen dùng một cách phỉnh-hót giả-dối, mà sinh cái tính ô-mị. Tập-tục đã lâu, tai mắt đã quen, bằng dưỡng không có tính kiêu-căng không đủ tư-cách làm chủ nhà; không có tính ô-mị, không đủ tư-cách làm đày-tớ. Té ra người nào cũng có kẻ làm đày-tớ mình, mà người nào cũng có kẻ mình phải làm đày-tớ, cứ nay khinh-bạc khắc-khổ với người này, mai lại phải phỉnh-phà giả-dối với kẻ khác; nay ra bộ kiêu-căng với kẻ này, mai lại phải ô-mị với người khác. Tập-tục thì khắc-bạc và giả-dối, đức-tính thì kiêu-căng và ô-mị, xã-hội sở-dĩ hư-bại là vì thế.

Ở nước ta nô-tì nguyên là một thứ tội-danh: đàn ông có tội bắt đi làm quan nô, đàn bà có tội bắt đi làm quan tì, cho nên người ta quen coi nô-tì là một thứ người có tội lỗi, chớ không cho là người đồng-loại với mình. Thật vậy; những nhà nghèo khổ có con không giáo-dục được, không tìm nghề tìm nghiệp để sinh-hoạt cho con được, mới phải cho con đi ăn đi ở mà làm tôi làm tớ người ta. Lúc mới đến mặt xanh mình gầy, quần áo lam-lũ, tính-nết ngu-ngoan, cử-động ngơ-ngẩn, không có thể mà giất lên cho bình-đẳng với con em mình được. Bấy giờ phải cho ăn cơm thừa canh nguội, cho nằm só bếp nhà sau; từ sáng đến đêm phục-sự lao-khổ, lấy mắng chửi làm lệnh-truyền, lấy đòi-vọt làm giám-đốc. Quyền chủ nhà không biết đến đâu là hạn, phận đày-tớ cũng không biết đến đâu là vừa. Việc chủ nhà sai, vô-luận là khó dễ nguy-hiểm thế nào, đày-tớ cứ phải cúi đầu mà làm. Lời chủ-nhà nói vô-luận là thật hư phải trái thế nào, đày-tớ không được lấy lẽ mà cãi. Chủ-nhà chỉ biết mình là tôn-vinh, không quan-cảm gì đến sự oán-vọng của đày-tớ; đày-tớ cũng đành phận mình là hèn-hạ, không quan-niệm gì đến điều họa-phúc của chủ-nhà. Người ta còn có thói quen lấy tên quả mà gọi đày-tớ trai, lấy tên hoa mà gọi đày-tớ gái, như: thằng Cam, thằng Quít, con Nhài, con Nụ, vân vân, cũng là ý không cho đày-tớ là nhân-loại. Vì thế cho nên người ở trong một nhà mà thường coi nhau như Tấn-Việt; chủ nhà cứ phòng-nhàn đày-tớ, mà đày-tớ cũng hay thù-oán chủ nhà. Trong xã-hội hay sinh ra những sự lừa thầy phản chủ, như giất gian vào trong nhà, đồng tình với kẻ trộm, không chỗ nào là không nghe, không ngày nào là không có, cũng vì cái ác-cảm ấy mà sinh ra cả.

Than ôi! con nhà người ta vì không được giáo-dục, không có nghề-nghiệp, nhân vì nghèo khó phải vào làm tôi làm tớ nhà mình, dù nhân-

cách ác-liệt thế nào cũng là người trong đồng-loại, ta cũng phải sẵn lòng bác-ái, trọng nghĩa đồng-bào. Vả đầy-tớ với chủ-nhà đã cùng sinh-tụ trong một nhà, dù không có máu-mủ ruột già cũng là một số người trong luân-lý ; mỗi người đã có nghĩa-vụ thì mỗi người cũng có lợi-quyền. Chủ nhà là người làm chủ trong một nhà, có đầy-tớ giúp việc mình, phục-sự mình, vậy chủ-nhà phải có lòng khoan-dung từ-huệ. Nghĩa là phải dạy bảo cho biết điều phải điều chăng, phải giúp đỡ những khi đau ốm thiếu-thốn. Đầy-tớ là kẻ giúp việc trong nhà, đã được chủ nhà cho ăn cho mặc, dạy bảo giúp đỡ, vậy đầy-tớ phải hết lòng hết sức, nghĩa là phải làm cho đủ bổn-phận và có nghĩa với chủ.

Còn như thói chủ nhà coi đầy-tớ như cỏ-rác, đầy-tớ cũng coi chủ nhà như thù-hằn, điều vui điều khổ không quan-cảm gì với nhau, điều lợi điều hại cũng không quan-hệ gì với nhau, như thế không những mất sự hạnh-phúc trong gia-đình mà cũng là điều có tội-lỗi trong nhân-đạo.

Nay xem những người các nước văn-minh, không những đối với các bậc người trong xã-hội phải theo một cách lịch-sự cho ra người có học-vấn, có đức-hạnh, còn đối với những kẻ phải phục-sự mình, phải theo quyền mình, cũng có ý-tứ thể-tất, nghĩa-hiệp chu-toàn. Nay xin lược-thuật mấy câu giản-yếu trong những sách « xử-thế tu-trì » (*savoir-vivre*) của những nhà đại-nhã bên Âu-Tây nói về đạo chủ nhà đối với đầy-tớ, ý-nghĩa bình-dị, mà thực có chân-lý, đủ cho ta dùng làm qui-giám trong gia-đình, như sau này.

Những điều chủ nhà phải ở với đầy-tớ thế nào.

1. — Đầy-tớ ở có tiền công, cũng như kẻ làm thuê cứ công trả tiền. Song trong nghĩa thầy trò cùng ở với nhau trong một nhà, lúc vui lúc buồn, sự lợi sự hại đều có quan-hệ với nhau, cũng nên coi nhau như một người trong gia-tộc, nghĩa là không nên dung túng quá, cũng không nên bạc-hạnh quá.

2. — Chủ nhà đối với đầy-tớ, lời nói phải nghiêm, mà lòng ở phải khoan ; những điều lầm-lỗi phải mắng bảo mà những lúc khó nhọc phải khen lao. Những khi đau ốm phải bảo-dưỡng, những việc nguy-hiểm phải bênh-vực. Có oai cho đầy-tớ sợ, cũng phải có ân cho đầy tớ mến.

3. — Những người thượng-lưu lúc sai bảo đầy tớ không hề có nói buông sỗng như : « Đi lấy cái nọ hay đi làm cái kia », mà hay nói một cách âu yếm rằng : « Làm giúp tôi cái nọ hay lấy giùm tôi cái kia ». Một ý ở trung-hậu, một lời nói ân-cần, thực đáng giá hơn là cho tiền cho của.

4. — Có nhà coi đầy-tớ như anh em con cháu ; khi đầy-tớ làm được việc, chủ nhà càng có lòng tin, đầy-tớ càng hết sức, lâu lâu việc lớn việc nhỏ, điều hay lẽ thiệt, đều tin cậy nhau hơn là anh em bạn-hữu.

5. — Những nhà giàu sang có nhiều đầy-tớ, mỗi người phải giữ một việc như : đầu bếp nấu cơm, mục-đồng chăn trâu, con ở quét phòng, thằng ở gánh nước, người nào có chức-trách người ấy, không ai ủy-tị cho ai, chủ nhà đã được nhàn, mà đầy-tớ cũng khỏi rối việc.

6. — Nhà ít đầy-tớ cũng phải chia việc, chia thì cho có chừng độ. Sáng ngày đã phải bảo cho đầy-tớ biết việc gì làm trước việc gì làm sau. Nếu chủ nhà hay nóng tính, đầy-tớ lại ít tri-khôn, một lúc sai làm hai việc, hay việc nọ chưa xong đã làm việc kia, không có thứ-tự, không có thì-khắc,

việc trong nhà hay vẫn-loạn là vì thế.

7. — Không nên bắt đầy-tớ làm quá sức nó, không nên ép đầy-tớ làm việc phi phận nó. Đầy-tớ làm những việc ngoại-lệ, cũng phải tùy việc mà thêm công. Những nhà buôn trong một năm có được lợi-tức bao nhiêu, có chia tiền « hoa-hồng » cho cả đầy-tớ.

8. — Vì việc chủ-nhà mà đầy-tớ phải chịu thiệt-hại, chủ-nhà phải trả tiền phụ-cấp. Khi muốn thay đổi đầy-tớ, cũng phải cho thêm tám ngày công và một cái giấy làm chứng, cho đi tìm công việc khác.

9. — Theo cách lịch-sự, đầy-tớ không gọi tên chủ-nhà, chỉ xưng là ông, là bà, là thầy, là cô. Đầy-tớ gọi con chủ nhà bằng tên như : Cậu Mỗ, cô Mỗ, anh Mỗ, chị Mỗ. Chủ-nhà xưng chồng mình hay vợ mình với đầy-tớ cũng không xưng tên như : Ông, bà, thầy, cô. Chủ-nhà xưng con mình với đầy-tớ bằng tên như : Cậu Mỗ, cô Mỗ, anh Mỗ, chị Mỗ. Con chủ nhà xưng cha mẹ mình với đầy-tớ là : cha tôi, mẹ tôi.

10. — Con chủ-nhà không cho trò-truyện lần-khân với đầy-tớ, sợ lân-cận mà sinh ra khinh-nhờn. Đầy-tớ trai không được ra vào trong phòng đàn-bà con gái.

11. — Đối với đầy-tớ người chúng bạn lại phải trung-hậu hơn. Khi người quen thuộc có sai đầy-tớ đem cho mình đồ quĩ-tặng gì, mình cũng phải cho nó ít nhiều tiền, gọi là « tiền nước ». Dù chủ nhà đã dặn đầy-tớ không nên lấy của ai, mà mình cũng nên ép cho nó lấy, vì là một cách thù-công. Song của cho không nên quá hay bằng của nó đem đến.

12. — Có người vô-ý hay hỏi giò đầy-tớ những truyện chủ nhà. Mình đã làm cho nó phạm tội thầy-lay, và không có lý giò truyện chủ-nhà ở đứa đầy-tớ.

NGUYỄN BÁ-HỌC

Đông-lân tây-trảo

Jamais il n'a été plus nécessaire d'écouter le conseil de Nietzsche « d'écrire avec notre propre sang. » Jamais il n'a été plus nécessaire de prouver que l'art n'est jamais un jeu, mais une confession déchirante. Jamais il n'a été plus nécessaire de renvoyer à la foire qui les attend les amuseurs publics assoiffés d'entrer dans les sanctuires.

MAURICE ROSTAND

Không bao giờ cần hơn bây giờ phải theo lời khuyên của ông Nietzsche « lấy máu mà làm văn ». Không bao giờ cần hơn bây giờ phải chứng rõ ra rằng văn-chương không phải là một sự du-hí, mà là cả tâm-tư con người ta bộc-lộ ra một cách não-nùng thiết-tha. Không bao giờ cần hơn bây giờ phải khu-trục những phường « múa dối » đương ngấp-nghé vào chốn văn-đàn ra nơi chợ phiên mà phô nghề cho thiên-hạ xem.

. . .

La voie est douloureuse aux femmes nouvelles, dans ce siècle qui semble offrir toutes les libertés, mais où tout ce qui vaut moralement s'achète au prix de formidables efforts.

Mlle LÉONTINE ZANTA

Đời này tựa-hồ như cái gì cũng được tự-do cả, nhưng đến cái đạo-đức thời lại phải khổ-tâm lao-lực lắm mới mua chuộc được; cho nên những người để mình vào trong bọn « tân-nữ-lưu » đời nay, muốn giữ cho được cái nhân-cách thanh-cao, thật cũng khốn-nạn thay.

CẦM-HỌC TẦM-NGUYÊN

琴學尋源

(*Khảo về nghề đờn ở nước ta*) (1)

Bài thứ II.

V

PHÉP ĐÁNH ĐỜN VÀ CÁC BÀI ĐỜN

Lệ-ngôn 例言

Đờn có ba cách nhịp : nhịp *chánh-diện* (正面), *nhịp-nội* (內) với *nhịp ngoại* (外).

Nhịp *chánh-diện* là nhịp trúng vô giữa chữ, như là 尺工尺上四上工尺上; nhịp chính giữa chữ 尺, chữ 四, chữ 上, cho nên kêu là *chánh-diện*.

Nhịp *nội* là nhịp trong câu, như là nguyên câu 尺工尺上四上工尺上, mà đờn hoán-pháp, đổi ngón đổi nhịp cho giả hơn, thời đờn : 尺工尺上。四 *杆* 尺上. Cái nhịp sau chữ 上 trước chữ 四 là nhịp *nội*, nghĩa là câu chưa hết mà nhịp trước.

Nhịp *ngoại* là nhịp ngoài câu, như là : 尺工尺上四上工尺上尺上合。, nhịp sau chữ là nhịp *ngoại*, nghĩa là hết câu rồi mới nhịp.

Đờn có ba cách : một là *bình-điệu đơn-phách* (平調單拍), nghĩa là *nhịp một*. Như là đờn khách thường, những Lưu-thủy, Cổ-bồn, mười bản tàu, vân-vân ; hai là *cấp-điệu* (急調), nghĩa là đờn mau, như là đờn Tầu - mã ; ba là *hoãn-điệu song-phách* (緩調雙拍), nghĩa là đờn chậm mà nhịp đôi, như là *đờn chậm, đờn mau*, v. v.

Nguyên xưa đờn chậm với đờn nam, thời hai nhịp vô một, kêu là *nhịp ba-bảy*, nghĩa là hai nhịp chia ra làm ba láy với một nhịp. Cách nhịp đó thời khó cho người mới học, nên tôi theo cách nhịp bây giờ mà để đờn *hoãn-điệu* làm hai láy một nhịp cho dễ. Tuy nhịp ba láy hay là hai láy mặc dầu, hễ đờn đúng thời cũng như nhau.

Phàm học đờn trước hết muốn học bản nào, thời cứ ca cho thuộc, nhịp cho đúng đã, rồi mới đem đờn ra đờn. Bản đờn lục ra đây, nguyên tôi theo bản của ngài *Nam-Sách*, ông *Phò 24* với ông *đôi Phước* truyền lại, mà bàn với ông *Trọ Dõng*, ông *Kiểm Soạn*, rồi tham-chước lừa-lọc, đem lấy ngón hay. Tôi lại bày cách, đặt dấu, để học cho tiện, kẻo bản xưa cứ viết thẳng, khó học. Trong đó đã phân ngón mau, ngón chậm rõ-ràng ; hễ *ca* cho đúng nhịp, thời đờn đúng. Chỗ viết sưa thời đờn lải-rải, chỗ dày thời đờn mau, cứ đến chỗ *vòng* —— ◯ —— là một *nhịp* ; còn chỗ *chấm* ngang vòng là *láy*. Hễ thấy chỗ như là —ˎ—ˎ—◯— ấy là hai *láy* một nhịp ; hai *láy* đầu nhẹ-nhẹ, đến *vòng* nhịp mạnh, rồi nín cho đến láy khác lại láy nhịp nữa. Trong điệu đờn, nhịp là cái thước để đo từng câu, nhờ có nhịp mới phân *tiết-tấu*, nhờ có nhịp mới được rập-ràng. Đã học đờn thời phải tập nhịp, có biết nhịp mới rõ

(1) Xem *Nam-Phong* số 47, trang 370-386.

hay. Nếu ca không tập, nhịp không rèn, mà đã muốn đờn cho liền, thời cũng như thợ mộc đem cây gỗ về làm kèo, làm cột, thước tấc chưa đo, hình-thức chưa đẽo, mà đã tra bào vào mà bào vậy.

Nhịp-một tuy là dễ, song có tập mới đều. Muốn cho đều thời nhịp một cái, *đợm* một cái, rồi nhịp cái khác. Còn *nhịp-ba* thời lại khó hơn: lấy hai cái, nhịp một cái, cũng phải *đợm* một cái, rồi lại lấy hai lấy với nhịp một nhịp khác. Cứ tập như thế thời mau quen. Khi mình tập ca, thời nhịp bằng tay hay là chơn cũng được; đến khi đờn thời nhịp nơi chơn. Còn khi đờn có người khác nhịp, thời dùng *phách* (拍板) (h.v. 21).

ĐỜN NGUYỆT

月琴圖

伏 Xệ
反 Phạng
合 Họ
四 Xự
上 Xàng
尺 Xệ
反 Phàng
合 Hò
存 Tòòn

工 Cộng
上 Xàng
尺 Xê
工 Cống
六 Liu
五 U
仕 Xang
衣 Y
桑 Tang 伕 Liu

HAI TAY ĐỜN NGUYỆT

兩掌圖

月琴鼓按

Tay nhấn

按掌

鼓掌

Tay đờn

H.V.21. Phách

Dấu riêng đờn Nguyệt

^ Ngón tay cái.

⊤ Ngón tay trỏ.

⊥ Ngón tay giữa.

Đờn nguyệt thường hay đờn bằng móng tay trỏ, cho nên trong bản đờn tôi lục đây, không đánh dấu hết làm gì cho rộn : chỉ chỗ nào có dùng ngón cái với ngón giữa, mới làm dấu mà thôi. Như chỗ có dấu ^, thời đờn bằng ngón tay cái mà hất lên ; còn ngón giữa cũng đờn xuống như ngón trỏ.

× Nhấn. — Phàm đờn nguyệt tiếng nào cũng phải nhấn hết, nếu không nhấn, thời sao mà ra xàng, xê, cống, liu được. Nhưng mà nhấn có chỗ dụng công, có chỗ không dụng-công. Cho nên chỗ có dấu nhấn ấy là chỗ dụng-công đó.

⸗ Nhấn đầu nhẹ mà sau đuôi nhấn hãm vô. Những chữ có dấu này như là : 上尺, 六, 仕, vân vân..., thời đọc là : xàng-hư, xê-hê, liu-hiu, xang-hư, vân-vân,... mà tiếng đuôi đừng đọc rõ.

ϛ Nhấn mạnh, như 六 六, chữ liu trước phải nhấn cho ra liu.

ϛ Nhấn hãm hay là nhấn ép. Những tiếng có dấu ϛ với dấu ϛ, như là : 合 四 上 尺 工 六 五 仕 衣, vân-vân, thời đọc là : hò, xừ, xàng, xế, oán, liu, ú, xáng, ý, vân-vân.

⌣ Nhấn vuốt (nhấn mà vuốt dài ra).

⸗ Bát (đánh cả hai dây).

⸗ Hưởng (đờn một tiếng mà hưởng tiếng khác. Như đờn tiếng xê, rồi bắt liền xuống tiếng cống, chớ không đờn tiếng cống mà nghe cống).

⸗ Phi (dùng cả mấy ngón tay, trừ ngón cái ra, mà rạch xuống. Mấy chữ có phi, như : 尺, 六, 五, vân-vân..., thời đọc là ta-rê, ta-riu, ta-ru, vân-vân...).

⌒ Phi xấp (như là bắt chữ 尺 mà phi qua chữ 上, hoặc là bắt một chữ nào đó mà phi qua chữ khác. Mấy chữ có phi xấp, như : 尺上, 尺四, 工尺, vân-vân..., thời đọc là : xê-ràng, xê-rự, cống-rê, vân-vân...).

⸗ Chụp (như là : tôồn tang chụp, thời đánh dây tôồn, dây tang, rồi lấy tay trái mà bưng dây lại đừng cho kêu, thời nghe ra chụp).

⸗ Xê-huít (đờn chữ xê 尺, nhấn đầu nhẹ sau hãm vô, rồi lấy ngón tay trỏ tay mặt mà đè dây lại, đừng cho kêu, thời ra xê-huít).

⸗ Gõ mặt đờn mà nhịp không. Hễ giữa ngón đờn có chấm này, thời lấy móng tay gõ giữa mặt đờn, mà lừa cho vừa nhịp. Đờn tranh thời gõ mặt trán.

Phép lên dây

Dây đờn nguyệt có hai tên : dây lớn kêu là dây Đài, dây nhỏ kêu là dây Tiểu. Khi đờn thời cứ lên dây *tiểu* cho vừa tiếng ca (1), đừng cho năng lắm mà cứng nhấn ; rồi lên dây *đài* mà lừa cho đến nghe ra giọng tôồn tang mới được. Muốn thử coi đã đúng hay chưa, thời so tiếng họ 合 với dây tang ăn nhau là đúng. — Chỉ đài đánh có nhỏ đi nữa, cũng phải 120 mối tơ, còn chỉ tiểu phải 100, mới vừa đờn. Phải lựa tơ lãnh mà đánh mới tốt. Tơ lãnh là thứ tơ vàng mà trong, còn tơ trắng mà đục là tơ lụa

(1) Sau tôi sẽ kiếm rồi đăng cách giống tiếng đờn.

GIẠO-KHÁCH 北宮序

上 合 伬合 上 尺 尺 存 桑存 六 六 存 桑存 仕

仕 衣 衣 衣 衣 衣 衣存 仕衣 仕五 存 仕衣 衣 衣

存 仕衣 仕五 仕尺 五尺 五 六反 反五 存 仕 仕 仕 存 五

五 六反 反五 仕上 尺 尺 伬尺 尺 尺伬 尺 伬尺 伬尺 反 六

五 六 反 尺 尺 伬六 六合 尺 合 尺四 四尺 六工 六

六 尺工 尺 存 桑存 上 上合 伬合 上尺 尺 存 桑存 上

上 伬合 合 合 伬 反 伬 伬 工伬 工伬 工 伬反 反工

存 上 上 上 存 工 工 伬反 反工 存 桑 伬合 伬上 尺

尺 存 桑存 上 上 存 桑 六 六工 存 六 六 六

六 存 工 工 存 尺 存 桑存 上 上

Nhập-môn LƯU-THỦY (1) 八門流水
16 nhịp. 十六拍

合四 上 合四 上 尺 上四 上 尺四 上合 工 上 工 尺 存 尺

工 六 五 六 存 五 五 五 五 六 五 六 工尺 六 尺 工 六 五 六

(1) Bản đờn Nguyệt lục đây là bảo của Ngài Nam-Sách với của ông Đội Phước để lại.

工尺存六工尺六工尺上 合四上尺四上尺工尺

工合

Thục-giang LƯU-THỦY.
32 nhịp.

蜀江流水
三十二拍

合伕合四上 尺上合伕合四上 尺尺上四合

四上 尺上四上四合工 工尺上工上工尺工上

工尺工尺工六 存六 存五五五五五五五

五六 五六工五六工尺 存尺工尺工六

五六工五六工尺 存六五六工尺 五六工六工

尺上 尺上合伕合四上 尺上四上四上尺

工尺上尺上四合

LƯU-THỦY đổi ngón.
32 nhịp.

流水換法
三十二拍

伕合伕合四 存上存尺上合伕合四 存上存尺上四

合四 上存尺 六四上四合 工合工 尺上工尺上 工尺工尺上

工尺工尺工六 存 五六 存 六五 五 五五五

五六 五 六工五六工尺 存 六尺工尺工六

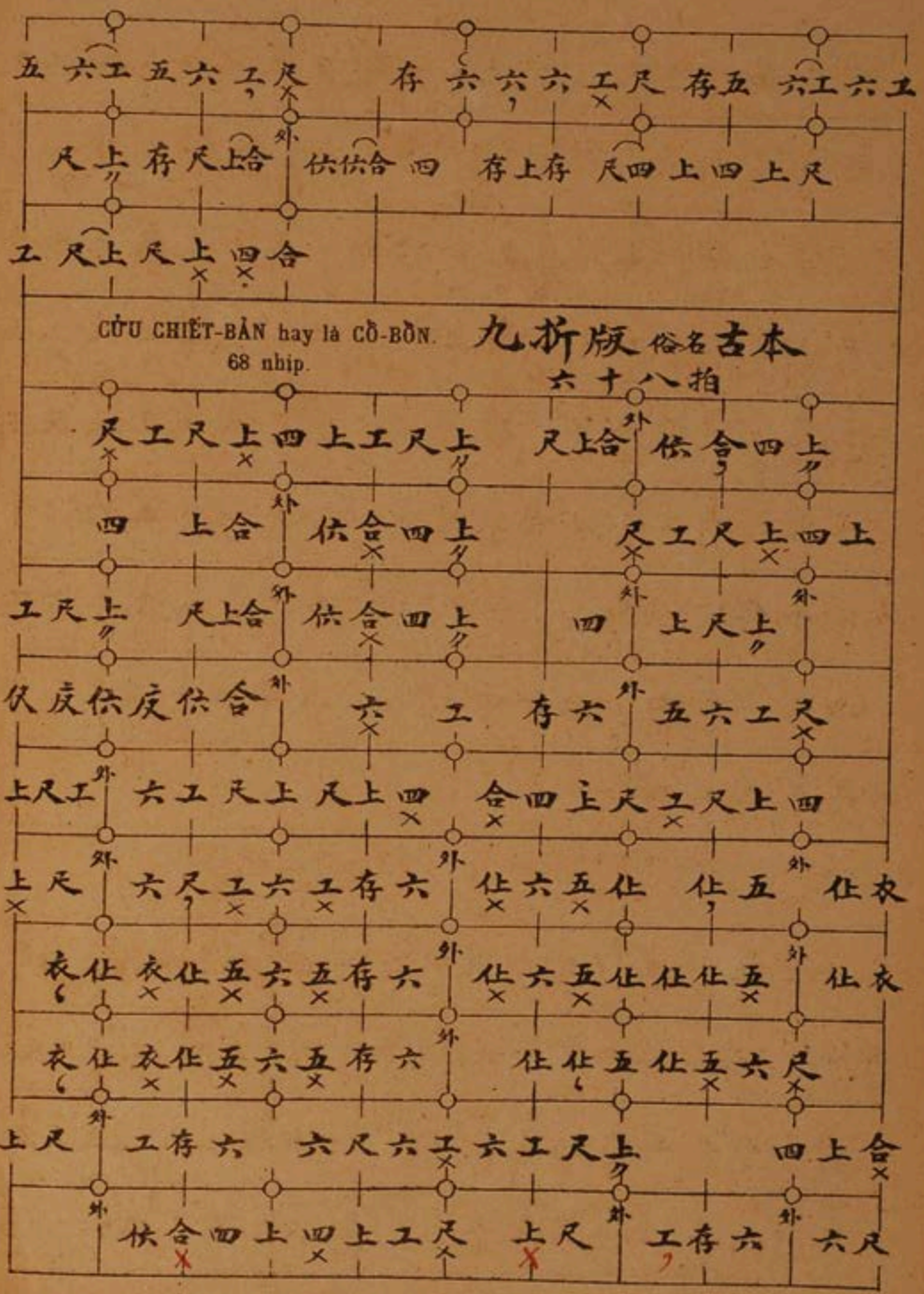
CỬU CHIẾT-BẢN hay là CỔ-BỔN.
68 nhịp.
九折版俗名古本
六十八拍

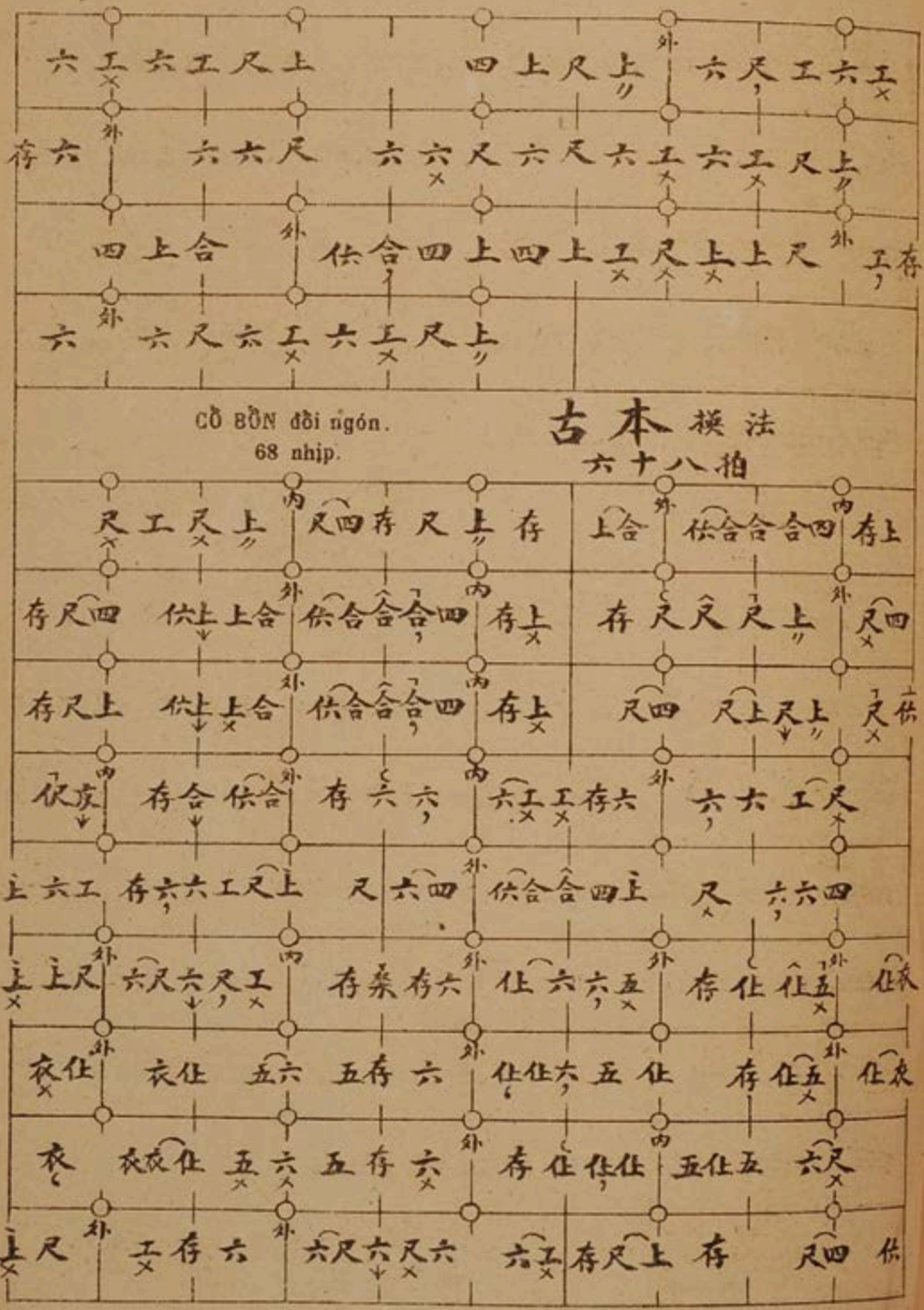

CỔ BỔN đổi ngón.
68 nhịp.

古本換法
六十八拍

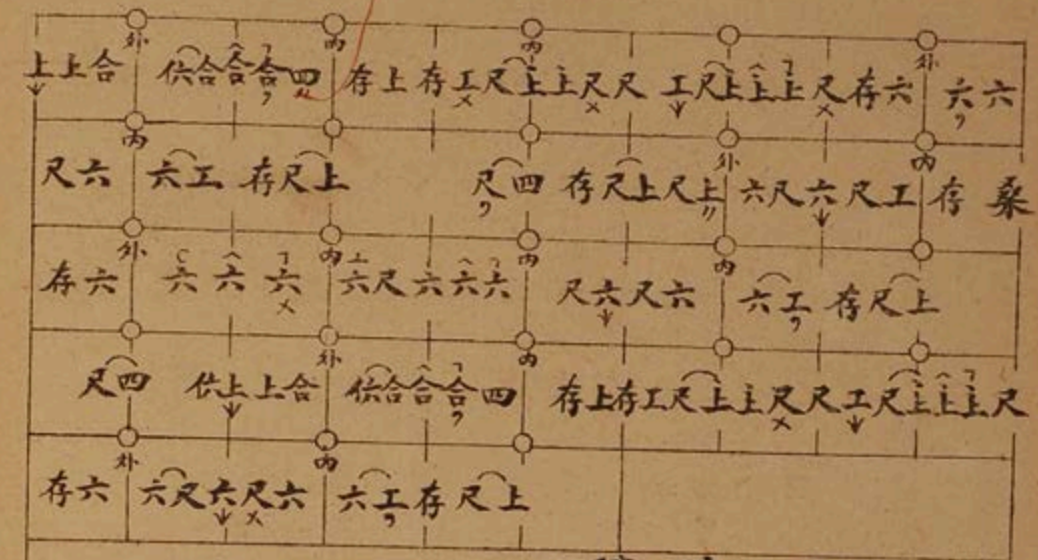

PHÚ-LỤC nhịp một.
34 nhịp

賦 陸 平調單拍
三十四拍

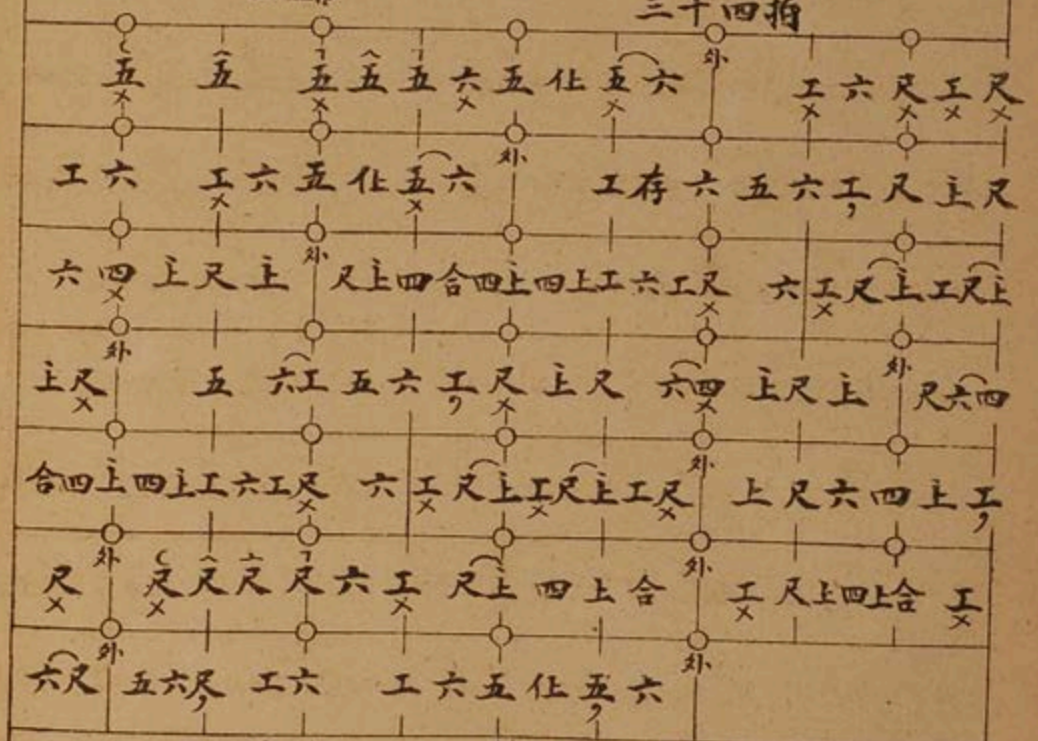

Mười bản tàu.
1° — PHẨM-TUYẾT.
48 nhịp.

肇部十章 一品 雪
四十八拍

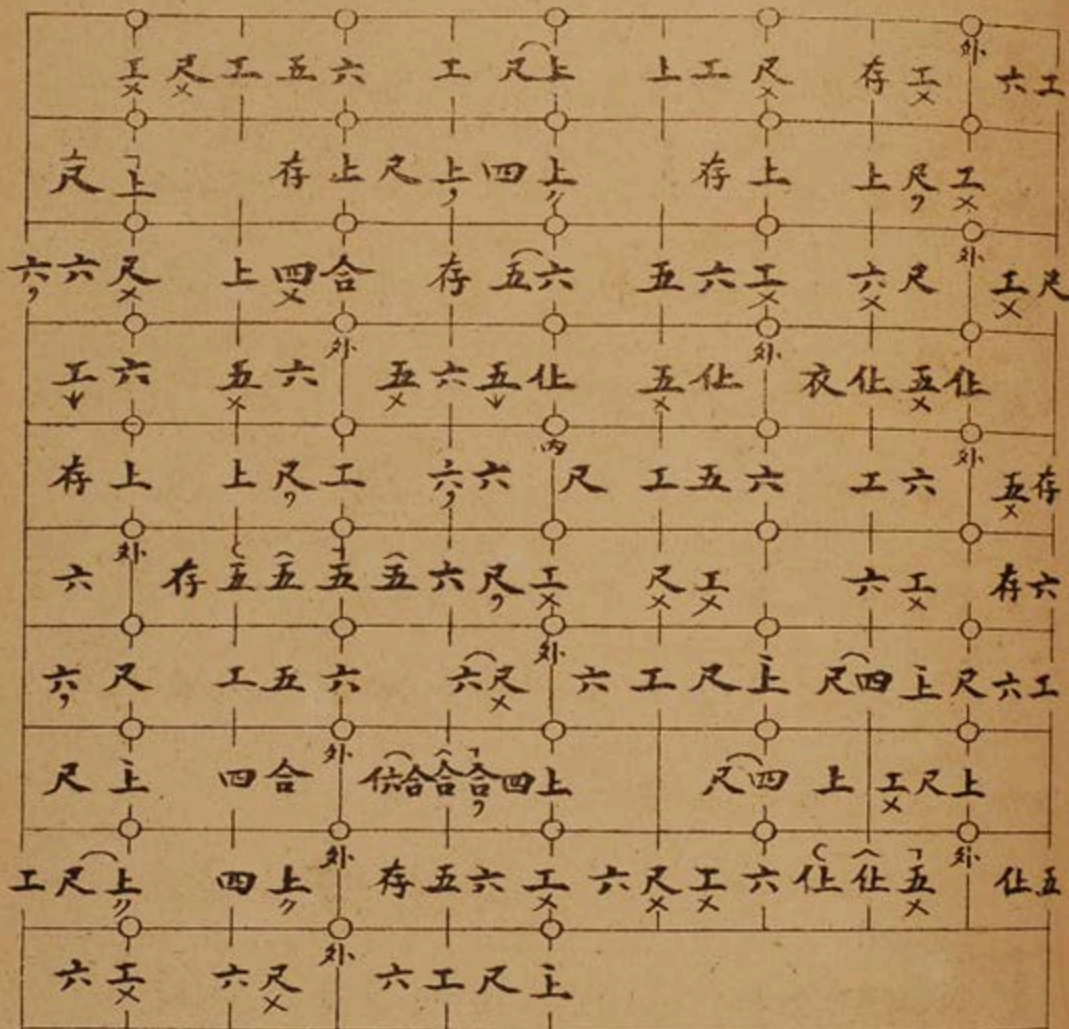

2° — NGUYÊN TIÊU.
32 nhịp.

二 元宵
三十二拍

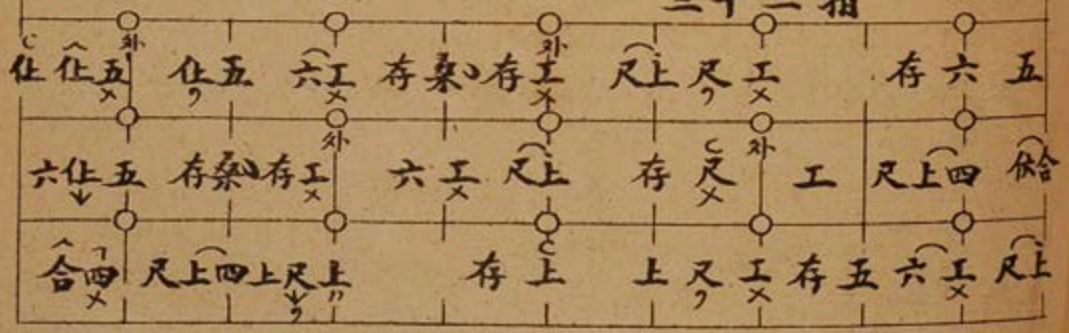

尺工 存工六工六五仕仕六 五 六五 仕

五仕 衣存仕 衣衣 衣仕六仕 五六五 仕六

仕五 仕仕六五六五仕五六工 尺工 六存

仕五 仕五 六工

3° - HỒ-QUẢNG
12 nhịp

三 湖廣十二拍

存工合工尺上 存上四上工合四合四 上工

上尺 存尺 工尺上合四上四合工尺上尺

工六 工尺上四合工合

4° LIÊN HƯỜN
40 nhịp

四 連環四十拍

四上合上四 存尺工上尺工 五六工尺上

尺工 六四 上合上四 存尺工上尺工 五

六工尺上尺工 存工六六尺工 存工 六工

六五 五六工上尺工 存工 六六上尺

上尺 工存尺 存工工尺 工尺上四 合四 上合

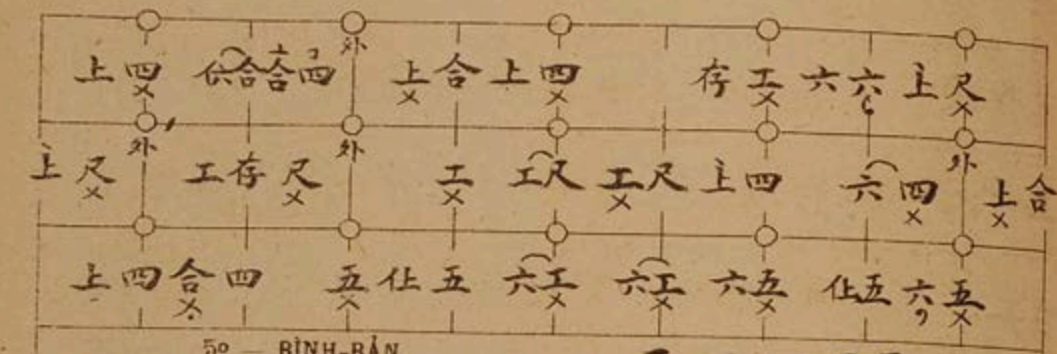

5° — BÌNH-BẢN
hay là BÌNH-NGUYÊN
44 nhịp.

五 平版 一名 平元
四十四拍

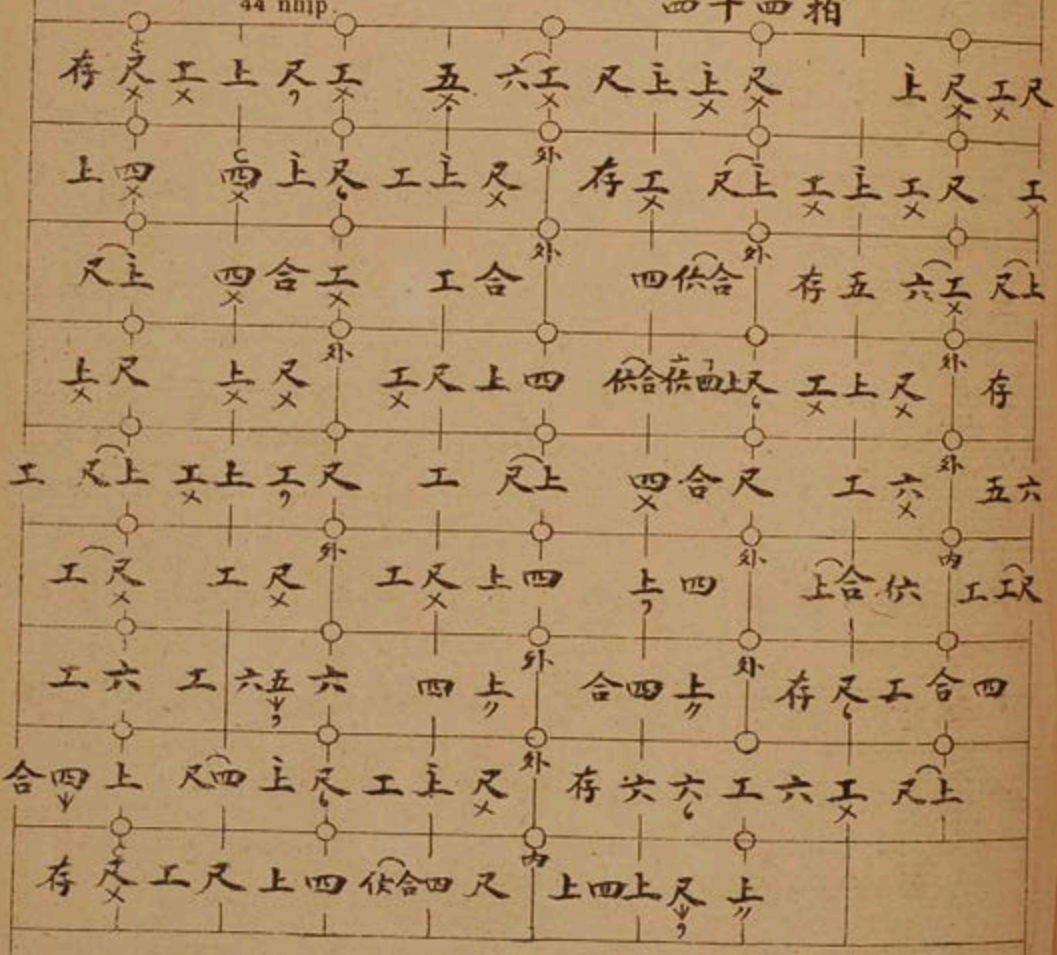

6° — TÂY-MAI.
23 nhịp.

六 西梅 二十三拍

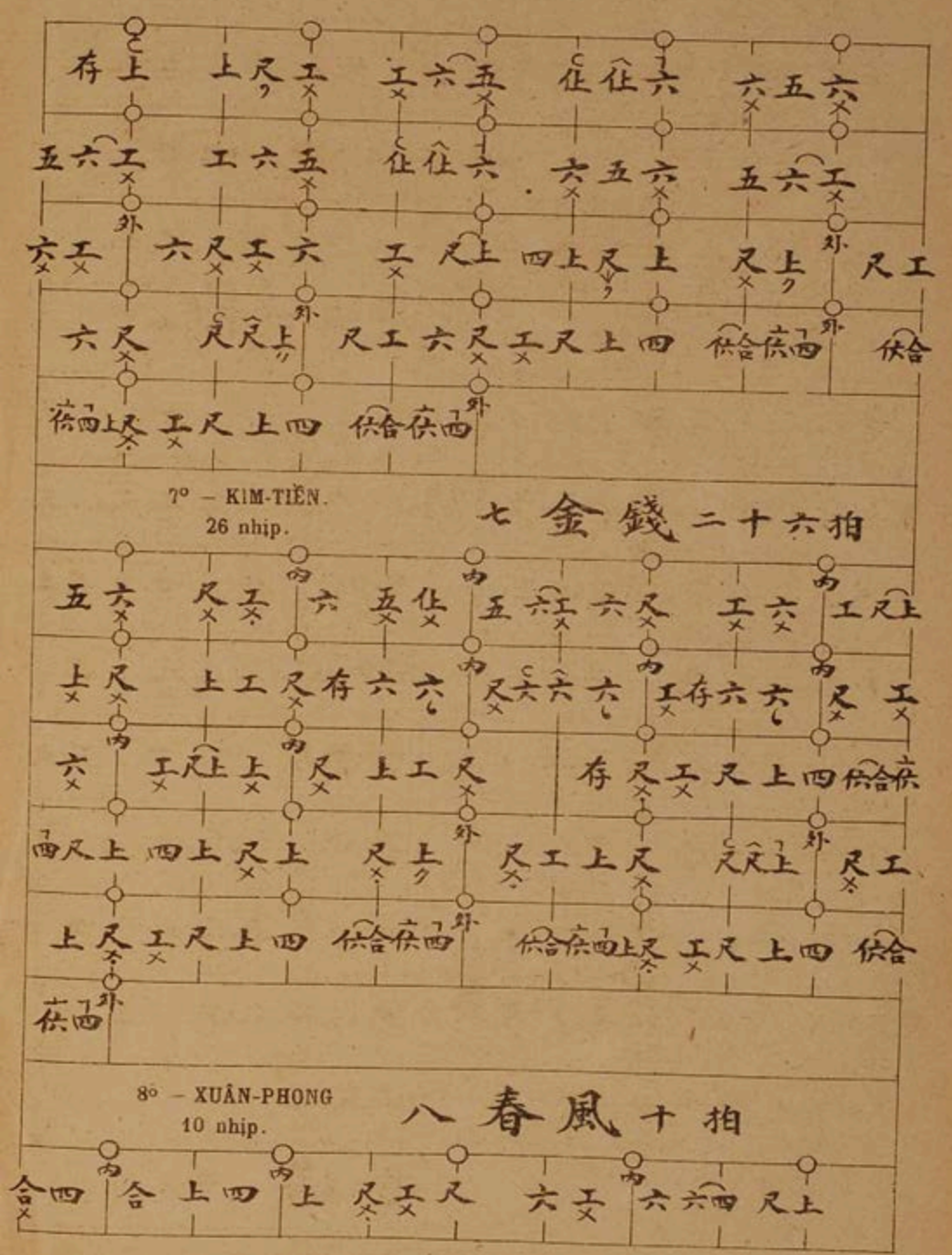

7° — KIM-TIỀN.
26 nhịp.

七 金錢 二十六拍

8° — XUÂN-PHONG
10 nhịp.

八 春風 十拍

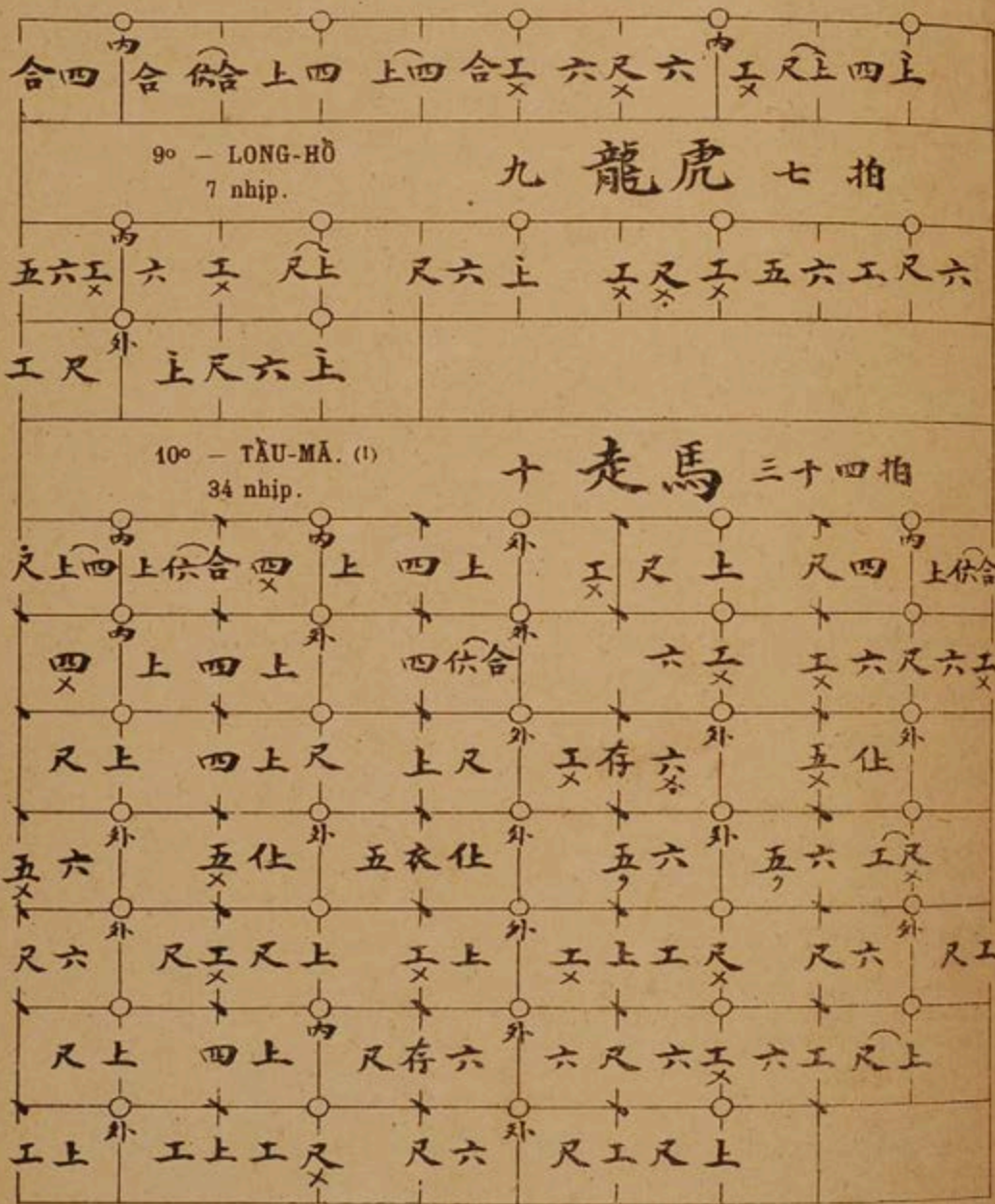

Mười bản tàu là những bản đờn khi đi hầu Ngự. Về điệu khách cho nên kêu là tàu.

Đờn mười bản tàu, hễ đến Xuân-phong Long-hổ, thời đờn cho mau một chút, rồi qua Tẩu-mã thời phải đờn mau. Nhịp Tẩu-mã tuy là nhịp một, mà phải một lấy một nhịp mới hay.

Bản đờn Nguyệt, đờn Tranh, cả khách, cả chậm, cả nam chi cũng còn nhiều nữa.

(1) Bản Tẩu-mã nguyên tự bản Cổ bổn dịch ra, mà bớt đi nửa nhịp.

mà quyển này lục chưa hết. Đợi quyển nhì rồi lục thêm.

Quyển nhì lại có lựa bài ca xưa nay mà lục vô nữa. Lại có thêm bài ca mới nói về Nam-sử, hoặc là địa-dư, hoặc là người danh-tiếng trong nước, hoặc là sĩ, nông, công, thương, hoặc là cách phong-lưu tài-tử, để ca thời lẽ cũng có ích.

Còn bản đờn Tỳ xin đợi quyển sau sẽ hay. Vì là bản đờn Tỳ còn đương kiếm bản xưa chưa được. Những tay đờn đờn Tỳ bây giờ cũng như họ đờn Tranh, chẳng qua là đem bản đờn Nguyệt thêm bớt mà đờn đó mà thôi; chớ thiệt bản đờn Tỳ, chính mình tôi với các bạn đờn xưa, cũng còn chưa có. Nên phải kiếm đã, không dám sửa bậy điệu xưa.

(*Còn nữa*)

HOÀNG YẾN
Tri-huyện Bình-khê (Bình-định)

HÙNG-SƠN KỶ-NIỆM

(*Thi ca*)

I

Đề đền Hùng-vương

1

Cuộc đời từng trải mấy tinh-sương,
Miếu tổ còn đây ngát khói hương.
Mười tám đời truyền bia Cổ-tích,
Hai ngàn năm lẻ giấu Văn-lang.
Sóng giồn mặt trước hồng pha biếc,
Hoa nở đầu non trắng lẫn vàng.
Hai chục triệu người chung giống cả,
Thờ chung xin nhớ Tổ Nam-phương.

2

Này gương Việt-sử truyền Tiên-long,
Trên đỉnh Hùng-sơn miếu cụ Hùng.
Đài cũ chênh-vênh mưa nắng gió,
Khí thiêng phẳng-phất núi non sông.
Phong-trào đã trải thời Âu-Mỹ,
Sương-tuyết còn in giấu Lạc-Hồng.
Khai-thác dài ghi công đức tổ,
Kia đô Bạch-hạc nọ châu Phong.

II

Mộ Hùng-vương

Trong khoảng thanh-minh tiết tháng ba,
Lên thăm mộ tổ nước non nhà.
Bốn ngàn năm lẻ bao mưa gió,
Ba thước nền xưa rợp cỏ hoa.
Tản Đảo đôi bên rồng hổ cuốn,
Lô Thao phía trước đỏ xanh pha.
Nòi vàng con cháu ngày đông-đúc,
Được đất từ đây hẳn thế a.

III

Vịnh đức Hùng-vương

Nhớ cụ Hùng-vương tổ chúng ta,
Trời Nam riêng dựng cõi quan-hà.
Trăm trai chia trị non cùng bể,
Một mối gây nên nước ấy nhà.
Nòi-giống long-tiên chung-đúc lại,
Bản-đồ Hồng-Lạc mở-mang ra.
Ngàn thu nghiệp tổ còn lưu đó:
Một giải non sông gấm cẩi hoa.

IV

Lên đền Hùng-vương

Từng từng giạo bước lên non,
Nhìn xem miếu-mạo tôn-nghiêm khác thường.
Rằng đây là miếu Hùng-vương,
Ấy là thủy-tổ Nam-phương nước nhà.
Kể từ gây dựng quan-hà,
Đô là Bạch-hạc hiệu là Văn-lang.
Nối truyền một mối Hồng-bàng,
Sử xanh ghi-chép rõ-ràng còn đây.
Bốn ngàn năm lẻ tới nay,
Con con cháu cháu mỗi ngày thêm đông.
Đều là khí-huyết Lạc-hồng,
Khắp Trung, Nam, Bắc cùng chung máu đào.
Kia núi Tản, nọ sông Thao,
Nguồn xưa gốc cũ lẽ nào dám quên.
Nhớ xưa công-đức tổ-tiên,
Cùng nhau sửa lại miếu đền thờ chung.
Tấm thiêng tạc với non sông,
Vẻ-vang nòi-giống tiên rồng từ đây.
Ai ơi xin nhớ lời này!

Thái-phong VŨ KHẮC-TIỆP.

SỨ-HOA NHÀN-VỊNH

(Dịch thơ triều Lê)

TỰA

Lời-lẽ là văn của con người ta, thi-ca là văn của nhà có học. Vậy làm người mà không biết cách nói truyện thì thô-bỉ mà không có duyên, đi học mà không có văn thơ thì thật-thà mà không có lý-thú; mới biết rằng văn-chương tô-điểm được cho cách nói, trang-sức được cho vẻ người, bất-cứ về thời-đại nào, quốc-giới nào, cũng lấy nhà văn-thơ làm trọng, vì cốt-cách tinh-thần, lý-tưởng cao-thượng, đều ẩn ở trong văn-chương cả.

Nước Nam nhà xưa nay quốc-văn như cụ Hàn-Thuyên, từ-trát như ông Bảng Quận, về trung-gian này, những bậc cao-sĩ như ông Quát, ông Nhạ, quan nghè Yên-đỗ, quan nghè Vân-đình, các bà văn thơ như bà Đoàn Thị-Điểm, bà huyện Thanh-quan, thị Hồ Xuân-Hương, đều là bậc văn-chương có danh-tiếng cả.

Các nhà biên-thuật ngày nay đã đem lòng khảo-cứu, hoặc đăng vào báo, hoặc in thành sách để giữ lại văn-thể nước nhà, truyền lại tinh-thần các cụ, thực là có công với hậu-học, với tiền-nhân, song hiềm vì quốc-văn của các cụ thì ít, mà hán-văn của các cụ thì nhiều, chưa thấy ông nào rồi đến việc diễn-dịch để còn lại một hai phần phong-vị lý-thú của hán-văn trong ngày mai-một, tiếc lắm thay! Hán-văn mà dịch sang quốc-văn, âm-luật tuy không giống cả, nhưng tinh-thần cũng có thể phảng-phất được một hai, huống chi là những ông có tài về quốc-âm mà để khuyết-điểm về một phần ấy, thì chẳng hóa ra những lời kinh-nhân, những câu tuyệt-bút của các bậc tiền-bối, chẳng thiệt-thòi cho tai mắt các người hậu-sinh lắm ru.

Dịch-giả chúng tôi có lạm-tưởng đến một chút ý-kiến nông gần ấy, mới tìm lục được tập thơ « Sứ-Hoa nhàn-vịnh », nguyên thơ này là của một ông hội-nguyên đình-giáp, làm quan Hộ-bộ Tả-thị-lang triều nhà Lê, trong khi vâng mệnh vua sang sứ nhà Thanh, bắt đầu đi từ kinh-đô Hà-nội đến Yên-kinh nước Tàu, phàm qua các núi sông lớn, nơi thắng-cảnh, chốn phồn-hoa, hoặc thổ-sản, nhân-vật, phong-tục, thành-trì, đều có hứng tình ngâm-vịnh, trên tả-cảnh, dưới vịnh thơ, biên thành một tập « hành-trình dã-lục », trong có 136 bài tả cảnh và 136 bài thơ, câu câu nhả ngọc, lời lời gấm thêu, đủ cả giọng tài-hoa, lời trung-hậu, thể văn phép-tắc, ý-tứ cao-xa, đọc đến thơ khiến cho người ta động tứ phong-vận, sinh lòng cao-tưởng, không kém gì tập di-cảo của ông Tùng-Tuy, tập chiến-đường của ông La-Thuận, các tay danh-bút bên Tầu cũng có dấu phê ca-tụng cả.

Nay chúng tôi cứ theo nguyên-bản dịch ra để gọi là làm một chút khiển-hứng cho các đồng-nhân trong khi nhàn-lắm, họa có bổ-ích cho văn-giới, có di-dưỡng được tinh-tinh ít nhiều gì chăng. Song tôi chắc rằng trong khi diễn-dịch còn nhiều chỗ thô-lược, nhiều câu mỗ-mãng, cũng không dám nói đã vô-tội với tiền-nhân, nhưng vì đã vui lòng khảo-cứu, nên không dám tiếc ngọn bút hàn, giấu lời ngọng-nịu, liều đem vành tai điếc mà ngơ-ngác với trong lúc sắm rạn.

Đang lúc cõi học thực-hành mà chúng tôi đem văn thơ ra diễn-dịch, khác nào mang đồ hàng hoa bày vào trong cửa hàng thêu khẩm, còn có ích gì. Nhưng nghĩ lại, văn thơ mà có lý-tưởng cao xa, thì nung nấu óc khôn, tưởng cũng bổ cho một phần thực-học, sĩ-phụ đã sẵn lòng cao-hứng thì thời giờ nhàn rỗi, ai là chẳng thưởng-thức đến văn thơ, xin các ngài độc-giả có lòng yêu-mến, xem đến sách này, hoặc có chữ nào đại-đột, nghĩa nào thiếu-thốn, các ngài bình-phẩm thêm cho, để bổ vào những chỗ khuyết-điểm của chúng tôi, thì thực là may-mắn lắm.

Nay tựa

Lương-ngọc VŨ BÍCH

* * *

1. Bài khởi-hành Lên đường tự - thuật

Khi ngài phụng-mệnh vua, sang sứ Tàu, trời vẳng-vẳng, gió hiu-hiu, nước non trang-điểm, một mầu thanh-thu. Khi bấy giờ, vua sai mở tiệc tiễn-hành, bên thành Thăng-long, văn - vũ trăm quan, đều đông mặt cả, ca thơ Nhã, tấu nhạc Thiều, tiệc yến rất là sang-trọng, ngài đã bái - tứ rồi, bái - mệnh rồi, cờ phấp-phới, ngựa ruổi-giong, qua bến Đông-tân, sang đường Kinh-bắc, hồi-đầu lại trông về Đế-khuyết, tấc lòng thần-tử, gang thước uy trời, nhớ khi tiệc yến tiên-đài, đượm trong tay áo những mùi thiên - hương, roi câu khi dóng dặm trường, kỷ - hành có thuật thi-chương một bài :

Bãi tiệc Đông-tân sắp sứ-thiều (1),
Trời thu văng-vẳng gió hiu-hiu.
Bên tai phảng-phất khi ca Nhã (2),
Giấc mộng triền-miên lúc tấu Thiều (3).
Cõi Bắc thẳng rong chân ngựa ký,
Ải Nam xa chỉ ngọn cờ mao.
Tang-bồng đã thỏa lòng nam-tử,
Với lại thiên - hương được áo triều.

2. Cảm cảnh phố Thanh-sơn

(tức là phố Suối-hoa bây giờ)

Đi từ trạm Phù-lưu, qua phố Thanh-sơn, trời hầu tối, nhật xế tà, hơi may hiu-hắt, bóng hoa lờ-mờ, non xanh còn đó trơ-trơ, phồn-hoa về cũ bây giờ là đâu ? Đương lúc ấy ngài trông thấy cảnh đã động lòng thương nay nhớ xưa, lại nghe thấy năm ba tiếng địch, véo - vót bên tai, như gợi lòng tha-hương lữ-thứ, vậy dừng chân lại mà vịnh mấy câu :

Gần hôm gió thổi, bành chinh-xa,
Qua phố Thanh - sơn trấn Bắc nhà.
Làng xóm trông thưa hơi khói lửa,
Đình-đài nghe vẳng tiếng cầm-ca.
Chất-chiu đàn én bên ly-lạc,
Lơ-lửng tầng mây ngọn thảo-hoa.
Mục-đích đường về thu chẳng oán,
Vo-ve như giục bóng dương tà.

3. Khiền-hứng trong khi đi đường

Đi từ trạm Thị-cầu sang phủ Lạng-giang, gặp lúc cuối thu đầu đông, trời khô tạnh, gió đìu-hiu, lúa má thấp cao, cỏ cây tươi tốt, mây đầu núi xanh-xanh một sắc, nước dòng sông biếc-biếc ngàn trùng, đường đi bốn mặt xa trông, xui nên lữ-khách trong lòng thảnh-thơi, nhân khi khiền - hứng đề bài :

Roi câu nhè-nhẹ bước lên đường,
Tiết-hậu vừa nay lúc tiểu-dương (4).
Năm bảy dặm cây mầu nhiễm lục,
Trăm nghìn khu lúa sắc phơi vàng.
Mây lồng xanh ngắt non Vân-lĩnh (5),
Nước chảy trong veo dải Nhật-giang (6).
Chỉ-điểm Nam-quan đường chửa nửa,
Chinh-bào đã thấy đượm mùi sương.

4. Đêm ngủ xã Thượng-cương

Đi tự đồn Tân-lệ, đến xã Thượng-cương, sông Hóa-giang, mặt trời khi đã vàng vàng xế tây. Đêm hôm ấy, khi mây mờ-mịt, gió rung cây lác-đác lá rơi, đầu non sương tuyết bay hơi, trống côi lầu thú hồi hồi nghiêm canh, khi bấy giờ ngài tựa bóng đèn, ngồi đợi sáng, mặt dầu hơi gió, áo đượm mùi sương, nghĩ mình vâng mệnh quân-vương, dẫu rằng gian-khổ trăm đường quản chi, dưới đèn tả bức ca thi :

Đi tự Tân-đồn đến Thượng-cương,
Trời tây khi đã bóng tà - dương.
Mịt-mù nghìn núi lồng mây hắc,
Lác-đác muôn cây rụng lá vàng.
Trống điểm thú-lâu khuya lặn nguyệt,
Cờ bay sứ-tiền sớm tan sương.

---

(1) Xe quan sứ đi. (2) Thơ nhà Chu. (3) Nhạc vua Thuấn. (4) Là tháng mười. (5) Núi Bài. (6) Sông Thương.

Bắc-môn (1) *ai ấy đừng than thở,*
Tự trước làm trai chí bốn phương.

5. Đường đi núi

Hai bên đường, núi như úp bát, đá khấp-khểnh, cỏ um-thùm, khe lạch loanh-quanh, khói mây mờ-mịt, đường đi gian-hiểm, cờ tinh biến sắc, ngựa sắt chồn chân, khi sắp đến Lạng-thành, tỉnh-quan ra đón vào sứ-quán nghỉ chân, để đợi giấy Yên-kinh, rồi mới vượt sang Nam-ải. Trong khi ấy có vịnh một bài :

Đường đi gian-hiểm nửa tuần linh,
Đá vẫn tri-tri một tiến trình.
Gió thổi phi-phù đôi mái tóc,
Sương bay tơi-tả một lều tranh.
Chồn chân thiết-kỵ nơi sơn-lộ,
Tin dấu đồng-ngư lũ thổ-binh.
Chờ đợi thiên-thư Kinh-bắc đến,
Chinh-tiên tạm nghỉ quán sơn-thành.

6. Giếng đá Tiên-tuyền

Quả núi phía tây-nam thành tỉnh Lạng có một hòn đá to, ngang dọc độ hơn chiếc chiếu, ở kẽ đá rỉ ra một mạch nước vừa một vốc tay, suốt bốn mùa không bao giờ cạn, về nước trong, mùi nước ngọt, so với thứ nước của Lục Hồng Tiệm pha chè, lại có phần hơn ; người ở đấy khách đi qua, uống nước vào, thì không lo khí độc nữa, tục gọi giếng ấy là giếng tiên, khi ngài chơi đấy có đề một bài :

Giếng đá thành Sơn quả núi tây,
Khơi đào con tạo khéo ra tay.
Mạch thông kẽ đá tư mùa chảy,
Nước vũng sườn non một vốc đầy.
Nhấp dọng du-nhân tiêu khí độc,
Rửa trần thiền-khách giải lòng chay.
Biết mùi vì gặp tay Hồng-Tiệm (1),
Suối ngọt Chung-nam (2) *chửa dễ tày*

7. Đề đồng Tiên núi Pha-sơn

Ở mé nam thành giữa đồng mọc một quả núi cao, lưng-chừng núi khai một cửa đồng rộng-rãi lắm, chứa được đến nghìn người, trong cửa đồng nhũ đá rủ xuống như cánh hoa sen, ngoài cửa đồng núi nhỏ san-sát bày hàng như chồng vung úp bát ; song cao cửa rộng, khói phủ mây lồng, chẳng khác gì một cảnh non bồng vậy, tục gọi đồng ấy là đồng tiên,

Trong núi Pha-sơn một đồng tiên.
Cỏ hoa cây đá cảnh thiên-nhiên.
Bình-phong dựng trước muôn từng gấm,
Thạch-nhũ treo cao vạn đoá sen.
Cửa động thoáng bay hơi cát bụi,
Song cao quấn lộn bóng vân-yên.
Lạc-sơn nhân hứng dong chơi khắp,
Ngỡ quán huyền-đô dưới cửu-thiên.

8. Đề hòn đá vọng-phu

Ở phía tây-bắc thành, trên núi mọc một hòn đá, lưng tựa về nam, mặt trông về bắc, xa trông như hình người đứng, tục truyền là hòn đá Tô-thị trông chồng hóa ra. Tô-thị là vợ Đậu-Thao, khi chồng phải đi thú Trương-dương, trong lòng thương nhớ, có dệt ra một bức hồi-văn bằng gấm, để nói tâm-sự mình, trong có câu rằng :

« *Chàng nay nhớ thiếp nặng bằng đồi,*
« *Thiếp cũng thương chàng chẳng lúc nguôi.*
« *Dệt nên một bức dâng trời cổn,*
« *Xin thả chồng tôi về với tôi...* »

Khi ngài trông thấy mảnh đá có ý-vị, có tinh-thần, mới động lòng thương người chinh-phụ, mà vịnh nên một bài:

Đầu non ai tạc đá cương-thường,
Dấu cũ trông chồng thú viễn-phương.
Lưng dựa trời nam bao ngọn núi,
Mặt trông ải bắc mấy ngàn sương.
Mưa rơi hoa-lệ (3) *chiều thê-thảm,*
Gió thổi đái-y (4) *dáng võ-vàng.*

---

(1) Thơ than việc vua vất vả.
(2) Hồng-Tiệm là người nhà Đường biết phân-biệt vị nước tinh lắm.
(3) Chung-nam là suối nước ngọt nhất.
(4) Hoa-lệ là nước mắt hoa.
(5) Đái-y là mảnh áo rêu.

Một mảnh trơ-trơ vẫn chẳng chuyển.
Nghìn thu nữ-giới để làm gương!

9. Động Tam-thanh

Bên đầm phố Kheo-lừa có một quả núi đá, lắm vẻ xinh tươi, nhiều bề thanh-lịch, nhìn như thợ trời đã gia công tác-tạo, mà gây nên một cảnh non bồng vậy. Trong núi có một đồng, cửa rộng hai ba mươi thước, bên trên có nhủ xuống những song mây nhũ đá, lóng-la lóng-lánh như ngọc truốt vàng tô, bốn bên lại tựa như lát bằng cẩm-thạch, vân đá trắng tinh, thanh-quang sạch-sẽ. Trong cùng đồng lại có thờ Phật, nhân đề tên đồng là đồng Tam-thanh. Những lúc đến hương lễ-bái, mà rung chuông gõ khánh, thì tiếng đồng tiếng đá chen nhau mà văng-vẳng xa đưa, cùng mùi hương mùi sạ, hơi bay phảng-phất, dường như gọi tỉnh hồn mơ trần-thế, theo luồng gió mà chút sạch trên không. Thế cho nên văn-nhân tài-tử đến thăm cảnh đó đề thơ rất nhiều. Thật là một nơi thắng-cảnh cõi Việt-Nam. Vậy ngài cũng có vịnh một bài:

Thợ trời khéo khéo tạc bầu tiên,
Nhũ đá song mây cảnh tự-nhiên.
Bốn vách treo-leo bình Cẩm-thạch,
Một hồ trong sạch đất Kim-liên,
Tiếng chuông gọi tỉnh mơ trần-thế,
Mùi sạ bay tan khí chướng-yên.
Danh-thắng địa-dư ba-sáu động,
Ai đi một đến cõi Nam-thiên.

10. Phố Kheo-lừa

Ở mé bắc thành, cách sông độ hơn mười dặm, mở rộng đường quan-lộ. Hai bên phố-xá đông-đúc lắm, nguyên đấy có cái chợ rất to, buôn bán đông-đúc, thuyền bến xôn-xao, khách ở Lưỡng-Quảng có sang buôn bán ở chợ này nhiều, đem bán nhiều đồ hàng như là gấm, vóc, nhung, the, lượt, là, gia, nỉ, bát, đĩa, chóe, bình, nhung, sâm, quế, phụ, vân vân. Còn các phần người Nam ta thì đồ ăn thức dùng, sơn-hào hải-vật cũng đủ mọi thứ. Người đi kẻ lại, ngựa ruổi xe qua, ồn-ào sớm tối, thật là một chốn danh-trường lợi-thị vậy. Ngài qua đấy có vịnh một bài:

Xôn-xao lợi-thị với danh-trường,
Thắng-hội Kheo-lừa nhất một phương.
Văn-vẻ gấm thêu chen mặt phố,
Lối chân xe ngựa rộn bên đường.
Đông tây vận-tải muôn hàng-hóa,
Nam bắc giao-thông vạn khách thương.
Nhân-chính vua ta Mường Mán khắp,
Núi khe chẳng hạn chốn cùng-hoang.

(Còn nữa)

Lương-ngọc Vũ-Bích *dịch*

TIỂU-THUYẾT

MỘT BỘ TIỂU-THUYẾT CỔ CỦA NƯỚC NAM

Lĩnh-nam dật-sử

嶺南逸史

(Truyện từ đời nhà Lý, nguyên chép bằng chữ Mán, của người Mán tên là MA VĂN-CAO, người đồng Dịch-sơn ở Đà-giang soạn, ông Chiêu-văn-vương TRẦN NHẬT-DUẬT nhà Trần dịch ra chữ Hán, ông Hoài-văn-hầu TRẦN QUỐC-TOẢN hiệu-chính lại, và ông THƯƠNG HÁN-SIÊU phê-bình thêm).

Lời tiểu-dẫn của người dịch

Dật-sử này là một bộ thuyết-văn tối-cổ của nước Nam ta. Nguyên chủ-não trong truyện này là một người họ Hoàng ở Phong-châu thuộc Phú-thọ, mà dấu du-lịch lại qua tới Lưỡng-Quảng ; biên-tập ra truyện này là một người họ Ma ở Đà-giang tỉnh Bờ, mà bút ký-sự lại dùng nhiều tiếng thổ mán. Xét thời-đại truyện này khởi-phát ra là tự đời Lý Nhân-tôn (1073), ngang với đời Tống Thần-Tôn bên Tàu, thực là một truyện thuộc về thời-đại tối-cổ. Đến đời Trần có ông Chiêu-văn-vương Nhật-Duật 昭文王日燏 am-hiểu tiếng thổ tiếng mán nhân khi đi đánh Giốc-Mật ở Đà-giang gặp được Ma Văn-Khái là trưởng đồng Dịch-sơn đem quyển nguyên-văn Dật-sử này là của ông tổ ngũ-đại soạn ra, tặng cho ông Nhật-Duật. Ông xem ra thời thấy chữ viết chi-ly, tiếng nói lîu-lo, mà văn rất khúc-chiết, sự rất ly-kỳ, bèn dịch ra Hán-văn, song những tiếng thổ-âm dễ hiểu, ông vẫn để lại làm dấu tồn-cổ. Lại có ông Hoài-Văn-hầu Quốc-Toản 懷文侯國瓚 hiệu-chính, ông Trương Thăng-am Hán-Siêu 張升庵漢超 phê-bình. Đó thực là truyện đời Lý mà văn đời Trần, người nước Nam mà qua đất Bắc, chính là xứ Lĩnh-nam nguyên thuộc về đất Nam-Việt ta khi xưa, nên mới gọi là « Lĩnh-nam dật-sử », thế thời bảo bộ dật-sử này chính là bộ thuyết-văn chép những sự di-dật của nước Nam ta cũng phải.

Huống chi trong truyện kết-cấu lại còn lắm người trai trung, gái hiếu, chồng nghĩa, vợ trinh, nữ-tử mà anh-hùng, nam-nhi mà hào-hiệp, không biết bao nhiêu là nghĩa là tình, diễn ra lắm trò hoạt-kịch, quái-kịch, bi-kịch, tráng-kịch, văn-chương thực là ly-kỳ biến-hóa, càng biến-hóa lại càng tân-kỳ, không kể sao cho xiết !

Tôi vốn có ý kê-cứu về các truyện thuyết-văn nước Nam nhà, như những truyện đức Trần Hưng-Đạo, vua Lê Thái-Tổ, vân vân, nay lại được quyển này cũng là một truyện cổ-tích nước Nam, nên vội dịch ra đây để truyền-bá cho được phổ-thông, không những là biết được sự cổ-tích nước Nam nhà, mà lại biết được địa-giới châu Giao châu Quảng xưa kia vốn là một nước.

Còn như truyện dật-sử này truyền tin hay là truyền nghi, thời trong bài tự của ông Trần Nhật-Duật đề đầu sách này đã nói đủ cả, sẽ dịch như sau này.

Đông-châu NGUYỄN HỮU-TIẾN
cẩn-chí

* * *

Tựa của Chiêu-văn-vương.

Sử-ký là một thể thuyết-văn để ký-sự, có sách quốc-sử, có sách dã-sử : Quốc-sử chép những sự thực-lục các triều, đủ mà không nhàm, kỹ mà có thể, thực là hay lắm. Sách dã-sử chép cả những sự kẻ hiền người gian ở chốn ngõ hẻm, quân cướp kẻ trộm ở chốn sơn-lâm. Xưa nay làm ra sách ấy cũng nhiều, song phần nhiều là lời hủ-sáo, sự hoang-đường, cầu lấy một quyển sách tân-kỳ dị-dạng mà lắm truyện biến-ảo vô-cùng. thời thực là hiếm-có vậy.

Ta sinh gặp đời thịnh, thác ấm cành vàng, học-tập Thi-Thư, vốn cũng có chút thiên-tính, ngoài sự thực-học ta có xem khắp cả các sách ngoại-thư ; đến cả tiếng mán tiếng mèo, chữ mường chữ thổ, cũng xem hiểu được cả. Đương thời các bậc danh-công cự-khanh, hiền-nhân quân-tử, thường cười ta là vu-khoát, ta cũng chẳng cãi lại làm chi, chỉ một niềm nhẫn-nại, cốt giữ chí-tháo cho bền mà thôi.

Tháng mười năm canh-thìn (niên-hiệu Thiệu-bảo thứ hai đời vua Nhân-tôn nhà Trần, tức là năm Chí-nguyên thứ 17 đời nhà Nguyên, lịch tây 1200), vì trong nước nhiều việc, kẻ đầu-mục

thổ-tù ở Đà-giang tên là Giốc-Mật làm phản, vậy có tờ chiếu cầu kẻ thông-hiểu tiếng mán để sai đi hiểu-dụ. Xét tất cả các quan trong triều và các hàng tướng-tá khó tìm thấy được một người, bởi vậy ta được ứng-tuyển, trên nhờ có thiên-uy đem tờ minh-chỉ đi hiểu-dụ. Giốc-Mật thấy ta nói được tiếng mán, hiểu được phong-tục của họ, vả lại thấy ta có bụng truân-thành nghĩa-khái, bèn đem cả quân-chúng về đầu-hàng. Sau khi sự đã yên rồi, ta vẫn lấy lòng tin-thực tiếp-đãi, cho nên thường cùng với Giốc-Mật đi lại vào mãi trong sào-huyệt các đồng, tù-trưởng trong các đồng đều theo về hàng-phục cả, vậy ta phải miệng nói tiếng mán, mũi uống rượu cần, suốt ngày thù-tạc với bọn tù - trưởng không lúc nào rồi. Đến khi ta sắp sửa phụng-chiếu ban-sư, trước khi ra về, Giốc-Mật có bày tiệc tiễn ; trong khi tiệc rượu, trưởng đồng Dịch-sơn là Ma Văn-Khái 麻文概 (tục - danh Mường Cầm) có đem ra một quyển sách của ông tổ năm đời là Ma Văn-Cao 麻文高 soạn ra, đưa tặng cho ta, ta nhận lấy xem, thời thấy chữ viết chi-ly, lời nói liu-lo, xét cùng ra mới biết là văn rất khúc-chiết, sự rất dị-kỳ, không kể sao cho xiết, mà chủ-não trong truyện này là người thôn Đào-hoa, quận Thanh-sơn, châu-Phong tên là Hoàng-Quỳnh. Ta được quyển này lấy làm quí báu lắm, đem về dịch ra chữ Hán, đặt nhan là *Lĩnh-nam dật-sử*. Ôi ! Văn-chương qui-hồ biến-hóa, có biến-hóa thời truyện mới tân-kỳ, văn trong dật-sử này ly-kỳ biến-ảo, không biết là mấy nghìn vạn trạng: xem như có người con gái mà anh-hùng, mà trung-hiếu, mà nghĩa-hiệp, mà hùng-đảm áp-chúng, trí-tuệ kinh-nhân ; tuy rằng truyện không lấy gì làm chứng-thực cho tin được, song thiên-biến vạn-hóa như truyện Dật-sử này tài nào lại không có sự hoang-đường, nếu đem truyền lại về sau, tất cũng có người cho lời nói ta làm không lầm vậy. Nay tự:

Ngày tháng chạp niên-hiệu Hưng-long thứ năm, năm Đinh-tị (1297)

Quốc-thân Chiêu - văn - vương NHẬT-DUẬT viết bài tự này ở mái tây-hiên nhà vương-đề.

. . .

HỒI THỨ I

Hoàng Phùng-Ngọc trên tiệc vịnh thơ, Thạch Thuyền-sư, trong chùa tặng chú.

Xưa nay có sách chính-sử thời tất có sách dã-sử, sách chính - sử truyền sự tín không truyền sự nghi, dã - sử thời truyền sự tín mà truyền cả sự nghi và truyền cả sự di-dật ; cho nên những sự tai nghe mắt thấy chép ở trong chính-sử ai cũng biết thời không lấy gì làm lạ, còn những việc tai không nghe mắt không thấy, nếu chợt nghe thấy thời đều lấy làm kinh - dị bảo rằng tự người sau bịa đặt ra, không biết rằng thực cũng là việc tai nghe mắt thấy thật, những người không tin là chỉ vì tai mắt mình có chứng-hạn không biết đến đó mà thôi. Như là ông Đại-Vũ có dựng cái bia ở núi Câu - lũ chép những việc thần-quái, ông Chu - tử đến tận nơi tìm không thấy, rằng không có việc ấy, kẻ hiếu--sự bịa ra đó mà thôi. Đến năm Gia-định đời nhà Tống, có kẻ tiểu-phu đưa người học trò nước Thục đến tận chỗ bia, lấy giấy in vào mặt bia được 72 chữ, còn khắc để ở quán Qui-môn. Thế mới biết những việc kỳ - quái trong thiên-hạ không có người nói ra thời không tài nào mà biết được, nếu nghe nói những việc tai mắt mình chưa từng trông thấy bao giờ cũng không thể bảo rằng không tin được. Huống chi ngoài chính-sử lại còn có *phủ-chí*, *tỉnh-chí*, *huyện-chí*, *La-phù-chí*, *Xích-nhãi ngoại-chí*, cũng tường chép cả, và những

bậc dã-nhân cố-lão cũng nghe thấy cả, thế thời ai muốn biết những sự tân-kỳ, đều nên tin rằng chính-sử tuy không có chép việc ấy mà dã-sử thời có chép đủ cả vậy.

Nói về triều nhà Lý đời vua Nhân-tôn niên-hiệu Thái-ninh thứ hai năm quí-sửu (năm Hi-ninh thứ 6 đời vua Thần-tôn nhà Tống, lịch tây 1073). Ở đất Lạc-thành châu Phong phủ-lỵ Hạc-sơn quận Thanh-thủy có làng Trình-hương, cách về phía đông độ 50 dặm có thôn Đào-hoa, bốn mặt đều non khu cao núi hiểm, ở giữa có khu đất phẳng, cây cối xanh um, suối chảy róc-rách, nước trong như lọc, dân-cư có chừng độ mươi nóc nhà, đều dựa núi trông xuống nước, trồng các thức cây : đào, liễu, trúc, mai, sâm-si tươi-tốt. Gặp buổi trời xuân mát-mẻ, chim kêu ríu-rít, ông già con trẻ đi lại vui chơi, có cái cảnh-tượng như cảnh Đào-nguyên khi xưa, cho nên cũng gọi tên là đồng Đào-nguyên. Người làng có độ mươi họ là : Hoàng, Trương, Tiêu, Đương, Đinh, Bạch, Lư, Hứa, Hà, Tạ, Quách, Ma, Nùng, đều là người chân-thành phác-thực, chỉ chăm cày ruộng đọc sách, chẳng ham chi sự hư-danh. Thường thường trong thôn những lúc tiếng gà tiếng chó êm-đềm, vẳng-vẳng nghe tiếng học tiếng đàn như rót vào tai. Thực là :

Riêng một non sông cõi thái-bình,
Danh không đua-đả lợi không tranh.
Canh gà gáy nguyệt trời xuân vắng,
Dịp sáo dồn hoa ngọn gió thanh.
Ríu-rít cành chim đua gọi bạn,
Êm đềm giấc bướm lặng thâu canh,
Đào-nguyên có phải là đây tá ?
Tiên-cảnh này xem lắm vẻ xinh !

Nay nói về họ Hoàng trong thôn ấy có một người tên Hoàng Quỳnh tên tự là Phùng-Ngọc, tự thủa nhỏ thông-minh dĩnh-ngộ, không sách nào là không xem, từ-phú thi-ca lối nào làm cũng hay, và lại thần-lực trời phú cho rất khỏe, múa đôi gươm rất tài, tự đời tổ truyền lại có một đôi long-toàn bảo-kiếm, hễ khi nào Phùng-Ngọc múa lên thời lúc mới trông như đôi con rồng trắng uốn-éo lượn-lội, đến lúc múa cực nhanh, thời như là trời đổ mưa tuyết trắng xóa, không trông thấy gươm và cũng không trông cả thấy người. Cha là Tư-trai, yêu giấu con như báu ngọc, lại thấy con răng trắng như ngà, mắt sáng như sao, đĩnh-đặc như măng non mới mọc, cho nên đặt tên là *Quỳnh* 瓊 mà tự hiệu là *Phùng-Ngọc* 逢玉. Thực là :

Đẹp sánh non xuân thua vẻ đẹp,
Tươi hơn hoa sớm lại càng tươi.
Ngọc này xin chớ coi thường vội,
Văn võ tài đua nọ kém ai.

Một hôm gặp tiết Trùng-dương, khí trời minh-mị, Tư-trai muốn thừa-hứng đăng-cao. Núi quanh ở đó chỉ có núi Trường-nhĩ là nhất cao cả, lên cao trông được rất xa, vả lại trong núi ấy có kỳ-phong quái-thạch, cổ-tích rất nhiều, đi du-ngoạn cũng thích. Bèn sai tên kiện-bộc là Hoàng-Hán đem tráp trầu hồ rượu theo hầu và dắt Phùng-Ngọc cùng đi chơi, quanh-co trông núi Trường-Nhĩ mà đi lên. Núi ấy cao trót-vót, tự chân núi đến đỉnh núi bích-lập ngất trời, cao xa đến bốn năm dặm, ba người vin mây rẽ sắn, theo con đường nhỏ mà đi lên, thực là:

Núi cao ngất trên đầu,
Mây bay quanh dưới gối.

Ba người đứng trên đỉnh núi, trông xem một hồi lâu, rồi đi vòng quanh các nơi danh-thắng như là đồng Đường-vương, đền Chân-võ, hang Hàn-bà, du-lịch xem qua một hồi, rồi trèo lên đỉnh núi Phượng-cốc trông xem suối bộc-bố chảy nước toé ra trắng xoá như trăm trượng lụa, lại đến xem hòn đá bàn-cờ, thưởng-ngoạn một hồi lâu, mặt trời đã xế trưa, bèn qua đến chùa Quảng-phúc để nghỉ. Khi mới đến cửa chùa, thấy

trong chùa, trước toà tam-bảo thờ Phật thắp một đôi nến cực to, bày vô-số các thức phẩm-quả để hiến cúng ;lại có các vị sư ngồi la-liệt hình như có việc gì ; dưới dẫy hành-lang lại có mấy ông kỳ-lão mũ áo ngồi chỉnh-tề ; nhìn vào trong thấy có một vị hình như Cồ-khê Tăng tiên-sinh, ý chừng chư-sư ở trong đó bày tiệc tết Trùng-dương, vào nghỉ có lẽ không tiện, Tư-trai vội lùi bước ra toan tháo lui, không ngờ ông Thạch-thiền-sư trông thấy, gọi to lên rằng :

— Hoàng Thái-công đi chơi đâu đó mà lại trở ra ?

Tư-trai nghe thấy gọi không hiểu là ai, bước vào vái chào chư-tăng, cười mà rằng :

— Tôi muốn vào ngoạn cảnh chùa, thấy chư-vị tiên-sinh đương bận việc phúc, sợ vào làm bận ra không tiện chăng.

Cồ-khê cười mà rằng :

— Hoàng Thái-công nhận sai đấy, hôm nay là ngày lục-thập thọ-đản cụ Thạch thiền-sư, nên các anh em môn-đồ trong sơn-môn cùng lại chúc thọ, chúng tôi cũng lại chúc mừng Thiền-sư đây, không phải là bận việc phúc-đức gì cả.

Tư-trai nói :

— Có phải thế à ? Tôi không được biết.

Liền gọi Hoàng Hán đem tráp lại, mở ra lấy một phong ước độ năm sáu đồng tiền bạc, nâng tay đưa đến trước mặt Thạch thiền-sư thưa rằng :

— Chúng tôi không được biết hôm nay là ngày thọ-đản Thiền-sư, nên không sắm lễ mừng thọ trước, gọi là có chút lòng thành xin Đại-lão Thiền-sư thâu nhận cho.

Thạch thiền-sư khiêm-nhường không chịu nhận mà rằng :

— Thọ - đản bần-tăng này có kể làm chi, dám đâu phiền người đem ngân-tiền tống-lễ, nay người đã quá bước tới đây, thực là làm vẻ-vang thêm cho nhà chùa ; còn lễ này quyết không dám nhận.

Tư-trai nói :

— Lão Thiền-sư không nhận cho, hay là ngờ rằng chúng tôi lễ-ý bất-thành, vậy xin cáo-từ, để hôm khác xin lại bái-chúc.

Cồ-khê đứng bên cạnh nói rằng :

— Bác Tư-trai không nên cáo-từ, cụ thiền-sư không nên phụ tấm lòng tốt của bác Tư-trai tôi, xin cụ nhận cho là phải.

Thạch thiền-sư nghe lời nói lên rằng :

— Người đã quá trách tôi như vậy, thôi thì bần-tăng xin nhận.

Bấy giờ Tư-trai mới mừng, tới đến chỗ ngồi. Chú tiểu hiến chà xong, Thạch thiền-sư chắp tay lên nói :

— Dám hỏi cậu nhỏ này là con người hay là cháu người vậy ?

Cồ-khê đỡ lời thưa lên rằng :

— Đây là lịnh-lang của bác Tư-trai tôi, Lão-sư đừng coi khinh thường, tuy rằng cậu ấy tuổi còn nhỏ, song học-lực cậu ấy không vừa, dầu các ông túc-học danh-nho, dễ thường cũng phải thua kém cậu ta đến mấy dặm.

Thạch thiền-sư hỏi :

— Năm nay cậu đã mấy tuổi ?

Tư-trai nói :

— Cháu nó năm nay mười-một tuổi, trẻ con chốn quê-mùa học dã biết gì, bác Cồ-khê tôi tán-dương khí quá, con nhà ngu-dốt chúng tôi sao dám đương.

Chúng-tăng đều nói lên rằng :

— Lịnh-lang coi người đẹp như quan ngọc, cử-chỉ đứng-đắn, Tăng tiên-sinh khen vừa rồi hẳn không sai.

Chúng-tăng dẫu ngoài miệng nói ra như thế, song trong bụng vẫn không tin Hoàng Quỳnh là hẳn có tài học gì hay không. Nói truyện một hồi lâu, chú

tiểu bưng cỗ tray ra, Thạch thiền-sư đứng dậy mời chư-vị giải-tọa, chúng-tăng nhường Tư-trai hơn tuổi ngồi trên, mời Phùng-Ngọc ngồi bên cạnh. Hai cha con Tư-trai khiêm-nhường mãi không được phải tới ngồi, chúng-tăng cùng tới ngồi chỉnh - tề. Thạch thiền-sư trông vào Phùng-Ngọc mà rằng :

— Ngày thọ-đản bần-tăng này có dám kể vào đâu, song nghe nói lịnh-lang học rộng tài cao, xin cho bần-tăng một câu đối để nhà chùa được thêm vang-vẻ.

Nói xong liền đưa một chén rượu mà rằng :

— Xin cạn chén này gọi là để lịnh-lang nhuận - bút.

Phùng-Ngọc đỡ lấy chén rượu để trên mặt án, trông Tư - trai mà mỉm cười, không nói gì cả. Tư-trai nói :

— Này con, lão-sư đã yêu con mà dạy như vậy, con giấu dốt cũng không được nào, nghĩ được thế nào cứ viết ra, đã có chư tiên-sinh ngồi đây chữa cho, sau có dán lên tường nữa may ra cũng khỏi người cười dốt.

Phùng-Ngọc vâng lời, liền chắp tay hướng vào trước mặt thiền-sư mà đọc một câu rằng :

Mõ cá khua tan niềm tục sạch,
Giáp hoa tính đốt tuổi già cao.

Chúng-tăng thấy Phùng-Ngọc không phải nghĩ-ngợi gì ứng-khẩu đọc liền ngay ra thành một câu đối mà thiết điển-thọ sáu mươi, lại thiết cảnh thọ của nhà sư, đều kinh-dị mà nói rằng :

— Lịnh-lang ít tuổi mà tài-học nhanh như vậy ; dẫu tài như Lý Bật vịnh thơ, Lưu Yến hay chữ, cũng chửa được mẫn-tiệp như thế.

Cồ-khê nói :

— Lúc trước tôi nói các ông hãy còn không tin, bây giờ các ông xem thế nào ?

Tư-trai nói :

— Chư tiên-sinh chớ nên khen quá, xin chư tiên-sinh chỉ - giáo mà chữa lại cho.

Chư - tăng nói :

— Thực là văn hay không còn phải chữa gì nữa.

Cồ-khê nói :

— Lũ chúng ta chửa có câu đối nào để mừng, mà Hoàng lịnh - lang đã có câu đối mừng rồi, chúng ta nên nghĩ mỗi người một câu, thỉnh - giáo cụ Thạch thiền-sư mới phải. Song trông thấy châu-ngọc ở trước mặt, tự nghĩ mình kém xa, không dám thò chữ ra nữa. Vậy tôi cùng ông Xuân - Quang, ông Nhân-trai ba chúng ta cùng nhờ Hoàng lịnh-lang làm hộ cho cả, thời mới được xuất-sắc.

Phùng-Ngọc vâng lời, liền đọc ra ba câu đối :

I

Non tiên cảnh tĩnh từng mây phủ,
Chùa cổ sư nhàn tuổi hạc cao.

II

Niềm sạch bụi trần người tựa phật,
Lòng say mùi đạo cảnh quên già.

III

Bối-diệp nghe kinh đã thoát tục,
Giáp-hoa tính tuổi cũng chưa già.

Chư - tăng nghe thấy Phùng - Ngọc đọc liền ba câu đối, tuy chửa biết rằng hay hay không, song thấy Phùng-Ngọc có tài ứng - khẩu như vậy, thời đều kinh-phục, cùng đồng-thanh tán-dương là bậc thiên-tài. Tư-trai khoái-ý vô-chừng, song vẫn làm điều khiêm-tốn. Cồ-khê nói :

— Mấy câu đối ấy đã thấm vào đâu, các ông chửa từng biết cái tài đại-bút của Hoàng - huynh, dẫu đến bài tràng-thiên đại-cú, cũng chỉ làm nhoáy một cái là xong.

Chúng-tăng nói :

— Chúng tôi mới được biết Hoàng-huynh không dám phiền lắm. Cồ-khê tiên-sinh vốn là cựu-giao biết Hoàng-

huynh đã lâu, xin soạn ra một đầu bài để Hoàng-huynh vịnh chơi cho chúng tôi được nghe nhờ thời hay lắm.

Cồ-khê nói :

— Cái đó có khó gì, mà cũng không phải soạn chi đề-mục xa-xôi, chỉ quanh các núi đây độ hơn một trăm dặm vô-số là núi đẹp, mà nhất là núi Trường-nhĩ và núi Kỳ-bàn, các bậc du-nhân dật-sĩ đến chơi đề-vịnh rất nhiều, song không được mấy bài xuất-sắc, xin các ông cứ nhờ Hoàng-huynh vịnh tức-cảnh ngay hai núi ấy, cũng đủ biết tài Hoàng-huynh, và lại làm cho hai núi ấy được thêm vang-vẻ, không biết ý Hoàng-huynh nghĩ sao?

Phùng-Ngọc nói :

— Nếu chư tiên-sinh không cười chúng tôi là ngu-dốt, vậy xin vâng lời chỉ-giáo.

Chúng-tăng cả mừng, gọi chú tiểu lấy các đồ văn-phòng tứ-bảo bày ra trên án. Phùng-Ngọc cầm lấy bút toan viết. Thạch thiền-sư cả cười mà rằng:

— Chư - vị chúng - tăng sao coi khinh-thường làm vậy ?

Chư-tăng hỏi :

— Thưa thiền-sư bảo sao vậy ?

Thạch thiền-sư nói :

— Hoàng-huynh đã làm hộ câu đối cho chư-tăng, chư-tăng chửa tạ một chén rượu nào ; nay lại khinh-dị bắt Hoàng-huynh làm thơ, thế ra người giỏi chỉ làm đầy-tớ người vụng, mà có công lại không được thưởng chút gì!

Chư-tăng nghe nói vỗ tay cả cười mà rằng :

— Thạch thiền-sư nói phải lắm !

Liền gọi chú-tiểu rót rượu dâng lại. Phùng-Ngọc nói :

— Xin hãy để đây, tôi viết thơ xong rồi uống luôn thể, xin chư tiên-sinh hạn vần thơ cho.

Cồ-khê nói :

— Hôm nay hội cả ở Phạn-vương-cung thời bài thơ vịnh núi Trường-nhĩ xin lấy vần *cung* ; còn núi Kỳ-bàn kia vuông như cái đài, xin lấy vần *đài*. Song vịnh núi Trường-nhĩ sao lại lấy vần *cung* ? vì bác Tư-trai tôi trở về đường còn xa phải ngủ lại ở chùa này, nên vịnh bài thơ này để tỏ ý trước cùng Thạch thiền-sư vậy.

Chúng-tăng cả cười đều lấy làm phải. Phùng-Ngọc thung-dung cầm bút dấm vào nghiên lấy mực, đặt tờ hoa-tiên trên án, rồi giơ bút lên viết như long-xà phi-vũ, vụt chốc xong ngay, chư-tăng trông thấy đều ngơ - ngác kinh-dị, rồi đều đứng dậy xúm quanh lại xem, thấy trên tờ hoa-tiên viết một đầu đề rằng : « *Tiết trùng-cửu ngủ ở núi Trường-nhĩ* » lấy vần *Cung*. Thơ rằng :

Cheo-leo non Nhĩ ngất từng không,
Nọ giữa lưng trời cảnh Phạn-cung.
Đỉnh Phụng chạm mây gương nguyệt [chếch,
Đoành Ngân gợn sóng khói đan xông.
Hương bay nghi-ngút tòa sen ngát,
Sương tỏa thâm nghiêm cửa bụt phong.
Đương giấc du-sơn chưa tỉnh mộng,
Gà đâu gáy giục rạng trời đông.

Lại bài thơ vịnh đá Bàn-cờ rằng :

Non cao ai khéo đắp nên đài?
Này cảnh cờ tiên cảnh lạ thay !
Lốm-đốm điểm sao quân kể vạn,
Rõ-ràng vạch đá nước chia hai.
Được thua bày cuộc khen ai tạc,
Cao thấp đua tài mặc khách chơi.
Nhắn bảo cao-nhân nào những kẻ,
Thử lên đấu trí với ông Trời.

Chúng-tăng thấy Phùng-Ngọc viết xong hai bài thơ, chữ tốt như rồng, nét tươi như hoa, mà văn thơ lại hay, chúng-tăng chỉ nức-nở khen hoài, không ai chữa được một chữ nào cả. Tư-trai nói :

— Thạch sư-phụ tôi xin mời chư-vị ngồi lại uống rượu ; trẻ nhà quên nó mới học làm cho tắc-trách đó thôi, chớ thơ từ dã hay hớm gì là mấy.

Thạch thiền-sư bèn gọi chư-tăng ngồi lại vừa uống rượu vừa xem thơ. Chúng-tăng nói :

— Chén rượu này xin mời Hoàng-huynh cạn đi cho. Bây giờ trời đã xế chiều, chúng tôi xin cáo-từ. Tư-trai ông đường về còn xa, xin nghỉ lại ở đây cho tiện ; ngày mai trở về có đi qua tệ-quán, xin mời tôn-ông và lịnh-lang quá-bộ vào chơi, thời chúng tôi lấy làm vẻ-vang lắm.

Cổ-khê nói :

— Thế nào cũng qua chơi, ngày mai tôi xin cắt người theo hầu.

Tư-trai vâng lời, chúng-tăng cả mừng rồi cùng đứng dậy chắp tay xin cáo-từ. Thạch thiền-sư mời lưu lại một đôi lời rồi tiễn chư-tăng ra khỏi cửa chùa tống-biệt. Thạch thiền-sư trở vào mời cha con Tư-trai đến mái hậu-hiên ngoạn-cảnh, trông lên đỉnh núi đá Bàn-cờ ; bên sai tiểu-đồng hái thứ chè ở trên đỉnh núi ấy đem pha cho cha con Tư-trai uống, rồi bàn luận về lẽ *bất-sinh bất-diết* của phái Phật-học một hồi lâu, thời trời vừa tối, nhà sư gọi thắp đèn dọn-dẹp rồi đi nghỉ. Ngày hôm sau thức dậy, Tư-trai cáo-từ xin về, Thiền-sư cố mời lưu lại một hôm nữa. Ngày hôm sau cáo-từ ra về, Thạch thiền-sư đưa ra khỏi cửa chùa cầm tay Phùng-Ngọc mà rằng :

— Tôi xem tướng lịnh-lang mi-mục quang-thái, sau này lắm duyên kỳ-ngộ, công-danh phúc-thọ không biết đâu mà lượng được. Bần-tăng có một đạo thần-chú bí-quyết chỉ mười bốn chữ, xin đưa cho lịnh-lang nhớ lấy, rồi sau sẽ gặp được vợ đẹp, chớ đừng quên.

Nói rồi liền đưa ra một phong thư nhỏ tặng cho Phùng-Ngọc, Phùng-Ngọc nhận lấy rồi cáo-từ mà trở ra về. Thực là :

Định sẵn nhân-duyên sau sẽ gặp,
Tặng cho thần-chú trước làm môi.

HỒI THỨ II

Gặp người đẹp thăm hoa tới chốn.
Nghe giặc tới hóa-phép trừ-hung.

Phùng-Ngọc từ khi vịnh thơ ở núi Trường-nhĩ trở về, thanh-danh lừng-lẫy, nhiều người đến xin văn thơ xin chữ viết suốt ngày, thấm-thoát đã mấy năm trời, một hôm Tư-trai gọi Phùng-Ngọc bảo rằng :

— Cô mày từ khi thiên-cư đến ở Túng-hóa, thường có thư-tín gửi về, mười năm nay không có tin-tức gì cả, không biết tình-cảnh ra làm sao, nghe có hai thằng con hư lắm, cô mày thường uất lên vì con. Ta muốn cho mày đi thăm cô xem để khỏi lòng ta áy-náy, ý mày nghĩ sao?

Phùng-Ngọc thưa :

Cha đã dạy, con xin đi ; con nghe gần đó có núi La-phù là nơi cổ-tích tự đời nhà Đường, có 432 ngọn núi, hơn 980 suối nước bộc-bố, ở trong có nhà ngọc quỳnh, đài ngọc dao, bếp luyện-đan, lò nấu thuốc, thắng-cảnh rất nhiều, con muốn qua chơi một lần để cho thoả chí, cha nghĩ có nên cho con đi tới nơi ngoạn-cảnh chăng ?

Tư-trai nói :

— Đi chơi ngoạn-kỳ lãm-thắng, là về phần người cao-nhân chí-sĩ, sao lại không nên. Chớ như con đầu còn xanh tuổi còn trẻ, sợ không quen những sự mạo-hiểm đăng-nguy được chăng ?

Phùng-Ngọc thưa :

— Xưa kia Lý Tồn-Húc mới 12 tuổi, mà đã theo cha đi đánh phá được

Vương Hành-Du, hiến-tiệp về chốn kinh-đô ; Khấu Bình-Đà mới lên tám tuổi, mà đã lên chơi núi Hoạ ngâm thơ, không sợ gì nguy-hiểm. Huống chi con nay đã 16 tuổi, dẫu không dám ví như Lý Tồn-Húc trên trận xông-pha, Khấu Bình-Đà lên cao ngâm-vịnh, song con đi cũng chẳng sợ gì, xin cha chớ ngại.

Từ-trai nghe nói cả mừng mà rằng :

— À, con ta kiến-thức cũng khá, ta cũng chẳng cấm làm chi. Ngày mai là ngày hoàng-đạo, đi xuất-hành cũng hay, ta cho Hoàng-Thông với Hoàng-Hán theo hầu con đi thăm cô-nương, qua chơi La-phù, rồi liệu mà trở về cho sớm.

Liền gọi hai tên người nhà là Hoàng-Thông với Hoàng-Hán đến dặn bảo rằng :

— Ngày mai ta cho Phùng-Ngọc nó đi Tùng-hóa thăm bà cô, rồi tiện đường qua chơi núi La-phù, hai ngươi nên sắp sửa hành-lý theo con ta đi, dọc đường hầu-hạ trông nom, phải cho cẩn-thận, khi về ta sẽ ban cho trọng-thưởng.

Hai người vâng lời đi sắm-sửa để chực theo hầu. Từ-trai dắt Phùng-Ngọc vào nhà trong, sai bày rượu để tiễn con đi, lại dặn đi dặn lại những lúc đi đường phải cho cẩn-thận, rồi đi ngủ. Sớm hôm sau trở dậy cơm xong, Phùng-Ngọc bái biệt xin khởi-trình ra đi. Từ-trai cùng vợ là Sa-thị đưa ra cửa, Hoàng-Hán gánh đồ hành-trang, Hoàng-Thông dắt một con ngựa hồng đến để chực theo hầu. Sa-thị cầm tay Phùng-Ngọc mà rằng :

— Con đi, liệu chóng chóng trở về, đừng để mẹ già hôm mai dựa cửa trông đợi. Trong bao ta có gửi hai cái khăn tay bằng lụa dệt hoa gấm để làm quà cho cô-nương, con tỏ ý ân-cần với cô cho mẹ nhé.

Phùng-Ngọc thưa :

— Thưa mẹ, con đi lâu là ba tháng, chóng ra thời chỉ trong hai tháng là trở về, xin mẹ chớ buồn rầu, những lời mẹ dặn con xin ghi nhớ.

Nói đoạn bái-từ ra đi.

Vậy trong *Tì-bà ký* có hai bài ca-từ như sau này :

1° *Điệu-Giáng-thủy-nhi* :

Dưới gối con xa cách,
Trên thềm mẹ ngẩn-ngơ.
Lúc đi may áo cho con mặc.
Mắt mờ mờ,
Dặm trường trông xa lắc.
Lạnh lùng thay !
Tựa cửa mong mỏi mắt,
Lòng mẹ sao cho đành được ?
Xiết nỗi nhớ thương !
Tin nhàn mong đợi, hỏi thăm sau [trước.

2° *Điệu Viên-lâm-hảo* :

Nay con đi,
Cha mẹ chớ phiền ngại nỗi chi.
Nay con đi,
Sẽ trở về tức thì.
Chỉ mong sao, song thân khang-kiện,
Dưới thềm về lạy có khi,
Dưới thềm về lạy có khi.

Lúc ấy vừa độ trung-tuần tháng hai, cỏ rợn mầu xanh, hoa phó sắc thắm, Phùng-Ngọc lên ngựa từ từ mà đi, được hai ba ngày đến cầu Trạng-nguyên, Hoàng Hán hỏi rằng :

— Nay đến đây, công-tử muốn đi đường thủy hay là cứ theo đường bộ mà đi ?

Phùng-Ngọc nói :

— Đi thuyền thời buồn lắm, thôi cứ theo đường bộ mà đi.

Hoàng Hán nói :

— Nếu đi đường bộ thời chốc nữa phải sang đò, rồi tự đất Trường-sa lên Đường-hồ, qua núi Kỳ-lĩnh xuyên sang Hải-phong, đến núi Dương-đề rồi tới Nga-phụ là gần hơn cả. Nếu đi đường Lam-quan thời khó đi mà xa lắm.

Phùng-Ngọc nghe nói cả mừng mà rằng :

— Ta muốn nhân thể ngoạn-cảnh núi Kỳ-đầu và núi Dương-đề, thôi cứ đường ấy mà đi là phải.

Từ đó sang đò qua sông rồi cứ theo đường qua đất Trường-sa tiến lên. Phùng-Ngọc ra đi nguyên không có sự gì cần-cấp nên vừa đi dọc đường vừa ngoạn-cảnh, hễ gặp non sông cảnh lạ tức phỏng-hoài đề-vịnh, không biết bao nhiêu thơ từ mà kể. Không mấy ngày đi đến núi Dương-đề, núi ấy cao vót như bình-phong, ngăn cách huyện Hải-phong với huyện Qui-thiện ra làm hai. Khi trước Việt-vương Đá có đào xuyên ở giữa đỉnh núi khai một cửa ải-quan, đóng quân ở đó canh giữ, gọi là cửa ải Dương-đề. Cứ từ chân núi về bên huyện Hải-phong lên đến trên đỉnh độ hai mươi dặm thời hãy còn bằng phẳng. Còn từ chân núi về bên huyện Qui-thiện lên đến trên đỉnh độ mười dặm thời hình núi bích-lập, không thể đi thẳng lên được, ở đó đã có con đường chữ *Chi*, đi vòng quanh mãi mới lên được, thực là một cái ải-quan hiểm-cố một người chống được muôn người. Phùng-Ngọc lên đến trên đỉnh núi, khoát-nhãn trông xem hồi lâu, tình-hoài sảng-khoái, bèn gọi Hoàng-Thông đem bút lại, vạch rêu viết lên trên thạch-bích một bài thơ :

Núi ngất lưng trời tựa bậc thang,
Lên cao cao vót mấy mươi ngàn.
Ngờ như mặt giếng nhô lên khỏi,
Đọ với từng mây đứng xềnh-xang.
Nguyệt chếch hùng-quan then khóa chặt,
Rêu phong cổ-thụ cửa chen ngang.
Cũng toan vạch đá để thơ khắp,
Cho chú sơn-linh sợ khiếp gan.

Phùng-Ngọc viết xong, lại đề lạc-khoản mấy chữ rằng : « *Cổ-mai Hoàng Quỳnh đề* », đề xong rồi lại ngâm đi ngâm lại, hân-nhiên tự-đắc, bồi-hồi quanh quẩn mãi ở đấy. Hoàng-Hán giục bảo rằng :

— Xin cậu cho cất nghiên bút đi, rồi đi xuống chớ ! Đây đến Nga-phụ còn 20 dặm đường nữa, mà nay sắc trời mù-mịt, sơ sắp có mưa chăng !

Hoàng-Thông vội-vẳng thu nhặt nghiên bút, dắt ngựa đi trước, Phùng-Ngọc mới trở gót đi xuống núi. Đi độ vài hôm chợt đến một chỗ, xem ra sườn đồi chân núi, bên suối cạnh khe, trồng toàn cây mai cả, không hở một chỗ nào, bấy giờ vừa độ thượng-tuần tháng ba, lá tươi rợp bóng, quả chín đầy cành, đi rẩn bước lên, thời rợp trời toàn là bóng mai cổ-thụ ; ở giữa có một dòng suối nước trong như lọc, đôi bên suối có độ vài mươi nóc nhà, rào trúc mái tranh, bóng mai lấp-lánh, coi ra chiều phong-nhã lắm ; đi qua khỏi dịp cầu đá, sực thấy có một cái đình, ở giữa đình có hai bản thạch-bản nhẵn bóng như ngọc, Phùng-Ngọc xuống ngựa ngồi nghỉ ở đó, trông lên trên đình thấy có cái biển đề bốn chữ đại-tự : « *Sư-Hùng mộng - xứ* 師雄夢處 ». Phùng-ngọc xem thấy rồi gật đầu mà rằng :

— À thế ra ở chỗ này. . .

Hoàng-Thông hỏi :

— Chỗ này là thuộc về sở-tại nào vậy ?

Phùng-Ngọc nói :

— Đây gọi là thôn Mai-hoa, nguyên trước có người nữ-đạo-nhân ở La-phù tên là Tố-Nguyệt, thường trồng đến hàng nghìn cây mai ở đây, cho nên gọi là Mai-hoa-thôn ; năm Khai-hoàng đời nhà Tùy, có ông Triệu Sư-hùng đi chơi La-phù, qua tới đây, gặp một người gái đẹp mặc áo trắng rất trang-nhã ra đón rước, Sư-Hùng hỏi truyện thời thấy nói-năng thanh-nhã, hương-khí thơm-tho, bèn cùng nhau đến tửu-lâu uống rượu, thời thấy có một tiểu-đồng mặc áo xanh vừa múa

vừa hát đứng hầu. Sư-Hùng không ngờ uống rượu say quá, bèn cùng dắt mĩ-nhân đi nằm, sáng ngày tỉnh dậy, thời chỉ thấy một mình ngồi ở dưới gốc cây mai, chim kêu véo-von, bóng mặt trăng tà tà đã gần lặn mà thôi, chẳng thấy mĩ-nhân với đồng-tử nào cả. Sư-Hùng buồn-bã trở về, người đời sau truyền làm vận-sự, nên mới đề biển bốn chữ như thế để làm di-tích. Ta thường xem sách *La-phù-chí*, thôn Mai-hoa ở ngoài cửa La-thủy, nay đã đến thôn Mai-hoa thời còn cách La-phù không xa mấy nữa.

Phùng-Ngọc nói rồi có ý cả mừng, bước ra ngoài đình, ngoạn xem phong-cảnh, chợt thấy bên phía bắc đình trong bóng cây xanh, thò ra một cành thạch-lựu, thấp-thoáng đôi ba cành lửa lựu lập lòe đâm bông, đỏ đỏ hồng hồng, cảnh-trí thiên-nhiên rất là thú-vị. Phùng-Ngọc cứ thuận bước bước lên, đương lúc ngửa trông cành hoa lựu, chợt nghe tiếng vòng xuyến có người thoảng qua, Phùng-Ngọc vội ngoảnh trông theo chưa rõ, theo ngắm kỹ ra, không ngờ mê tít người đi, hồn vía bay lên mây cả. Nguyên là một ả mĩ-nhân tuổi vừa đôi tám, đứng bên trong cầm cành tre nhỏ đương với lấy cành hoa, chợt thấy Phùng-Ngọc đến, vội-vàng bỏ cành tre, trở bước lui về. Phùng-Ngọc giảo bước lên xem, thời thực là mày vẽ xuân-sơn, nhỡn quang thu-thủy, lưng như lưng dương-liễu mềm-mại chiều xuân, má như má đào-hoa hây-hây mầu đỏ, xem ra trang-trọng mà yêu-kiều, rõ thật phong-lưu mà ôn-nhã, không ngờ người đâu của lạ, thật là nghiêng nước nghiêng thành. Phùng-Ngọc theo hút mãi ngóng xem, thời xa xa trông thấy mĩ-nhân vào một nhà ngoài cửa tường xây bằng vỏ mẫu-lệ. Phùng-Ngọc bấy giờ hình như mất của báu ngọc gì tiếc vơ tiếc vẩn, đứng ngẩn đứng ngơ, bùi-ngùi mà than rằng:

— Tiên hay là người? Thực hay là mộng? Quái lạ thay!

Đương lúc ngơ-ngẩn, chợt thấy trong nhà có một ông già bước ra, áo thâm khăn lượt, đạo-mạo xâm-nghiêm, bỏ quặt tay ra đàng sau lưng ngửa mặt lên trông trời. Phùng-Ngọc nghĩ ngay ra một mẹo liền xóng tay áo bước tới trước mặt vái chào lão-ông mà nói rằng:

— Thưa lạy cụ, vãn-sinh chúng tôi ba thầy tớ, nhân đi chơi La-phù đường qua quí-hạt, vì mải xem rừng mai không ngờ trời gần tối, sợ đi lên nữa không biết ngủ vào đâu, muốn ngủ nhờ quí-trang một đêm, sớm mai xin đề tiền thù-báo lại, không biết trưởng-giả có dung cho không?

Lão-ông thấy Phùng-Ngọc tuổi trẻ người đẹp, mà cử-chỉ phong-lưu, ngôn-từ nhã-nhặn, liền đáp lại rằng:

— Thảo-mao tệ-sá, chỉ sợ hẹp-hòi, công-tử nếu không nề-hà chi, tạm nghỉ lại đây thời xin vâng có ngại gì.

Phùng-Ngọc nghe lời liền vẫy gọi hai tên đầy-tớ đem đồ hành-lý lại, lão-ông đón vào nhà thảo-đường, phân ngôi chủ khách mời ngồi, gọi tên tiểu-đồng ra pha chè. Phùng-Ngọc đứng dậy cúi mình vái tạ mà rằng:

— Vãn-sinh hôm nay xuýt nữa cùng-đồ, may nhờ cụ dung-nạp, thực là cảm lòng ân-đức, song chưa được rõ lão tiên-sinh quí-tính đại-danh là gì? Xin cụ chỉ-giáo cho biết.

Lão-ông đáp:

— Lão-phu họ Trương tên Hãn, hiệu là Thu-cốc, dám hỏi quí công-tử đại-danh là gì? Quê-quán ở đâu mà nay nhân đi chơi đâu, có việc gì?

Phùng-Ngọc thưa:

— Vãn-sinh vốn người ở thôn Đào-hoa, huyện Trình-hương thuộc phủ Phong-châu đất Lạc-thành, họ Hoàng tên là Phùng-Ngọc, năm nay 16 tuổi,

tư khi nhỏ vốn theo học tập Thi Thư, tính ham ngoạn-cổ, nghe đất La-phù là nơi sơn-xuyên danh-thắng, cảnh-trí rất nhiều, vẫn có chí muốn đi thưởng-ngoạn, song chưa được dịp nào. Nay nhân cha tôi sai tôi đi đến Tùng-hóa thăm cô tôi, vậy muốn tiện đường qua chơi luôn thể, nhân đi qua qui-hương, thấy có cái đình đề biển sự-tích Sư-Hùng, biết qui-địa đây là nơi danh-thắng, vì thế ham mê thưởng-ngoạn, thành ra chậm trễ cả hành-trình, may nhờ cụ dung-nạp, khỏi đến nỗi cùng-đồ, ba thầy tớ chúng tôi thật là vạn-hạnh!

Trương-lão thấy Phùng-Ngọc thông-minh mẫn-đạt, trong bụng rất mừng, liền vào nhà trong bảo làm cơm rượu đề khoản-đãi. Vụt chốc tên tiểu-đồng ra bày tiệc, Trương-lão mời Phùng-Ngọc tới ngồi, Phùng-Ngọc hai ba lần khiêm-tốn không được, phải ngồi dự tiệc. Trương-lão ân-cần mời rượu, trong lúc uống rượu, Trương-lão cùng Phùng-Ngọc đàm-luận, thời văn thơ từ-phú, Phùng-Ngọc đều tinh-thông cả, hỏi một điều đáp lại mười điều, trôi-trát như nước chảy thao-thao bất-tuyệt, Trương-lão càng lấy làm kính-phục. Phùng-Ngọc chối từ rằng không kham được tửu-lực, song Trương-lão cứ ân-cần mời uống mãi không thôi, vậy có thơ rằng:

Người tài may gặp được ông hay,
Gặp được ông hay thỏa dạ này!
Đuốc ngắn đêm dài tình gặp gỡ,
Ân cần chuốc chén nhớ đêm nay.

Bấy giờ gần đến canh hai, Trương-lão chợt thấy người coi trâu ngoài trại hô-hoán rầm lên, chạy vào nói:

— Nguy đến mất rồi: ông mau chạy trốn đi không thì chết cả!

Trương-lão, Phùng-Ngọc đều vội-vàng đứng dậy hỏi rằng:

— Việc nguy-cấp gì đó?

Người thủ-trại nói:

— Nay có quân giặc Hỏa-đái kéo đến bốn năm trăm quân, vào cướp ở trại ngoài kia, nay đã sấn vào đến cửa trại thôn ta rồi!

Trương-lão nghe nói mặt xám xanh như gà cắt tiết, vội gọi đầy-tớ đóng chặt cửa trại lại, rồi quay lại bảo Phùng-Ngọc rằng:

— Thôi, qui-công-tử cứ tự-tiện lên đi, lão-phu còn phải vào đem tiện-nội và tiểu-nữ đi trốn, không dám bồi-tiếp nữa.

Nói rồi, toan chạy vào nhà trong. Phùng-Ngọc lúc mới nghe ngần người ra không biết truyện gì, rồi nghe thấy Trương-lão nói đến hai tiếng « tiểu-nữ » chợt nhớ đến lời Thạch thiền-sư dặn, chạy lại nắm lấy tay Trương-lão bảo rằng:

— Xin lão tiên-sinh đừng hoảng-sợ, vãn-sinh đã có phép đuổi tan được giặc.

Trương-lão bắt tay ra nói:

— Phép với chẳng phép, quân cường-tặc nó đổ xô vào thời chết cả bây giờ! Công-tử buông tay tôi ra, tính-mệnh tôi nguy đến thời làm sao!

Phùng-Ngọc cố giữ lại nói:

— Vãn-sinh lại không phải là tính-mệnh hay sao, xin cứ chấn-tĩnh, tôi xin bảo hộ cả nhà vô-sự.

Vừa nói vừa dắt Trương-lão lại ngồi ở ghế, liền gọi Hoàng-Hán đem chiết bỏ cả bôi-bàn, lau bàn đi cho sạch; lại bảo tên tiểu-đồng hầu đó vào nhà trong lấy cái bát sạch múc một bát nước trong đem ra; lại gọi Hoàng-Thông lấy đôi gươm ra, Phùng-Ngọc cầm lưỡi gươm đưa lên trên bát nước, y pháp niệm thần-chú 14 chữ, niệm xong đem bát nước đề trên bàn, dặn cả đồng-bộc không được om-xòm kinh-quái, cứ yên-tĩnh mà nghe, rồi giặc tự phải lui. Lại ngảnh lại nói với Trương-lão rằng:

— Tiên-sinh cứ lặng mà xem, không lầm-lỡ chi mà sợ.

Trương-lão nói :

— Xin nhờ công-tử, xin nhờ....

Trương-lão vừa nói vừa run, chửa rứt lời, tiếng reo đâu đã rầm-rầm, đuốc sáng rực trời. Phùng-Ngọc vội-vàng nhảy lên bàn ngồi xếp bằng tròn cầm đôi thanh gươm. Bên ngoài thời nghe tiếng khóc rậy đật. Trương-lão bấy giờ đánh trống ngực thình-thình. Tên tiểu-đồng nhà Trương-ông sẽ vẫy Hoàng Thông đến gần ghé tai nói :

— Chúng ta sẽ ngó xem bên ngoài ra làm sao đi.

Hoàng Thông nói :

— Ngó chỗ nào mà trông thấy được?

Tiểu-đồng nói :

— Để tôi đi lấy thang.

Nói rồi liền đi rón chân rón tay vào buồng lấy thang, rồi dựng lên tường mẫu-lệ, hai đứa sẽ bước lên thang trông ra ngoài tường, thời thấy quân giặc vô vàn, nào là khăn đỏ quảng đầu, giầy gai bịt gót, hầm-hầm như hổ-rược lang-bôn, nhao-nhao lên đông-xung tây-đột, đao múa bay sương, thây chết dầy khe nước ; khói bùng bật lửa, gió táp sém rừng mai ; nhà tranh vách sậy vụt chốc thiêu hóa tro than ; gái đẹp trai lành, chớp mắt biến ra hồn cuốc. Đương lúc trông ra, thấy trước mặt dưới gốc cây mai có một người chạy ra bất-hơ bất-bải tìm đường chạy trốn, nhận kỹ ra thời giống như anh Lý Đại, đàng sau có một tên giặc trần mình đuổi theo, tay cầm thanh đao mã-tấu cực to, chạy đi như bay ; qua đến cầu đá, người kia bị rễ mai vướng phải chân vấp ngã xuống đất, vừa trở dậy toan chạy, thời bị tên giặc đuổi kịp chém một nhát đao, đứt đôi làm hai đoạn. Hai người ở trên đầu tường trông thấy sợ run lên, hàm răng đánh cầm-cập, chợt lại nghe thấy tiếng reo, hàng mấy trăm quân giặc đà kéo đến trước trại như đàn ong ; hai người thất-kinh, xủyt nữa sa chân ngã xuống thang, phải vịn nép vào tường không dám động-đậy. Nhưng quái sao quân giặc xô-xát đến trước cửa lại không xông vào được, hình như quân đèn cù, chỉ quanh ở ngoài cửa trại chực nhảy xông vào, rồi lại giật lùi ra đứng ngây ở bên ngoài ; chúng lại reo ầm lên cố nhảy xông vào, đua nhau nhảy vào được mấy bước, lại phải lui ra, đứng trông nhau ngơ-ngác. Tên tiểu-đồng sẽ ghé tai bảo Hoàng Thông rằng :

— Dễ thường phép-thuật của chủ-nhân nhà anh linh thật !

Hoàng Thông nói :

— Im đi, để xem chúng nó nói gì.

Hai người bèn lắng-lặng nghe chúng nó nói, thời thấy một tên giặc cầm đao trỏ lên tường mà rằng :

— Rõ-ràng là một khu trại tường nhà kia, làm sao chúng mình xông vào, lại không trông thấy, chỉ thấy hình như là một cái hồ nước lớn sóng nổi quần-quận, hay là chúng ta hoa mắt chăng?

Lại một tên giặc nữa nói :

— Chúng ta lại xông vào xem sao nào.

Rồi chúng lại reo ầm lên quanh cả ngoài cửa trại nhảy xông vào hai ba lần, rồi vẫn thấy giật lùi ra như trước. Bấy giờ Hoàng Thông với tiểu-đồng hai người trong bụng mới khỏi sợ, cứ nấp ở trên tường cười với nhau mà rằng :

— Xông vào nữa đi, đã nhược chưa !

Chợt lại thấy mội tên giặc nữa nói :

— Cái nhà kia dễ thường là miếu thờ thần sợ chúng ta xông vào làm phá-hoại cho nên biến phép thần-thông ngăn chúng ta lại chăng ?

Lại nghe thấy tên khác nói :

— Anh nói phải rồi, thôi chúng ta kéo quân về.

Bèn bảo nhau kéo ra ngoài cửa trại. Hoàng Thông với tên tiểu-đồng bước xuống thang, sẽ mở cửa ra đi dò đến hai ba dặm đường, thấy quân giặc thực là tan đi cả rồi, mừng rỡ chạy trở về nhà nội-đường báo tin. Khi ấy Trương-lão ở nhà sợ phát sốt rét lên, hai tên chạy về nói :

— Thưa ông, quân giặc đã đi rồi ạ !

Trương-lão bấy giờ mới hơi định-thần, hỏi sao nó lại lui đi. Hai tên bèn thuật truyện lúc đứng ở đầu tường xem và những lời nghe thấy chúng nó nói, và đã đi hai ba dặm theo hút xem, thời quả quân giặc đã đi xa rồi ; chỉ những nhà cửa ở trong thôn-trại này bị chúng nó phá đốt sạch-sẽ cả. Trương-lão nghe nói rồi liền ngoảnh-lại Phùng-Ngọc mà rằng :

— Cả nhà chúng tôi mà khỏi phải cái tai-nạn tàn-phá này, thực là nhờ ơn qui-công-tử tái-sinh tái-tạo cho vậy !

Trương-lão vừa nói vừa toan cúi đầu xuống lạy, bấy giờ Phùng-Ngọc đã thu phép lại rồi, vội-vàng đỡ Trương-lão dạy mà rằng :

— Đó là nhờ hồng-phúc của lão tiên-sinh, chớ vãn-sinh có tài-cán gì đâu.

Lúc bấy giờ cả nhà kinh-hoảng mới tỉnh, mọi người sợ khiếp đều tê dại cả người, đi Phùng - Ngọc cũng mỏi mệt muốn đi nghỉ. Trương-lão liền gọi tên tiểu-bộc đem chăn đệm, rồi tự mình trang chải mở ra, đưa Phùng Ngọc tới khách phòng yên nghỉ ; và dặn bảo tên tiểu-bộc dọn-dẹp đâu đấy, rồi lui vào nhà trong cùng vợ với con gái nói truyện cám ơn Phùng-Ngọc một hồi rồi mới đi nghỉ. Vậy có câu rằng :

Vì không yêu khách sẵn lòng,
Nàn này ai cứu thoát vòng gian-nguy.
Cho hay gặp-gỡ cũng kỳ,
Mượn duyên chén rượu tiếc gì với ai.

Nói về Trương-lão kinh-hoảng quá vào nằm trong giường trằn-trọc mãi không ngủ được, nghĩ đến Phùng-Ngọc là người hùng-tài biện-bác như Tần-Bật, băng-thanh ngọc-nhuận như Vệ - Giới, và lại anh - khí phát - hiện lưu - lộ ra ngoài mày mặt, ai thấy cũng phải yêu, mới được độ một tí tuổi mà sát-thoái được quân cường-tặc, không có một chút gì kinh-hoảng, thực là thủ-đoạn anh-hùng ngô-nạn cũng chẳng kinh, nếu ta muốn kén rể cho con, bỏ qua mất người này sao gọi là khôn được. Song y ở Trình-hương, con gái mình gả cho y thời y tất đem về, như thế thì lại không nỡ cát-đoạn phân-ly được, vì thế trằn-trọc nghĩ mãi nửa đêm, lại tưởng đến nỗi quân giặc Hỏa-đới, càng ngày càng tứ-ngược, quan tỉnh thời đều sợ khiếp, chỉ chủ-nghị chiêu-hàng, hễ ai kháng-cự với giặc thời cho là khích-biến, nếu ai bị phải giặc cướp phá thời không biết kêu vào đâu, tình - cảnh như thế thời còn quyến-luyến chỗ này làm gì nữa. Ví như đêm hôm nay may gặp anh học-trò này cứu thoát được nhà ta, nếu không gặp y thời cũng như anh Lý Đại hóa làm ma ở dưới lưỡi đao rồi, nghĩ đi cho cùng chỗ này ở không được nữa, gì bằng đem đứa con gái gả cho y, đợi y đi Tùng-hóa trở về, rồi đem cả nhà theo y đến ở tạm làng Trình-hương, để đợi cho yên-tĩnh đã sẽ hay. Như thế thời cha con không phải cách-biệt nhau, vả lại tránh được nạn giặc, thực là lưỡng-tiện. Song không biết anh học-trò này đã lấy vợ chưa, nếu đã lấy rồi, con gái ta cũng xin làm thứ vậy. Chủ-ý đã định, đợi đến sáng ngày ra sẽ nói chuyện.

Nói về Phùng-Ngọc đã sát - thoái được quân cường-tặc rồi, trong bụng

mừng thầm, nghĩ rằng : Người mĩ-nhân gặp hôm qua quả là con gái ông này, thời lời nói Thiền-sư dặn khi trước đã hơi nghiệm ; song còn việc hôn-nhân nếu vội-vàng khải-xỉ nói ngay thời không tiện, phải nghĩ kế-sách gì nói đả-động đến ông ấy để cho ông ấy tự nói ra thời mới tiện, nghĩ đi nghĩ lại không được mẹo gì, đến hơn hai trống canh. Lại chợt nghĩ ra nói rằng : Như thế này thời cực-diệu ! Liền đánh thức Hoàng Thông dậy bảo rằng :

— Ta nghe ông Trương-lão có người con gái, đoan-trang mĩ-lệ, tuyệt-thế vô-song, ta muốn hỏi lấy, song mới gặp-gỡ mà nói ra ngay không tiện, mày giùm hộ tao cứ nói như thế.... mày là người tôi-tớ dẫu đường-đột nói ra cũng chẳng can sao.

Hoàng Thông vâng lời, sáng sớm thức dậy giả tảng vào nhà trong lấy nước ra để pha cho Phùng-Ngọc uống, chạy đến nhà giữa, thời thấy Trương-lão đã thức dậy cùng với bà vợ ngồi ở nhà nội-đường đương bàn về truyện định gả con cho Phùng-Ngọc, và bảo nhỏ cho con gái biết, rồi sẽ tìm mối nói đánh tiếng với Phùng-Ngọc, sực thấy Hoàng Thông bước vào. Trương-lão nói:

— Lão quản-gia dậy sớm mấy ?

Hoàng Thông nói :

— Cậu tôi hay uống nước sớm nên tôi vào gọi tên nhỏ để lấy nước.

Trương-lão nghe nói liền bảo tên nhỏ đến tủ chè lấy thứ chè ngon đem ra pha. Tên nhỏ lại bảo con Liễu-hoàn vào thưa với cô cho thứ chè ngon để đem ra pha cho Hoàng công-tử uống. Một lát thấy một cô-nương cầm phong chè đưa ra, Hoàng Thông giả tảng thất-kinh mà rằng :

— Ôi chà ! đây là cô con gái yêu nhà cụ đấy ư ? Tài-mạo đẹp thế này cũng giống như công-tử tôi, không biết cụ đã nhận trầu cau ở nơi nào chưa ? Nếu chưa, mà cụ cho sánh đôi với công-tử tôi, thời thực là giai-nhân tài-tử tốt đôi quá.

Trương-lão mỉn cười mà rằng :

— Lão quản-gia nói thế cũng hay, nhưng không biết qui công-tử đã có vợ chưa ?

Hoàng Thông nói :

— Công-tử tôi trước vẫn thề rằng nếu không gặp người tuyệt-thế giai-nhân thời không lấy, ở nhà cũng có đôi ba nhà thế-gia cự-tộc muốn gả con gái cho cậu tôi, song cậu tôi xem ra toàn là hạng nhi-nữ tầm-thường, nên không thuận nơi nào cả, giá được người tài-mạo như cô-nương, hễ nói một lời là xong.

Trương-lão nói :

— Tôi cũng có ý thế, nhờ quản-gia nói đạo-đạt hộ cho xem thế nào.

Hoàng Thông nói :

— Thưa vâng, để tôi ra nói thử với cậu tôi xem sao.

Nói rứt lời, liền chạy ra nhà ngoài. Một hồi lâu lại trở vào nội-đường. Trương-lão vội-vàng đứng dậy hỏi :

— Thế nào quản-gia, qui công-tử ý có ưng không ?

Hoàng Thông nói :

— Thưa cụ, cậu tôi nghe thấy nói cô-nương nhan-sắc, lại được ý tốt cụ thuận cho, thời thực lấy làm mừng. Song cậu tôi nghĩ lại có ba điều này khó xử: 1° là chửa được mệnh cha mẹ không dám tự-chuyên; 2° là nhân đi chỗ lữ-thứ, lễ-vật không được đủ sẵn ; 3° là lấy cô-nương thời phải cưới đem về Trinh-hương, sợ cụ không cho ly-biệt đi xa, phải làm rể ở đây, thời cậu tôi lại sợ ông bà tôi ở nhà mong nhớ, vì khó xử hóa nên không dám tùng-mệnh.

Trương-lão cả cười mà rằng :

— Hai điều trên thời không cần, đã có tôi đây là đủ ; còn một điều sau

thời tôi đã tính rồi, công-tử không phải ngần-ngại, để tôi ra nói chuyện.

Nói rồi liền bước ra nhà ngoài. Phùng-Ngọc đón chào, Trương-lão mời cùng ngồi mà rằng :

— Lão-phu sinh ra được hai đứa con trai : thằng lớn là Chí-Long, từ khi nhỏ nó đã ra học buôn bán ở phủ Quế-lâm tỉnh Quảng-tây ; thằng thứ hai là Phi-Long, vẫn theo ông Trung-ly Tiết tiên-sinh học ở núi Dịch-sơn, đều không ở nhà cả ; ở nhà chỉ có lão-phu với chuyết-nội tôi là Long-thị và tiểu-nữ là Quí-nhi, với mấy đứa tỳ-bộc mà thôi, trong nhà không có người đinh-tráng và lại ít họ-hàng thân-thuộc, mới rồi những quân giặc núi đi đến đâu là tàn-phá đến đấy, mà đất Long-đoàn với đất Qui-thiện này là tàn-hại nhất ; nếu cứ quyến-luyến gốc dâu cỗi thì mà ở đây mãi, sợ cũng khó toàn-vẹn được. Lão-phu muốn thiên-cư đi chỗ khác để tránh quân hung-bạo đã lâu, chỉ vì không biết đâu là bến Đào-nguyên mà tới. Nay nghe tiếng qui-huyện là nơi thanh-danh văn-vật, đức-chính ông Tăng Công-Phương hãy còn nhuần-thấm, di-phong ông Trình xử-sĩ hãy còn dấu thơm, thực là một chốn thanh-bình phúc-địa, nếu công-tử không nề chi con nhà chất bằng phỉ-phong, thời tôi xin hiến tiểu-nữ để nâng khăn sửa túi, đợi khi công-tử đi Tùng-hóa trở về, thời cả nhà tôi xin theo Công-tử về nam, không biết công-tử có bằng lòng không ?

Phùng-Ngọc nói :

—Thưa cụ, con chỉ sợ nơi rừng gai, góc, không phải là chốn phụng đậu loan chơi ; nếu lão tiên-sinh không hiềm bỉ-lậu thời nhà vãn-sinh sân vườn còn rộng, có thể tạm lưu xe ngựa được, vãn-sinh xin cầm roi theo hầu. Còn đến như việc kết-thân lịnh-ái, thời vãn-sinh chưa bẩm mệnh song-đường, chưa sắm đủ lục-lễ, đâu dám mong tên bán tước-bình.

Trương-lão nói :

— Tôi nghe người quân-tử nên sánh bậc giai-nhân, tiểu-nữ dẫu không dám ví như bậc hiền-phi, song tài-tình chi-tiết cũng khác bọn dung-lưu, chấp-kinh cũng có lúc hành-quyền có hề chi vậy. Còn như sinh-lễ, thời tiểu-nữ may được dư-sinh thực là nhờ ơn công-tử, quyết không dám nhận, chỉ xin cho một vật gì làm tin là đủ.

Phùng-Ngọc nói :

— Nhờ được lão tiên-sinh quá yêu như vậy, lẽ nào vãn-sinh lại chẳng tuân theo, xin mời lão tiên-sinh lên ngồi, để Phùng-Ngọc cúi đầu làm lễ.

Nói rứt lời, liền kéo ghế ỷ lại để giữa nhà, mời Trương-lão ngồi lên, liền cúi đầu thụp xuống lạy. Trương-lão vội-vàng vái lại, bèn nhận là con rể. Phùng-Ngọc liền bước tới buồng khách lấy một cái khăn tay bằng lụa thêu gấm, nguyên là của mẹ gửi cho cô bên đem ra, hai tay nâng đưa cho Trương-lão mà rằng :

—Tiểu-tế đương ở chốn đất khách không có vật gì để dâng làm tin, đây là cái khăn của mẹ tôi tự tay thêu dệt ra, xin mượn một cái để dâng nhạc-phụ làm sinh-vật vậy.

Trương-lão cầm lấy xem thời cái khăn ấy một mặt thêu một cây thông cổ-thụ, mặt bên kia thêu tích thọ-đồ ông Quách Phần-Dương, Trương-lão cả mừng mà rằng:

— Xem như cái khăn này thực là cái chưng-triệu tốt lắm!

Liền đem vào đưa cho con gái nhận lấy, và rút lấy một cái kim-soa ở trên đầu con gái đem ra đưa cho Phùng-Ngọc nhận lấy, rồi sai mở tiệc vui mừng hai ngày. Xong rồi, Phùng-Ngọc cáo-từ xin khởi-trình ra đi, Trương-lão cầm lấy tay Phùng-Ngọc mà rằng :

— Hiền-tế hãy ở chơi một vài ngày nữa, lão-phu còn có câu truyện để nói với hiền-tế đây.

Thực là :

Tài-tử nổi danh vừa đẹp lứa,
Hung-nhân căm giận rắp mưu gian.

Không biết Trương-lão nói câu truyện gì về sau sẽ hiểu.

(*Còn nữa*)

ĐÔNG-CHÂU *dịch*

DƯ-LUẬN CỦA CÁC BẠN ĐỌC BÁO

I

VẤN-ĐỀ VIỆC HỌC NƯỚC TA BÂY GIỜ

I. — Ý-kiến về việc học

Chấp cái ý-kiến về việc học nước ta bây giờ, tất là ở về phần người có đủ cái con mắt trông tỏ được sự-thế nước ta bây giờ, duy bởi cái sự-thế xoay khiến ra thế mà cái sự-lý mới có điều phải thế, duy cái sự-lý phải thế, mà cái chỗ ta cầu cho có được cách học để làm cho trong cùng đân ta với nhau có thể yên-tuyền sinh-hoạt được ấy, cũng không thể không được vậy.

Thế thời bàn đến cái việc học nước ta bây giờ, ấy phải là cái lời bàn nhân việc cũ mà lo-liệu việc mới, cũng phải là cái lời bàn tùy thời-thế mà biến-thông đó vậy.

Tôi xét ra quốc-dân ta đối với việc học nước ta bây giờ, một là có cái ý hối về cách học khoa-cử ngày trước là lầm, hai là có cái ý không chịu là cách thay đổi của Nhà-nước bây giờ cũng chưa được phải lầm, cho nên bấy lâu nay đối với cái vấn-đề việc học, vẫn muốn có lời bàn để giải-quyết lấy. xem những lời bàn-bạc, như ở về phần chữ nho thời nhiều người có ý muốn bảo-tồn, những là chưa thấy ai có giải-quyết được cái cách bảo-tồn thế nào là hay là phải mà thôi. Còn về phần chữ quốc-ngữ và chữ pháp, có người bảo rằng nên đem chữ quốc-ngữ làm phổ-thông, có người bảo rằng nên đem chữ pháp làm phổ-thông, cũng mỗi người nói một đường giữ một nẻo cả đó, những là cũng chưa thấy ai có bàn đến cái hình-thức về sự học chữ quốc-ngữ và học chữ pháp ấy cho có được rành rọt kỹ-càng là thế nào sốt cả, ý hoặc là ở về cái điều muốn nói, thường có ý không dám nói, lại hoặc là chưa có chịu tựu về cái sự-lý có hợp với nước ta bây giờ, mà nghiên-cứu cho cùng đó chăng.

Ôi ! gọi là việc học, tất phải có cái tinh-thần, rồi sẽ mới có cái hình-thức, nếu chỉ chực xếp-đặt cái hình-thức, mà không trước hết phải nghiên-cứu cái tinh-thần đã, thời dẫu có luận-biện đến thế nào, cũng chung-qui là cái lời bàn vô-bằng-cứ hết cả vậy.

Đây tôi xin hãy tựu về trong chỗ sự học ta bây giờ, có ba thứ chữ, là chữ nho, chữ pháp và chữ quốc-ngữ đó, trước hãy giải-quyết cái lý-do quốc-dân ta phải học ba thứ chữ ấy là tại làm sao, cùng là cái cách-thức quốc-dân ta học ba thứ chữ ấy là nên thế nào.

Chữ nho mà quốc-dân ta phải học có hai lẽ : Một là ta phải để cho vững-chắt cái nguyên-lực đạo-đức, nghĩa là cái tinh-thần xã-hội mà có phần duy-trì lại được, là nhờ về có sự học chữ nho đó, việc chính-trị nhà-nước mà có phần làm cho

dễ trị-yên được, cũng là nhờ về có sự học chữ nho đó. Hai là ta phải học để cho dưỡng-thành cái phủ-lực tiếng nói, nghĩa là cái tiếng nói của ta từ xưa đến nay đã thành rồi, phần nhiều là y-cứ vào chữ nho cả, mà đến cái tiếng nói của ta bây giờ cần phải có thêm nữa, cũng nên y-cứ vào chữ nho hết cả.

Chữ pháp mà quốc-dân ta phải học cũng có hai lẽ : Một là ta phải học để làm cái cách giao-thiệp ở trên chỗ giao-tế, nghĩa là nước ta nhờ Đại-Pháp bảo-hộ, thời trong chỗ quốc-dân ta giao-tế với dân Pháp, cái gì mà không phải là chữ Pháp. Hai là phải học để làm cái cách nghiên-cứu văn-minh, nghĩa là nước Pháp là một nước văn-minh tiên-tiến ở thế-giới, thời bây giờ ta nếu có muốn tham-thâu cái cách văn-minh của thế - giới, chỉ tựu về trên cái chỗ chữ pháp và sách pháp mà nghiên-cầu lấy là đủ.

Đến như chữ quốc-ngữ của ta, so với chữ nho là sự cần cho ta về phần thứ nhì, chữ pháp cần cho ta về phần thứ ba, chữ quốc-ngữ hẳn là cần cho ta về phần thứ nhất vậy. Tại làm sao thế? Nghĩa là chữ quốc-ngữ làm cái sự tiện-lợi cho ta về sự học ấy nhiều lắm, ta học chữ quốc-ngữ, chữ là tiếng nói, tiếng nói là chữ, một người đọc, các người hiểu được hết cả, sự tiện-lợi là một. Ta học chữ quốc-ngữ, ta chỉ phải nhớ cái thể-cách văn-minh, không phải nhớ cái thể-cách chữ nữa, sự tiện-lợi là hai. Ta học chữ quốc-ngữ, sự phổ-thông dễ và mau, không như học chữ nước khác sự phổ-thông khó và lâu, sự tiện-lợi là ba.

Thế thời hợp cả ba thứ chữ, mà đều là chữ quốc-dân ta phải học cả, ấy là cái sự-lý ở nước ta bây giờ tất phải thế vậy, bây giờ còn cái cách học ba thứ chữ ấy phải thế nào là phải

Tôi xét sự học ở các nước, gọi là cái thứ chữ nên cho toàn-quốc-dân cùng học, thời tất là lấy chữ nước mình, chửa có nước nào đem chữ nước khác, để cho cả toàn-quốc-dân cùng học, mà lại có thể tấn-tới mau được bao giờ. Và lại nếu mình không có chữ đã đành, chớ mà nước mình có chữ không học, lại đi học chữ nước khác, tưởng ư sự-lý cũng có phần không đáng nữa.

Bây giờ ta học chữ nho, là học đạo-đức, và học tiếng nói, phàm là quốc-dân ta, tất phải là người có biết chữ nho hết cả, thời bây giờ như cái niên-hạn tiểu-học, phải định hạn làm sáu năm, ba năm về trước là tiểu-học dự-bị, thời phải vừa học chữ quốc-ngữ vừa học chữ nho, ba năm về sau, là tiểu-học cụ-thể, thời chữ nho sẽ đề ra chuyên-khoa, mà chữ quốc-ngữ nhưng là phổ-thông, không có học đến ba năm, không nói rằng có thể biết chữ nho được, về sau lên trung-đẳng-học, cao đẳng-học, và đại-học, thời cũng chỉ phải có khoa-học chữ nho về tu-thân luân-lý, chớ không phải học chữ nữa vậy.

Ta học chữ pháp là học giao-thiệp, và học nghiên-cứu văn-minh, trong số người quốc-dân ta, nếu có phải là người biết chữ pháp, cũng chỉ là một phần ít người, bây giờ chỉ định riêng ra một phái học chữ pháp là được.

Còn như học chữ quốc-ngữ, là sự học phổ-thông cả toàn-quốc, phàm quốc-dân ta, có học gì cũng phải là học bằng chữ quốc-ngữ tất cả, tức là bây giờ từ đại-học, cao-đẳng-học, trung-đẳng-học, cho đến tiểu-học, đều tất phải làm sách giáo-khoa bằng chữ quốc-ngữ để mà dạy vậy.

Ấy lấy cái ý-kiến tôi đối với sự học ba thứ chữ, cũng là tôi chỉ so-sẩn về cái sự-lý có hợp với nước ta bây giờ, mà bàn ra đó thôi. Tôi xin có lời bàn ra hai mảnh, một đằng nói về tinh-thần

việc học, một đảng nói về hình-thức việc học, gọi là để thay mặt cả toàn-quốc-dân mà giải-quyết cái vấn-đề việc học nước ta bây giờ, phải như thế mới được.

II. — Về cái tinh-thần việc học

Tinh-thần là gì, là quốc-dân ta đối với việc học, cái chủ-ý khuynh-hướng vào đâu, mà khi đã gọi là cái việc học của cả toàn-dân khuynh-hướng vào đấy ấy lại cũng tức là quốc-dân ta sở-dĩ vì quốc-ta ấy, cũng ở vào đó thôi. Quốc-dân ta ta ngày xưa khuynh-hướng chuyên về điều đạo-đức, bây giờ khuynh-hướng cũng chuyên về điều đạo-đức, mà lại kiêm cả về điều công-lợi nữa. Ngày xưa khuynh-hướng chuyên về điều đạo-đức là cái nguyên-chất mặt trong quốc-dân ta, bây giờ khuynh-hướng kiêm cả công-lợi, là cái xu-thế mặt ngoài quốc-dân ta vậy; làm sao thế vậy? nghĩa là nước ta ở về ngày xưa, còn là thời-buổi đóng cửa nước lại cho chặt, trừ ra có một nước lớn mà nước ta phải chịu lún, là nước Tàu ở về đàng phía bắc nước ta ấy, ngoại-giả không còn có giao-thông với một nước nào là nước cường hơn nước ta nữa; vì thế cũng không có biết ở bên ngoài thế-giới là trời đất thế nào, cho nên mấy nghìn năm nay, gọi là Việt-Nam dân-tộc, chỉ quanh-quanh ở trong hai cái vùng sông Nhị-hà và sông Cửu-long (*Mékông*), bởi đất nhật cỏ, cày cuốc làm ăn, nhơn-nhơn là một dân thái-bình vô-sự, cũng đã có phần tự-đắc lắm vậy. Huống-chi lại có một câu học-thuyết thứ nhất cho quốc-dân ấy, là như câu nói rằng: « Cũng chỉ cứ nhân-nghĩa mà thôi, việc gì phải nói đến sự lợi, » cho nên trong cái chỗ quốc-dân sinh-sôi nẩy-nở, quây-quần với nhau, ăn hiền ở lành, trên kính dưới nhường, chỉ biết có cái thói nhân-nghĩa đạo đức, không có biết sự cạnh-tranh là gì sốt cả, tức như bất đắc-dĩ mà phải có ra mặt cạnh-tranh, cũng chẳng qua là một khi một thì, không có thể ẩn-nhẫn được, mà phải cần cho thoát khỏi sự khổ-nạn, chớ kỷ-thực chưa hề có cái thói tập-thượng là cùng-binh độc-vũ bao giờ. Mà đã không biết sự cạnh-tranh là gì, tức là không biết sự công-lợi là gì sốt cả vậy. Thời buổi bây giờ là thời buổi nào? Đã là cái thời buổi phải mở toang cửa nước ra rồi vậy, mà ai thử hỏi nước mình bây giờ là nước thế nào, thử hỏi dân mình bây giờ là dân thế nào, ở cái khoảng quốc-dân mặt trong cùng ngoảnh lại với nhau thời cái tình tương-thân tương-ái với nhau, đã vẫn là không có thể rời nhau ra được, mà mặt ngoài lại có cái sự nó làm cho tức-bực mình ấy là sự xấu hổ về nước mình vừa nghèo vừa yếu, là cái sự mong muốn cho nước mình vừa giàu vừa mạnh vậy. Huống chi đem cả mười mấy triệu anh em đồng-bào, mà nương-tựa vào bên dưới bóng cờ ba sắc, ư bây giờ thời cũng là vững như Thái-sơn Bàn-thạch vậy, nhưng bởi lại còn có cái thế-lực khác to hơn bảo-hộ nữa ấy, lại chỉ sợ quốc-dân ta phải thay chủ làm tôi tớ kẻ khác, mà bấy giờ cái khổ-huống của quốc-dân ta, không biết đến đâu là cùng-cực vậy. Ôi! bởi thế mà quốc-dân ta đối với hai điều học-thuyết là điều đạo-đức và điều công-lợi ấy, không khỏi có cái nỗi đều sốt sắng ở trong tâm-hyuết quốc-dân ta vậy; duy vì điều đạo-đức và điều công-lợi, đều sốt-sắng cả, mà ở về trên chỗ xã-hội tương-đối với nhau, hễ có trông thấy cái sự gì là sự đồng-chủng tương-tàn, thời trừng mắt lên để cùng nhìn với nhau, có trông thấy sự gì là sự ngoại-thế lăng-áp, thời đành lòng để cùng theo đuổi với nhau. Lại bởi thế rồi mà cái tình-hình trong xã-hội tương-đối với nhau, hình như có cái ẩn-trạng nguy-nguy ngập-ngập, tựa-hồ chỉ sợ cái nói giống cha rồng mẹ tiên, dễ có khi đến lúc này mà tiêu-diệt đi chăng? Nhưng quốc-dân ta

cũng lại còn có điều tự-quyết được ấy, thời là cái điều quốc-dân ta không có tội-tình gì mà đến nỗi thế vậy, có lẽ lòng trời xoay đổi, mà sắp cho ta lại có một ngày lại trông thấy mặt trời, ấy tức là một ngày Nhà-nước có khi cải-lương việc học lại đó chăng.

Bây giờ tựu cái ẩn-tình mặt trong quốc-dân ta, có cái ý muốn hướng Bảo-hộ Chính-phủ mà giải tỏ ra ấy, thời là cái ý-hướng của quốc-dân ta muốn tự-định lấy vậy.

Một là cái ý-hướng ở về trên chỗ điều đạo-đức, quốc-dân ta là dân theo Khổng-giáo, gọi là điều tam-cương, gọi là điều thập-nghĩa, gọi là điều ngũ-thường, gọi là điều tứ-đoan, cái giáo-trạch mấy nghìn năm lưu vào khí-huyết, thấm vào cốt-tủy, Khổng-giáo có phần hợp với quốc-dân ta, thời là lại bởi quốc-dân ta vốn là dân thiên-tính trung-hậu, mà Khổng-giáo dạy cho ta, lại cũng ở về điều đạo-đức có phần làm cho giàng-buộc chặt-chẽ, tình tất phải thẳng được lý, ân tất phải che được nghĩa, cái sự giáo-dục bởi người làm ra, có phần cùng ngay với cái tính-mệnh của Trời cho đó, mà cùng giống nhau như hệt, cho nên Khổng-giáo là cái sự khuynh-hướng của quốc-dân ta ở về trên chỗ điều đạo-đức, thật là có cái thể không lay chuyển được vậy. Từ khi phong-hóa Âu-châu lan sang Á-đông mà cái phong-hóa cũ của ta, những toan bị cái phong-trào mới làm cho đến đổ nát, thế nhưng mà cái phong-hóa mà toan đến đổ nát đi ấy, cũng chẳng qua là cái sự nóng-nảy dại-dột ở về một khi một thì, thấy người ta hay, mình cũng muốn hay ngay, thấy người ta khá, mình cũng muốn khá ngay, mà mới đến nỗi thế thôi; thế nhưng mà lại bởi cái lòng hối quá của quốc dân ta cũng đã vẫn có sẵn vậy, cho nên quốc-dân ta ở về trên chỗ điều đạo-đức bây giờ, một là cái ý-tưởng bảo-tồn quốc-túy, một là cái ý-tưởng tham-thấu văn minh, mà ở về cái ý-tưởng hai đàng ấy, lại tất là phải làm người thủ-cựu thật là người thủ-cựu, làm người duy-tân thật là người duy-tân, mà không có phải rằng cứ chịu đứng vào cái địa-vị dở-dở dang-dang khôn chẳng ra khôn, dại chẳng ra dại đâu vậy; ấy là cái ý-hướng của quốc-dân ta ở về trên chỗ điều đạo-đức là thế, chính thực là ở về phần người chủ-trì việc học, chủ-trương giáo-dục ấy, phải nên nghiên-cứu đến nơi, ấy là một điều vậy.

Một là cái ý-hướng ở về trên chỗ điều công-lợi, quốc-dân ta mà có cái ý-hướng về điều công-lợi, cũng chẳng qua bởi ở cái ý xem xét về thời thế mà ra, mà phải làm ra cái sự bất-đắc-dĩ mà phải xoay phương-hướng ra thế vậy. Từ lúc nước Đại-Pháp sang nước Nam ta, lúc trước là lúc còn đem điều-ước thông-thương, lúc sau là lúc đã kết cái đại-cục bảo-hộ, lại cho đến mấy năm nay, mà lại có một chiến-cục kinh-thiên động-địa ở Âu-châu vừa rồi, làm cho quốc-dân ta đã hiểu rõ rằng chỉ nhân-nghĩa không, không có thể trông cậy được, chỉ đạo-đức không, cũng không thể giữ-gìn được, thành ra không thể nào không phải đứng lên mà xu về cái thế công-lợi, để làm một cái đường đất cho được yên-tuyền mà sinh-hoạt; bây giờ quốc-dân ta lại cũng đã hiểu rõ rằng người hậu-tiến tất phải học người tiên-tiến, cho nên ở về gần bây giờ trở lại, quốc-dân ta đối với Bảo-hộ Chính-phủ, có điều ra ý trung-thành, giản-hoặc còn có kẻ còn đem cái ý phản-đối, cũng chẳng qua ở trên chỗ sự-thế chưa có tỉnh-ngộ hẳn, là một số người thật ít, mới thế thôi; nhưng kẻ ở về cái chỗ thực-tế cả toàn-thể quốc-dân, chính đang ngong-ngóng để hưởng về cái khai-hóa-nhiệt-thành của Đại-Pháp, chính đang ngong-ngóng

đề hướng về cái nhân-đạo-chủ-nghĩa của Đại-Pháp, quốc-dân ta và lại cũng đang mong từng ngày một, họa may Nhà-nước có hành cái chính-sách Pháp-Việt-đề-huề, sắp sửa đưa dắt cái dân phải nhờ quyền Bảo-hộ này, đề cùng với dân được cầm quyền Bảo-hộ, mà cùng làm một dân bình-đẳng đây chăng, cho nên quốc-dân ta ở về trên chỗ điều công-lợi bây giờ, một là cái ý-tưởng cầu sao cho khỏi được cái sự xấu-hổ về nước mình vừa nghèo vừa yếu, một là cái ý-tưởng cầu sao cho đạt được cái sự ngong muốn về nước mình vừa giầu vừa mạnh, mà ở về cái ý-tưởng hai đàng ấy, lại tất là phải làm người tự-lập thật là tự-lập, làm người tự-tồn thật là người tự-tồn, mà không có phải rằng cứ chịu đứng vào cái địa-vị quanh-quanh quẩn-quẩn, cái gì cũng phải nhờ người trông nom, cái gì cũng phải nhờ người giúp-đỡ đâu vậy. Ấy là cái ý-tưởng của quốc-dân ta ở về trên chỗ điều công-lợi là thế, chính thực là ở về phần người chủ-trì học, việc chủ-trương giáo-dục ấy, cũng phải nên nghiên-cứu đến nơi, ấy là hai điều vậy.

Ôi! hợp cả cái ý khuynh-hướng về điều đạo-đức và điều công-lợi, chẳng biết có mong vào đâu cho đạt được cái ý-hướng ấy không? Tưởng cũng chẳng qua chỉ có trông-mong vào cái việc học họa may mà Nhà-nước có cải-lương, sắp có thể làm cho quốc-dân ta phổ-thông cho mau-chóng, dưỡng-dục cho phải đường, rồi mà mới có thể tấn-tới cho mau được vậy. Bảo như thế không phải là cái tinh-thần việc học là gì?

III. — Về cái hình-thức việc học.

Hình-thức là gì? Tức là bây giờ ta xếp-đặt việc học, cái hình-giáng nó có như thế này, mà cái khuôn-phép nó có như thế kia vậy. Hình-thức cho được tường-tận và đủ cả tức là ở về phần người có ở vào cái chức-vị ấy, mới phải lo-liệu về cái công-việc ấy, trong cái khoảng ấy, lại có cái nghĩa phải tùy-thời biến-thông nữa. Đây tôi không có thể dự quyết được hết, nhưng hãy lược bàn ra đại-khái có bốn điều.

Một là thuộc về tuổi học, chỗ học và khoa học, bây giờ phải qui-định ra thế nào, và chủ-ý là thế nào? — Tuổi học tức là hạn tuổi của học-trò ở học trong trường đó vậy. Bây giờ định ra cái hạn tiểu-học phải sáu năm, cái hạn trung-đẳng-học phải bốn năm, còn cao-đẳng-học và đại-học, phải đều ba năm; con em trong nước, đủ sáu tuổi rồi phải vào trường tiểu-học, mười-ba tuổi mà lên bậc trung-học, mười-sáu tuổi mà lên bậc cao-đẳng-học, mười-chín tuổi mà sẽ lên bậc đại-học, những người có cái duyên-cớ gì, thì cũng không phải cứ câu-nệ ở về trong các hạn tuổi ấy, nhưng cũng phải không có thể chậm-trễ quá được các hạn tuổi ấy đến ba bốn năm; đại-đề là con em trong quốc-dân, ở độ vào cái khoảng hai-mươi-lăm tuổi trở lại, đã phải thành-tài rồi, sắp-sửa đã làm một người có ích-lợi cho xã-hội và nhà-nước vậy.

Chỗ học tức là cái trường đề học-trò ở học đó vậy. Trường nào là trường đại-học, trường nào là trường cao-đẳng-học, trường nào là trường trung-đẳng-học, cho đến trường nào là trường tiểu-học, các trường khác nhau, cách dạy cũng khác nhau, chiếu như bây giờ trường hương trường tổng và trường phủ huyện, đều định cho làm trường tiểu-học hết cả, nhưng cũng lại phải tùy cái chỗ học-trò ở chỗ nào là cận-tiện đó, mà mới lập ra trường đặt ra thầy đề mà dạy, đề cho khỏi được cái nỗi học-trò hoặc xa không có thể đến học được, hoặc

nghèo không có thể trọ học được, thế mới phải. Trường trung-học lập ra ở các tỉnh, đã đành cũng có chỗ phải lập ra ở phủ huyện nào nữa đó, đó cũng là tùy-tiện cho học trò vậy; đến như trường cao-đẳng và trường đại-học, nhưng chỉ lập ra ở chỗ thủ-phủ ba kỳ, như là ở Huế, ở Hà-nội và ở Sài-gòn. Còn như các cách học khác nữa, như là nữ-học, vũ-bị-học và bách-công-học, cũng là các thực-nghiệp-học, các nhà trường ấy, đều phải trù-lập hết cả, nhưng cách dạy nên sẽ bàn riêng. Bây giờ lại cũng bắt chước các nước, có các thứ nhà trường hoặc nhà nước lập ra, hoặc các quan lập ra, hoặc nhà tư-gia lập ra, nhưng cái cách dạy, đều theo cái học-qui nhà-nước định ra hết cả.

Học-khoa tức là các khoa dạy cho học-trò ở trong trường đó vậy, như khoa tu-thân, khoa văn-học, khoa lịch-sử, khoa địa-lý, khoa toán-thuật, khoa cách-trí, khoa hội-họa, khoa xướng-ca, khoa thủ-công, khoa thương-nghiệp, khoa nông-nghiệp, khoa ngoại-quốc-ngữ, ấy là các khoa ấy. Ở bậc tiểu-học phổ-thông cả toàn-quốc-dân, thời ở về các khoa ấy, chỉ là dạy cho có đủ cái trí-thức thiệp-liệp, ở về bậc trung-học là học dự bị lên chuyên-môn ở cao-đẳng-học, thời là dạy theo cái lẽ do thiển nhập thâm, đến như cao-đẳng-học là học chuyên môn, thời thuộc về những người theo học về khoa nào đều là phải dạy cho có đủ cái trí-thức hoàn-toàn về khoa ấy. Lên đến bậc đại-học, thời là tinh rồi mà lại cầu lấy cho thật tinh, thâm rồi mà lại cầu lấy cho thật thâm, nghĩa là đến đấy rồi mà cái việc học của nhà-nước đặt ra, đã là cùng rồi, cái lý học của người ta muốn cầu cho biết, cũng đã là cùng-cực rồi vậy.

Hai là thuộc về các bậc học, những bậc nào thuộc về cách giáo-dục nào. — Bây giờ định ra các bậc học thời có bốn bậc đó, tựu-trung bậc tiểu-học tức là quốc-dân-chi-giáo-dục đích, là gia-đình-chi-giáo-dục đích, lại cũng tức là cưỡng-bách-chi-giáo-dục đích vậy, nghĩa là đã gọi là cách học phổ-thông cả quốc-dân, ấy là dạy cho một cái tư-cách làm quốc dân là phải thế, phàm là con em trong quốc-dân, tất là ai cũng phải có một cái tiểu-học tốt-nghiệp-văn-bằng, mới được đi ra làm việc này việc khác, ai có con em mà không cho đi học, tất là phải phạt tất cả. Bậc trung-đẳng-học là học dự-bị chuyên-môn, bậc cao-đẳng-học là học chuyên-môn, cho đến bậc đại-học là học nghiên-cứu cho đến cùng-cực, đều là nhân-tài-chi-giáo-dục đích, nhưng trung-đẳng-học và cao-đẳng-học, còn là trung-tài-chi-giáo-dục tích, đến bậc đại-học mới là tuấn-tú-toàn-tài-chi-giáo-dục đích vậy.

Ba là thuộc về sách dạy và thầy dạy, bây giờ làm thế nào tổ-chức cho khéo. — Sách dạy tức là những sách giáo-khoa để mà dạy cho con em bây giờ đó vậy. Bây giờ phải có một tòa học-vụ-hội-đồng, những các ông hội-viên, thời là lấy những ông quan tây và quan nam có chân văn-học ấy sung vào đấy, để cho có cái chuyên-trách trù-định việc học.

Lại lập ra một cái tu-thư-cục, chọn những người có cái tài làm sách sung vào đấy, để cho có cái chuyên-trách sửa-soạn sách dạy, tựu-trung những sách phải sửa bây giờ, như sách để dạy chữ nho, và sách chữ nho dạy về tu-thân luân-lý, phải chuyên do những người có cái đặc-sắc giỏi chữ nho, hoặc làm ra sách mới, hoặc là dịch theo sách tàu, đều phải có một thứ sách thật là gọn-ghẽ, thật là đủ ý-vụ là có thể khiến cho con em mau mau chóng chóng bi ết được chữ nho vậy.

Đến như những sách giáo khoa về chữ quốc-ngữ, thời bây giờ nhất-khái theo cả toàn-thể những sách tây dạy ở các trường bây giờ ấy, mà dịch ra tất cả; còn đến như trong khi dịch sách thời lại phải cứ mỗi một ông giáo chữ tây, kèm thêm một ông chữ nho, để cầu cho có phần được rằng những tiếng dịch ra đó, có lẽ được thỏa-hợp đính-chính vậy.

Lại cốt rằng bây giờ việc học của ta, cần phải tổ-chức lấy bậc tiểu-học trước đã, thời bây giờ cũng cần phải sửa lấy những sách tiểu-học-giáo-khoa trước đã vậy.

Bây giờ lại còn có một sự cần-cấp cốt-yếu nhất nữa, là cái vấn-đề tiếng nói; làm thế nào cho được cái tiếng nói của cả toàn-quốc, chung-qui thống-nhất, thời bây giờ chỉ có lẽ rằng ở về trên những chỗ sách dạy, phải có một thứ chữ thống-nhất, thế nghĩa là ư bây giờ gọi là cái Quốc-văn-tự-điển ấy, tất phải có lập được tòa Hàn-lâm mới xong vậy.

Thầy dạy tức là những ông thầy mới đặt ra để dạy về các khoa đó vậy. Bây giờ thuộc về những thầy dạy chữ nho, thời cứ chọn những ông tiến-sĩ phó-bảng, cử-nhân, tú-tài, và những người nhất nhị-trường ấy là được, thuộc về những thầy để dạy chữ quốc-ngữ, thời ở về các ông thầy dạy chữ nho ấy, cũng có nhiều người kiêm cả được, bây giờ không cứ là những ông thầy về bậc nào khoa nào, trừ ra những người đã có cái văn-bằng đỗ về khoa học chữ pháp rồi ấy, ngoài ra lại phải lập ra các trường sư-phạm, để đào-tạo lấy những thầy dạy cho được hoàn-toàn về sau này; ấy lại cũng là cái trách-nhiệm của các ông học-vụ-hội-đồng, thế-tất phải trù-liệu sớm đi mới được vậy.

Bốn là thuộc về chữ Pháp, bây giờ là học giao-thiệp, và học nghiên-cứu văn-minh, thời phải có bao nhiêu bậc giao-thiệp và bao nhiêu bậc học nghiên-cứu văn-minh.

Một là bây giờ chuẩn-định làm sự học quốc-dân giao-thiệp, tựu-trung cũng phải phân ra có thật nhiều bậc người giao-thiệp, thời cũng tất phải phân ra thật nhiều hạng học giao-thiệp, như những người theo về việc nhà nước, trên từ các quan to, cho đến các quan phủ huyện, các quan binh-biền, các hạng thông-ngôn, giáo-học, thừa-phái, lại cho đến dưới nữa là người tổng-lý kỳ-mục, đều phải là những người có biết chữ pháp hết cả, thời bây giờ phải đặt ra các trường dạy, để đào-tạo lấy người; đại để kỳ-trung những các hạng thông-ngôn giáo-học, tất là phải có cái bằng trung-học đỗ về chữ pháp trở lên mới được, còn như những bậc người kia, chỉ có một cái bằng tiểu-học chữ pháp cũng là đã được rồi, nhưng là những người học được bậc cao, thời lương-bổng sẽ lại tùy từng bậc mà gia-hậu thôi vậy.

Một là bây giờ chuẩn-định làm sự học nghiên-cứu văn-minh, tựu-trung các khoa-học cũng nhiều, cứ theo qui-chế học-pháp làm nhất-định, gọi là các trường học chữ pháp, ở trong nước đã phải có đủ các thứ nhà trường cho học-trò học, về sau lại lấy những người tốt-nghiệp về bậc đại-học, phải cho sang lưu-học ở bên Pháp, học thành rồi về nước nhà, đều phải đem những sự đã học được đó mà dịch ra làm sách quốc-ngữ, để truyền-bá các cách văn-minh cho quốc-dân cùng biết.

Nhưng cốt lại là bây giờ ở về sự học chữ pháp, thời phân ra làm hai phái học là thế vậy, nhưng lúc trước tất phải có cái bằng tiểu-học về chữ quốc-ngữ đã, để làm cái cách giáo-dục có cái tư-cách quốc-dân đã, không phải là bắt đầu đi học chữ pháp ngay mà được.

Tóm-lược lại, đây tôi ư cái vấn-đề việc học nước ta bây giờ, cũng là làm một cái lời bàn giải-quyết đó vậy, đại-đề cái ý-kiến của tôi đối với sự học, là tôi cũng chỉ so-sắn về cái sự-lý có hợp với nước ta bây giờ mà bàn ra đó thôi, tôi tưởng giá-phỏng không có thể được cả toàn-số quốc-dân ta cùng biểu-đồng-tình, nhưng chắc có thể được cái số quá nửa người cùng biểu-đồng-tình vậy. Tôi sở-luận cái tinh-thần việc học, là cái sự thiết-thực chính đáng chỉ khuynh-hướng của cả toàn-quốc-dân, ở về người thô thiển hoặc không có tự-nhận lấy được, chớ như ở về phần người hữu-thức, chắc không ai không bảo thật là chính lý vậy. Còn đến như tôi sở-luận cái hình-thức việc học, thời chẳng qua nhân cái tinh-thần ở vào đó, mà lược-cử cái hình-thức phải xếp-đặt như thế, cũng lại là chỉ theo cái văn-minh học-lý, mà không có dám làm ra khác ý chỗ nào sốt cả vậy.

Thế nhưng bây giờ tôi cũng tự nghĩ rằng có lẽ lời bàn của tôi đây là lời bàn bâng-quơ mà thôi: làm sao vậy? Nghĩa là Nhà-nước Bảo-hộ ư cái việc học nước ta bây giờ đã làm ra một cái định-cục rồi vậy.

Thế nhưng tôi lại còn có cái sự mong ở về ý-ngoại ấy, ấy là giá-phỏng Chính-phủ Bảo-hộ ư cái lời bàn tôi đây có khi xem-xét đến, mà có ý nhất-khái thi-hành, thời tôi dám có một lời quyết chắc rằng chỉ trong độ mười năm mà quốc-dân đã kha-khá rồi, lại trong độ hai mươi năm mà quốc-dân ta đã khá lắm nữa rồi, dần-dà cho đến ba-mươi năm, mà đến lúc bấy giờ quốc-dân ta đối với cái ơn-đức Bảo-hộ, có lẽ đáng là núi sông nước Nam còn lúc nào, là quốc-dân ta phải ghi-nhớ lúc ấy vậy. Tôi đang cầu khấn đêm ngày mong được như thế vậy, quốc-dân ta cũng nên cầu khấn đêm ngày mong cho được như thế vậy.

Văn-sơn NGUYỄN KHẮC-BÍNH

II

MẤY LỜI PHÂN-GIẢI LẠI VỀ BÀI « BÀN VỀ VIỆC HỌC Ở NHÀ QUÊ »

Nhân bài dư-luận về việc học của ông cử NGUYỄN KHẮC-BÍNH đăng báo kỳ trước, bản-chí mới tiếp được một bài phân-giải lại của quan Huyện HOÀNG HỮU-ĐÔN xin cứ ý nguyên-văn đăng như sau này. Như lời bản-chí đã nói trên đầu bài ông cử NGUYỄN kỳ trước, quan huyện HOÀNG nguyên định bàn riêng về sự học chữ Pháp, nên trong bài đăng báo số 43 không nói đến quốc-ngữ và chữ hán, chớ bản-tâm ngài không phải là muốn bàn nên bỏ hán-văn và quốc-ngữ đâu. Vậy bài bình-luận của ông cử NGUYỄN nên coi như là một bài công-luận, nhân bài của quan huyện HOÀNG mà làm ra để khuyến-khích quốc-dân nên duy-trì hán-học, chớ không phải là một bài phản-đối riêng về ý-kiến quan huyện HOÀNG. Bản-chí chắc rằng quan HOÀNG HỮU-ĐÔN là người cao-thượng, không có vì những lời bình-luận ấy mà mếch lòng, và cũng chắc rằng ông NGUYỄN KHẮC-BÍNH biết lẽ công-bằng, sẽ sẵn lòng công-nhận những lời phân-giải như sau này. Hai ngài tuy lập-luận mỗi người một khác mà cái chủ-ý cũng là một, cùng là vì sự công-ích cho quốc-dân mà bàn-bạc cả. — Còn cái vấn-đề về sự học ở nước ta thời tưởng bàn đến bao nhiêu cũng chưa hết được, bản-chí vẫn sẵn lòng mở một mục riêng để các bậc cao-minh nghị-luận.

N. - P.

Xem báo *Nam-Phong* số 47 vừa rồi, thấy ông Cử Nguyễn Khắc-Bình bình-luận bài « Bàn về việc học ở nhà-quê » một cách nghiêm-khắc quá, lẽ ra cứ mấy lời giải của quí-báo chủ-bút ở đầu bài bình-luận ấy, cũng đủ làm cho quốc-dân nhận biết rằng cái mục-đích bài của tôi là cốt cổ-động việc sơ-đẳng-học cho chóng hoàn-toàn, để cho con em nước mình khỏi phải lâu ngày mong-đợi, chớ không có ý gì bàn về việc nên lưu lại hay nên bỏ chữ hán cả; bỉ-nhân đã nhiều lần ngần-ngại không muốn trả lời, vì lại thêm ra một mối tranh-biện nhau vô-ích; nhưng mà đọc đi đọc lại bài bình-luận của ông, thấy ông nghiêm-khắc quá, cho đến những câu bỉ-nhân không nói đến, mà cũng cho là lời bỉ-nhân nói, mà bỉ-nhân tưởng là có khi chính tại cái câu bỉ-nhân không nói ấy, mà sinh ra có bài bình-luận quá-khắc này.

Câu không nói ấy là câu thứ tư mà ông cử Nguyễn đã tìm ra được: « Quốc-dân ta bây giờ, kể về học chữ nho, thật là không có sự ích-lợi cả ». Cái câu kết-án ấy, bỉ-nhân cũng đọc đi đọc lại năm bảy lượt như ông, mà trong bài của bỉ-nhân, không thấy chỗ nào là lời của bỉ-nhân nói như thế. Lạ thay! ách giữa đường vô-cớ mà lại phải quàng vào cổ! Hay là ông Cử nóng nảy quá, xem câu ấy trong tờ thông-tư của quan Toàn-quyền ngày 20 tháng 3 năm 1918, mà quí-báo chủ-bút đã dịch ra, và bỉ-nhân cũng có nhắc lại trong bài của bỉ-nhân (số 43), trong tờ tư ấy, đoạn gần cuối cùng, có câu: « Ngày nay chữ Tàu học không có ích-lợi gì nữa ».

Có lẽ là vì câu ấy chăng, vì xem trong bài bình-luận ông Cử, thì câu thứ tư rất là kịch-liệt, nhưng mà bỉ-nhân có can-thiệp gì đến câu nói ấy, là câu trong tờ thông-tư, nghĩ cũng buồn thay!

Câu thứ ba. — Trong câu này, tôi nói rằng việc học bây giờ, thì nên lấy chữ quốc-văn làm gốc; nhưng mà cứ theo thời-thế bây giờ, nếu không học chữ pháp thì khó lòng mà tấn-tới bằng người; tôi tưởng câu ấy cũng đã nhiều người nói như thế, cái ý tôi là cốt nói những người sau này có muốn chuyên về chữ pháp, thì lúc bắt đầu cũng nên học qua chữ pháp một ít, thì sau đỡ công đôi chút, cái đó tưởng cũng không hại gì, chớ tôi có khi nào nói đem chữ pháp làm gốc để dạy phổ-thông cho quốc-dân mình đâu, mà Nguyễn-tiên-sinh cũng phí mất ít thì-giờ mà bình-luận. Vả lại sự học chữ pháp bây giờ cần hay không cần, quốc-dân cũng đã rõ, mà các nước văn-minh trong năm châu, tuy phần nhiều không thuộc quyền nước Pháp mà cũng nhiều người học chữ pháp, nghĩa là học để rộng thêm kiến-văn tư-tưởng để cho hiểu biết nhân-tình thế-sự ngày nay, chớ có phải học để vì kế sinh-nhai, vì tính nô-lệ, thì còn kể làm chi.

Thưa Nguyễn-tiên-sinh, bỉ-nhân vốn cũng là xuất-thân một nhà cựu-học, ba đời khoa-giáp, vẫn tôn hán-học, vẫn lấy chữ trung-quân ái-quốc làm trọng; nhưng nhiều khi nhìn đến 5, 7 tủ sách nho của nhà để lại, tìm đi tìm lại, trông trước trông sau, cũng chỉ thấy toàn sách cựu-học, và mươi lăm quyển tân-thư, muốn hiểu tình-thế thiên-hạ bây giờ, biết tính làm sao!

Có người bảo rằng đã có tân-thư của Tàu; có thật, nhưng được bao nhiêu quyển bán ở nước mình, bỉ-nhân đã nhiều lần dụng-tâm tìm khắp các phố để mua một ít mà xem, nhưng xin thú thật khó lòng mà tìm được nhiều sách, hoặc là không may cho bỉ-nhân gặp lúc Trung-hoa-dân-quốc chưa gửi sang chăng? — Đến lúc phải đi hỏi thăm hỏi dò, mới biết rằng

muốn mua nhiều sách thì phải hỏi đến « Thương-vụ Ấn-thư-quán » ở Thượng-hải mới có ; mà quả vậy, cứ xem quyển thư-mục của nhà bán sách ấy, thì ở bên ta nghìn phần chưa có một. Nếu mà sách tân-thư tàu ở đây cũng có đủ như thế, người bản-quốc ta trước-tác tân-thư chữ nho cũng nhiều như thế, thì bỉ-nhân xin hết sức hô-hào cùng quốc-dân mình nên cố công học-hành, dù thập-niên đăng-hoả, cũng cam tâm. Nhưng than ôi ! muốn học mà không đủ sách, học mà phải mua sách tìm sách tần-phiền như thế, thì tưởng cũng khó lòng cho con em Việt-Nam mình biết bao !

Ta hồi-tưởng lại các thư-viện các nước, và cái đại-thư-viện ở Hà-nội (1), sách tân-thư kể đến hàng vạn, hàng triệu, mà thẹn thay cho mình, tìm được năm ba mươi bộ tân-thư tàu, vài ba-mươi quyển quốc-văn mình còn khó như thế mà đáng lo buồn xiết bao !

Xin các bậc văn-sĩ, các nhà tư-bản nghĩ đến cái vấn-đề này cho. Hoặc nên mở một hiệu bán nguyên sách tân-thư tàu và các ngài cũng nên lưu-tâm mà trước-tác tân-thư ta cho nhiều, để cho những người hiếu-học đủ xem. Bỉ-nhân mong rằng Nguyễn - tiên - sinh bớt cái thì - giờ bình-luận mà trước-tác tân-thư thì hay hơn.

Cũng vì nhiều nỗi khó - khăn cho sự học chữ nho bây giờ như thế, nên bỉ-nhân mới có cái ý-kiến nên học thêm pháp-văn cho rộng hơn ; đã đành pháp-văn và hán-văn cũng đều là chữ ngoại-quốc cả, vậy thì chữ nào hay thì cũng nên học cả, ta dẫu có học cả chữ nho, chữ pháp cũng không hại gì, cốt lấy chữ quốc-văn ta làm gốc là đủ.

Ai đã đọc qua lịch-sử nước Ba lan, cũng phải ngậm-ngùi, và một điều đáng nhận biết rằng nước Ba-lan (Pologne) đã gần 200 năm nay, từ năm 1772, 1793, 1794, ba lần qua-phân, bao phen lưu-huyết, chung-cục phải Đức, Nga và Hung-gia-lợi thôn-tính, mất cả quốc-hiệu, nhiều người Ba-lan phải đến nỗi lưu-tán ra nước ngoài, thế mà quốc-văn nước Ba-lan còn, thì ngày nay nước Ba-lan cũng hưng-phục lại được. Vả lại người Ba-lan phần nhiều sùng-mộ pháp-văn, mà cũng nhờ cái nghĩa giao-thông bằng văn-tự và tư-tưởng ấy, nên bây giờ Đại-Pháp cũng hết lòng mà bênh-vực cho nước Ba-lan được quang-phục. Ôi ! quốc-văn một nước quan-hệ với vận-mệnh hưng vong như thế, thì việc học quốc-văn mình phải làm gốc là cố-nhiên rồi, nhưng mà học chữ pháp tưởng cũng chẳng hại gì cho người Việt-Nam mình.

Mà ngày nay những người không có hạnh-phúc mà mua được tân-thư tàu như Nguyễn-tiên-sinh, và các ngài đã mua được, thì cũng nhờ có sách Pháp mà biết được lịch-sử năm châu, hiểu được tư-tưởng, học-thuật, nhân-tình, thế-sự trong thiên-hạ.

Học pháp-văn như thế, tưởng cũng không phải là vô-ích.

Còn như sự ích-lợi về hán-học, bỉ-nhân đã từng nhận biết mà tôn kính xưa nay, không khi nào có lời nghị-luận đến, mà cũng không khi nào nói đến việc bỏ hán-học ; cứ ý bỉ-nhân, thì dẫu muôn đời cũng không nên bỏ, miễn là không hại cho sự học-vấn của mình thì thôi. — Chữ hán cũng như

(1) Cái đại-thư-viện đã lập tại Hanoi vài năm nay, chính chỗ nha Kinh-lược cũ, ở phố Trường-thi (Rue Borgnis Desbordes), thư-viện này có hơn mấy vạn sách, và nhật-báo tạp-chí cũng nhiều, người mình và người Pháp đều được tự-do ngày ngày đến xem đọc. Quốc-dân cũng nên đến xem, cho biết sự học-vấn của Pháp cũng như rừng nho bể thánh, vô-cùng vô-tận, kể sao cho xiết, chớ xin đừng nghĩ làm rằng chỉ học mấy câu đầu lưỡi, mấy chữ để dịch, đã đủ đâu. (H.H.P.)

chữ La-tinh ở Pháp, có khi nào bỏ được.

Nguyễn-tiên-sinh nói rằng độ mấy trăm năm nữa mới nên nói câu bỏ hán-tự, thì cũng hơi sớm quá!

Vả lại xưa nay bản-tâm bỉ-nhân vẫn một lòng kính mến những người nho-học, mà nhất là những người danh-nho cao-sĩ ; xin xem qua mấy câu của bỉ-nhân viếng ông Phan Bưu-Văn vừa rồi, cùng đăng vào số báo *Nam-Phong* số 47 nay, thì rõ bản-tâm bỉ-nhân đối cùng nho-học thế nào.

Tự-nhiên mà Nguyễn-tiên-sinh vội-vàng đem một câu bỉ-nhân không bao giờ nói đến, mà bình-luận quá-khắc trên tờ báo, khiến cho bỉ-nhân phải ngậm-ngùi biết bao !

Câu thứ năm. — Trong câu này Nguyễn-tiên-sinh cũng thêm một chữ cho khác hẳn ý-kiến của tôi, và lại làm cho nặng thêm. Trong bài trước, tôi có nói : « ai có con phải *nên cho đi học sớm*, » chớ không nói như lời Nguyễn-tiên-sinh: « ai có con phải cho đi học chữ tây sớm. » Nghĩ cũng lạ thay! Vậy thì Nguyễn-tiên-sinh cố thêm những chữ tôi không nói đến, để mà bình-luận cho đỡ buồn hay sao ?

Nguyễn-tiên-sinh lại buộc đến chữ « công-danh », bỉ-nhân có nói : « ai có con nên cho đi học từ 7 tuổi, kẻo sau lỡ bước công-danh ». Cũng vì bỉ-nhân thấy đồng-bào mình phần nhiều hay để trẻ con ăn chơi lêu-lổng đến 9, 10 tuổi mới cho đi học, nên mới nhắc lại câu ấy, và chữ công-danh của bỉ-nhân nói đó, cái ý cũng như chữ công-danh mà Nguyễn-tiên-sinh đã giải nghĩa.

Chữ công-danh này tức là lập công-danh sự-nghiệp cùng đời, tức là để kinh-bang tế-thế, phù vua giúp nước, pháp-văn gọi là *gloire*, chớ không phải nói về đường sinh-nhai, về đường hoạn-lộ, để chung-thân chỉ khu-khu giữ chút thân-danh ; Nguyễn-tiên-sinh lại nói rằng có lẽ ý tôi bảo lỡ bước công-danh, nghĩa là không mong gì vào đường làm quan nữa.! . .

Thưa Nguyễn-tiên-sinh, câu ấy ngài hiểu lầm, xin xem qua bài « Một cái khuynh-hướng sai nên giải » của bỉ-nhân đã đăng vào báo *Thực-nghiệp* số thứ 4 lúc báo mới xuất-bản, thì cái bản-tâm của bỉ-nhân đối cùng hoạn-trường thế nào đủ biết.

Xưa nay bỉ-nhân vẫn lấy tinh-thần-chủ-nghĩa làm trọng, vẫn xem vật-chất-chủ-nghĩa làm thường, bỉ-nhân đã nhiều phen than-thở về chữ phú-quí vinh-hoa đã lừa biết bao khách công-khanh xa-mã. Nguyễn-tiên-sinh lại nói rằng : « Dù sớm dù muộn, lúc nào chẳng lập được công-danh. » Phải lắm. — Nhưng bỉ-nhân xin hỏi, đời nào cũng thế, có học mới dễ đường công-danh sự-nghiệp, nếu mà lúc trẻ chậm bước, đến khi quá tuổi, vào trường nào cũng bị xô đuổi, thì biết học vào đâu ? Mà đã vô-học, thì cũng khó lòng lập được công-danh cùng đời.

Hay là lấy truyện bà Trinh-Đức (Jeanne d'Arc) và hai bà Trưng nước ta mà so-sánh, nói rằng làm thân nhi-nữ, mình tuy vô-học, cũng còn biết lấy thân tuẫn nước, cứu nạn cho dân, mà lập được công-danh sự-nghiệp cùng đời, danh-tiếng vẻ-vang cho đến muôn đời cũng còn bia đá tượng đồng. Nhưng mà ta thử hỏi, trong thế-giới chẳng được bao nhiêu người vô-học mà làm nên như thế ?

Câu thứ sáu. — Nguyễn-tiên-sinh lại nói đến chữ « văn-minh », và cách cư-xử cùng người Pháp. — Tiên-sinh trách tôi sao đã nói đến chữ văn-minh quí-báu, mà lại không nói đến cái văn-minh quí-báu ấy nó thế nào, tiên-sinh cho là một cái khuyết-điểm về sự lập-ngôn. Xin tiên-sinh hãy xem lại

cái bài của tôi trước, là mục-đích nói về việc gì, cái vấn-đề tôi định cùng quốc-dân giải-quyết là cái vấn-đề việc học; nếu lại cứ giải nghĩa từng chữ thì hóa ra tôi lại nghị-luận ngoài vấn-đề của tôi hay sao? Rồi e lại có người khác bình-luận nữa. — Vả lại hai chữ văn-minh, Chủ-bút báo *Nam-Phong* cũng đã có một bài đại-luận trong số 42 rồi, và tôi nhớ lại có đọc một bộ « Văn-minh-sử » của ông DRIAULT và ông MONOD và một bộ sách tàu nhan đề « Thái-tây dân-tộc văn-minh sử », hai bộ sách ấy giải nghĩa hai chữ văn-minh, ước cùng đem đăng báo tưởng đến 10 số báo *Nam-Phong* bỏ cả những bài khác, chỉ đăng nguyên chữ văn-minh cũng chưa đủ, mà chắc Chủ-bút cũng hơi phiền lòng, vì cứ đọc văn-minh hoài trên báo.

Vậy thì bỉ-nhân tưởng Nguyễn-tiên-sinh giải nghĩa hai chữ văn-minh vừa rồi, cũng còn hơi thiếu.

Còn Nguyễn-tiên-sinh bảo rằng cái câu tôi nói : « Ta phải học chữ pháp để cho hiểu tính-tình người Pháp mà ăn ở cùng nhau », Nguyễn tiên-sinh nói rằng : « nếu mà câu ấy lọt vào tai đám học của mình thì thành ra mình dạy cho con em mình chỉ có con mắt trông về đường phục-tùng, chỉ có con mắt trông về đường nô-lệ, không còn có con mắt trông về đường tự-lập là thế nào nữa. »

Ôi ! câu nói ấy, tưởng đâu đến nỗi quan-hệ đến thế, mà Tiên-sinh dạy quá lời ! Câu của tôi đã nói, tưởng xưa nay nhiều người tai mắt cũng đã nói thế !

« Học chữ pháp để cho hiểu tính-tình người Pháp để mà ăn ở cùng nhau », câu ấy tưởng có thần-lực gì quái-lạ, làm cho con em Việt-Nam mình chỉ có con mắt trông về đường phục-tùng, nô-lệ, và không trông về đường tự-lập !

Thưa Tiên-sinh : trước câu ấy 50 năm nay, cho đến ngày nay, mà có lẽ cho đến ngày sau, cái tâm-lý của người mình thế nào, xin tiên-sinh xét lại cho kỹ mà xem.

Tiên-sinh bình-luận quá nghiêm-khắc, làm cho tôi mấy hôm nay phải ngậm-ngùi suy-nghĩ không nguôi lòng, nghĩ bao nhiêu lại thương thầm bấy nhiêu !

Than ôi ! Nước mình phải nội-thuộc Tàu hai lần, cái tâm-tính phục-tùng nô-lệ, tưởng đã mọt gần đến xương, có phải vì câu tôi nói vừa rồi mà đến thế đâu !

Cái tâm-tính ấy sau này còn hay hết, cũng do sự học-vấn thấp hay cao của quốc-dân mình đó mà thôi.

Vả lại tôi nói : hiểu tính-tình để ăn-ở cùng nhau, nghĩa là có hiểu biết nhau mới quan-sát được những việc hành-động của nhau, mới biết tâm-lý người quí-quốc đối cùng người mình làm sao, để mà xem mình có điều nào hèn-hạ nhục-nhẫn thì nên bỏ đi, điều nào chính-đáng thì nên giữ lại, để mà cư-xử cùng nhau cho xứng cái nhân-phẩm người đối cùng người. Chớ nào phải hiểu biết tính-tình nhau, để mà cầu cái điều thỏa-hợp một khi một thì, để mà khuất-tùng xu-phụ, để mà rẻ mình như lươn như run, tôn người như trời như bể, nếu thế, há chẳng thẹn mặt cho con tiên cháu rồng lắm ru ? Nếu vậy, há chẳng nhục cho một nước vẫn tự-nhận là nước văn-hiến lắm ru ?

Thưa Tiên-sinh, cái gương thế-sự còn đó, đã mờ đi đâu ! — Trước câu nói của tôi, cho đến bây giờ, cho đến đời sau, tưởng cũng còn có người không cần hiểu biết tính-tình nhau, mà cũng vào luồn ra cúi, lấy nhục làm vinh, nhan-nhản biết bao nhiêu người, đã làm cho thẹn mặt non sông của Việt-Nam tổ-quốc lắm rồi ! — Lọ

là phải đợi đến bao giờ mới trông thấy ! Mà nói bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu !

Còn Tiên-sinh nói rằng chỉ tôn đạo-đức, trọng pháp-luật, là đủ làm cho nhau tương-thân tương-ái ; — theo lý-học thì rất phải lắm ; nhưng mà lúc thực-hành thì tưởng cũng hơi khó. — Nếu đã không hiểu tình-tình nhau thì bình-nhật tất không thể tương-thân cùng nhau được, thì cũng khó lòng mà tỏ lộ cái đạo-đức pháp-luật của mình ra được, mà dù có biểu-lộ ra được, cũng chẳng qua trên tờ giấy trắng mực đen đó mà thôi.

Vậy thì cái câu của tôi nói, tưởng cũng chẳng hại gì cho tâm-tình người mình cả, hoặc là vì tôi chưa kịp giải nghĩa rõ, nên Nguyễn-tiên-sinh mới vội trách đó thôi.

Còn như câu thứ nhất, thứ nhì, tôi xin cảm - tạ tiên-sinh cũng một lòng vì quốc-dân, vì tổ-quốc, mà cũng cổ-động để giải-quyết cái vấn-đề phổ-thông giáo-dục cho xong, để cho con em nước mình được yên lòng đèn sách ; cái vấn-đề này, tưởng những người thức-giả trong nước, nên tận-tâm mà giải-quyết cho hoàn-toàn.

Thưa Tiên-sinh, bản-tâm tôi xưa nay là không muốn bình-luận riêng đến ai bao giờ, chỉ cốt đem chút nhiệt-tâm mà bày-tỏ những vấn-đề quan-trọng trong nước, để cùng dư-luận mà phân-giải, ai có ý-kiến người ấy, nếu không hợp nhau, thì lại bày giải ý-kiến mình ra, nhưng mà tưởng chẳng nên bình-luận nhau làm gì, nếu tiên-sinh nhân cái bài của tôi, mà bàn riêng một bài cũng về vấn-đề ấy, mà không chỉ-trích từng câu của tôi thì hay hơn, không ngờ tiên-sinh vội-vàng bình-phẩm kịch-liệt quá, thậm-chí tiên-sinh nóng-nẩy quá, đến nỗi đem những câu của tôi không nói đến mà nghiêm-trách, thì thật là quá-khắc lắm vậy.

Tôi vẫn thường nhớ những câu sách dạy rằng : « Đương khi những vấn-đề quan trọng trong nước chưa giải-quyết xong, thì bao nhiêu người trong nước không nên mất thì-giờ mà bình-phẩm nhau vô-ích, nghĩa là phải coi cái vận-mệnh một nước làm trọng hơn hết. »

Sau này bỉ-nhân lại xin cám ơn Nguyễn-tiên-sinh đã lấy cái nghĩa đồng-bào mà bình - luận, nếu bằng không có câu « đồng-bào chi nghị » thì không biết Tiên-sinh bình-luận đến thế nào nữa !

Nói tóm lại, thì cái bài trước của tôi là bàn về một cái vấn-đề chung về sự học, không nói riêng gì đến vấn-đề sư-phạm, phải nên dạy hán-văn hay là pháp-văn, phương-pháp dạy thì phải thế nào; về môn sư-phạm, thì tưởng đã có các ngài sẽ bàn đến, cho nên bỉ-nhân chỉ nói phải lấy quốc-văn làm gốc, và bàn qua mấy câu về pháp-văn mà thôi, bản-tâm của bỉ-nhân là muốn các bậc tri-thức trong nước nên cùng nhau giải-quyết cái vấn-đề phổ-thông giáo-dục cho xong mà thôi ; vậy mà Nguyễn-tiên-sinh bình-luận quá lời, trích ra từng câu, từng chữ, thật đáng buồn thay !

Nhưng mà bỉ-nhân cũng không dám trách tiên-sinh, mà chỉ xin thưa lại rằng tiên-sinh bình-luận một cách quá nghiêm-khắc lắm vậy.

Bỉ-nhân lại mong rằng tiên-sinh nên để thì-giờ mà giải-quyết những vấn-đề quan-trọng trong nước còn đương phân-vân, hoặc là trước-tác thêm tân-thư cho con em đủ học, thì hơn là đem thì-giờ mà bình-luận quá nghiêm-khắc, làm cho kẻ bị bình-luận phải ngậm-ngùi vô-ích, và lại mong rằng trong bài này, còn có câu gì sơ-xuất, xin tiên-sinh cũng lượng cho, — thế mới xứng cái nghĩa « đồng - bào » của tiên - sinh đã bày tỏ ra đấy vậy.

HOÀNG HỮU-ĐÔN

Tri-huyện Yên-phong

BÀI KÝ CHƠI CHÙA THẦY

Người ta sinh-trưởng trong một nước mà không biết giang-sơn, thắng-cảnh, danh-lam của nước mình thời sao có sinh ra lòng mến nước. Không những thế mà thôi, đã làm trai thời phải tang-bồng hồ-thỉ, đi cho biết đó biết đây; phải nên tới những chỗ thâm-sơn cùng-cốc, nhiên-hậu kiến-văn mới rộng; phải có lưu-lạc giang-hồ, mới trải mùi nhân-tình thế-thái.

Vậy bấy lâu nay chúng tôi vẫn nghe nói núi Sài-sơn là nơi thắng-cảnh nước nhà, nhân buổi nhàn-du, năm Tân-dậu mùa xuân tháng ba, cùng với người bạn đồng-sự cùng đi ngoạn-cảnh. Hôm đi khi trời ôn-hòa ấm-áp, mây quang trời tạnh, trăm thức hoa đua nở, dục lòng người hớn-hở du-xuân. Đi ô-tô tự nhà, xa chạy vùn-vụt hơn một tiếng đồng-hồ đã đến chân núi.

Núi Sài-sơn thuộc tỉnh Sơn-tây về vùng phủ Quốc-oai. Ôi! sao cổ-nhân đã có câu: « Có sơn thời phải có thủy », mà đây đương đồng-bằng mà lại nẩy ra mấy ngọn núi? Tuy không có thủy mà cảnh cũng hữu-tình. Dưới chân núi có một giẫy lâu-đài cổ nguy-nga là đền thờ đức vua Lý Thần-tôn; Khi vào đến đền thời thấy gian giữa thờ khi đức vua đi tu; gian bên tả thờ tượng ngài y như lúc ngài còn triều-ngự; dưới có hai ông phỗng đứng chầu, ngoài có hai con hạc to và đẹp. Gian bên hữu thờ bài-vị khi ngài hiển-thánh. Cứ như lời kỳ-lão trong làng nói thời trong khám có hài-cốt đức vua luyện lại đắp thành tượng, chỉ khi nào có hội-hè, thời đàn-anh trong làng phải tray-giới tinh-khiết, rước tượng ra để mộc-dục. Lại xem như đồ thờ, nào lọ cổ, nào bình hương, nào đồ gỗ, thời đủ biết khí-vật của ông cha mình khi trước cực-kỳ là tinh-xảo tráng-lệ và văn-chất lắm. Tục truyền rằng: vua Lý Thần-tôn kiếp trước là ông Từ Đạo-Hạnh. Ông Từ Đạo-Hạnh tên húy là Từ-Lộ, người làng An-lãng huyện Vĩnh-thuận, tức là làng Láng (Hoàn-long). Tu ở chùa Thầy, cha là Từ-Vinh làm quan triều nhà Lý, dùng tà-thuật phản ông Diên-Thành-Hầu; ông Diên-Thành-Hầu nhờ phù-thủy là ông Đại-Điên dùng phép đánh chết. Ông Từ Đạo-Hạnh tức giận lắm muốn báo thù, nhưng ngặt vì pháp-thuật của mình chưa được tinh-thông. Sau đêm ngày cố chí tu-luyện, báo thù được Đại-Điên.

Nhân bấy giờ vua Lý Nhân-Tôn chưa có con, cầu-tự mãi để giáng-sinh hoàng-tử nối nghiệp, mà vẫn không được. Sau có người tâu rằng: « Ở ngoài bể có đứa trẻ con lên ba, tự xưng là Hoàng-tử, tên gọi là Giác-Hoàng. Nhà vua có sự gì, y đều biết cả. » Vua sai mang về muốn nuôi làm con. Nhưng Đình-thần tâu: « Phải cho y thác-sinh vào nơi cung-cấm mới được. » Từ Đạo-Hạnh nghe thấy thế mới bảo người nhà rằng: « Đây là Đại-Điên muốn đầu-sinh vào nơi nhà vua để báo thù đây. » Ông Từ Đạo-Hạnh bèn làm phép không cho Đại-Điên đầu-thai được. Tin ấy đến tai nhà vua biết là Từ Đạo-Hạnh làm phép để ngăn-ngừa việc đầu-thai. Vua giận lắm, bắt Từ Đạo-Hạnh hành-tội. May mà nhờ được ông Sùng-hiền-Hầu cứu. Rồi sau ông Từ Đạo-Hạnh đầu-thai vào bà Sùng-hiền-Hầu để báo ơn. Khi phu-nhân sinh được đứa bé con, đặt tên là Dương-Hoán. Dương-Hoán mặt mũi khôi-ngô, dĩnh-ngộ lắm. Khi lên hai tuổi thông-minh lạ nhường, vua yêu mến cho nuôi ở trong cung làm con, rồi lập lên làm Hoàng-thái-tử. Khi lên ngôi tức là vua Lý Thần-Tôn; đó là kiếp trước ông Từ Đạo-Hạnh. Bởi vậy trong đền có câu đối thờ rằng:

爲仙爲佛爲國王生化三身留異蹟.
有洞有湖有天市江山一帶表奇觀.

Khi cung-chiêm đền xong rồi chúng tôi lại sang chùa. Chùa này gọi là chùa Hương-hải, chùa trông cổ lắm. Chùa xây tự đời nhà Lý, đến nay đã ngót nghìn năm. Trong chùa thờ cũng như các chùa khác, duy chỉ có những chuông, trống và khánh là khác các nơi. Chuông cao bằng đầu người, rộng hơn một thước mặt, đúc tự năm ất-tị, tiếng kêu to lắm; trống thì to lạ nhường, bình-sinh tôi chưa trông thấy bao giờ, không biết làm từ đời nào, không còn dấu-tích gì cả, chỉ còn có tang không; người chui vào giữa đứng ngẩng lên vừa chấm đầu. Lại khánh cũng to, cân nặng bảy trăm cân, tiếng đánh kêu vang khắp vùng. Lúc trở ra trông phong-cảnh dưới chân núi cũng lấy làm ngoạn-mục; trước cửa đền có hồ bán-nguyệt; giữa hồ có nhà múa rối, hai bên tả hữu có hai lớp cầu. Cây-cối thực là cổ-thụ. Đứng đàng trước mà trông lại thực là một bức tranh sơn-thủy lâu-đài tuyệt-bút.

Xem xong chúng tôi dủ nhau đăng-sơn. Đường lên một bước một cao, khác nào như thể lúc vào Thiên-thai. Đường lên chùa Thầy khó hơn đường vào động Hương-tích. Phải trèo, phải vịn cẩn-thận mới lên được. Lối đi khấp-khểnh quanh-co, gian-nan trắc-trở; cây-cối um-thùm, cỏ hoa tươi-tốt, khiến lòng người cao-hứng mải vui quên cả nhọc. Trèo lên hơn một khắc đồng-hồ, nhác trông lên vách đá đã có bia đề:

紹治貳年貳月拾捌日奉御筆
予告休養之禮部尚書潘輝湜。扶
鳩來覲。念其疇昔之臣。賞賜銀
錢。詩以系之。
北郡詞場歷宦編。天衢幸際琢
觚圓。乘槎不辱文章著。歸杖難
振疾病纏。楓殿芳留榕俎事。柴
巖閒契鶴龜年。三朝疇昔常追念。
看著家兒日勉旃。

Lên trên tì nữa đã co nhà quán khách; chỗ này có tòa nhà gạch làm theo lối mới, để chỗ nghỉ chân; trong nhà nào tao-ông, dật-sĩ, mặc-khách, thi-nhân, đề-vịnh không biết bao nhiêu mà kể. Ký-giả không sao ký-ức được tường-tận, duy chỉ có bài này còn nhớ phảng-phất, vậy chép ra đây để chư-quân nhãn-lãm:

Tượng phục, lân quê, phượng cũng đi,
Sài-sơn phong-cảnh vẫn thanh-kỳ.
Hóa-sinh truyện cũ còn ghi đó,
Xây đắp công-phu dám kể chi.
Lơ-lửng chợ trời mây trắng xóa,
Tờ-mờ hang thánh đá xanh rì.
Non kia sao mãi không già nhỉ,
Trải tự Hồng-Mông biết mấy thì.

Đứng chỗ nhà quán-khách, thời gió mát lạ-lùng, không có chút bụi; cảnh-trí thực hữu-tình, vậy cũng bắt-chước cổ-nhân ngâm một câu:

Lâng-lâng chẳng chút bụi trần,
Đường lên chẳng biết rằng gần hay xa.
Xinh thay hỡi thú yên-hà,
Đào-nguyên có phải nay đà ở đây?

Từ nhà quán-khách đến động Thánh-hóa, thời đi độ năm phút đồng-hồ; nhác trông vào cửa động đẹp vô-cùng, không có lời nào tả cho hết cảnh xinh, không bút nào vẽ cho hết vẻ đẹp; duy chỉ có bộ máy ảnh thời mới chụp được hết tinh-thần của tạo-hóa. Trong động có suối nước trong, có rồng phun nước. Động cũng giống như chùa Giải-oan động Hương-tích. Nhưng lối lên động thời khó lên lắm. Chỉ có một cái thang nhỏ bắc lên, lên đến nơi phải bò rạp xát mình xuống đá mới vào được; vô-ý trượt chân ngã thời có sự nguy. Vào tới động phải soi đuốc hoặc nến mới trông rõ. Trong động hẹp lắm, đứng chỉ độ được vài ba người, bề cao vừa chấm đầu. Đá thạch-nhũ lấp-la lấp-lánh như kim-cương, như bức thảm gấm rác hạt chai

cheo trên tường. Trong động có pho tượng đồng, dưới có vết chân, có ống chân, có vết trán. Tục truyền rằng động này là chỗ ông Tử Đạo-Hạnh lột xác trần.

Lúc trở ra, người dã nhọc, vào nhà hậu may gặp được một vị cao-tăng người tuy còn ít tuổi, pháp-đạo đã cao-thâm, người có vẻ thanh-kỳ, từ-bi cốt-cách, câu truyện thanh-đàm, hòa-nhã; pha chà đãi chúng tôi để giải-khát. Ngồi nghỉ chân được ít lâu, nhà chùa cho mấy chú tiểu đi hướng-đạo đưa lên « Chợ Trời ».

Núi càng cao, gió càng mát, cảnh lại càng xinh, trông ra tứ-phía ruộng nương bát-ngát mông-mênh, cửa nhà san-sát như hai hàng bát úp. Trông xa thì thấy mấy ngọn núi, nào núi Kỳ-lân, núi Voi-phục, nào núi Phượng-hoàng, nào chùa Vọng-cách. Núi biếc, non xanh, cây cối rườm-rà, cỏ non mơn-mởn, mây che khói tỏa quanh sườn, sương móc buổi sáng chưa tan, ánh mặt trời chiếu vào trông đủ mầu ngũ-sắc, đẹp như bức gấm Tứ-xuyên. Trên cành cây chim kêu riu-rít, vượn hót véo-von. Trông phong-cảnh chỗ này chẳng khác gì như Bồng-lai Tiên-đảo. Vẻ trời sắc nước, bóng liễu phất-phơ; cành lê trắng điểm. Cây hải-đường mơn-mởn cành tơ; đóa thược-dược đỏ tươi nhưng-nhức. Khiến lòng khách hữu-tình ngao-ngán, thêm động lòng thơ:

Núi kia ai đúc nên bầu,
Hoa kia ai khéo nhuộm mầu tốt tươi.
Bước chân đến chốn chợ Trời,
Chợ Trời chỉ họp vài người khách du.
Chợ Trời có bán xin mua,
Hết bao nhiêu của cũng mua chợ Trời.
Thử lên mạc-cả vài lời,
Bán mua đổi trác rặt người khách tiên.
Tới nơi hết sạch lòng phiền,
Mong rằng ta sẽ gặp tiên đó mà.
Trải bao thỏ lặn ác tà,
Mà xem phong-cảnh nay đà khác xưa!

Lên đến chợ Trời, lại rẽ sang hang Thần-tôn tục gọi là hang Cắc-cớ, đường đi lần sườn núi, đá mọc lô-nhô, khó đi bằng mấy đường lên chợ Trời, đi giò từng bước, phải vịn cây, rẽ lối lấy mà đi, kể đường thì không xa, thế mà đi mất hơn nửa giờ mới đến, vì đường đi khó lắm. Đến nơi trông thấy hang sâu quá, ai đều giợn gáy; dẫu có can-đởm đến đâu cũng phải rùng mình, hang sâu thăm-thẳm không biết đâu là đáy, tối mò-mò; không có ai dám đứng trước cửa hang, nhỡ sa chân thời khó mà lên được, trông thấy hang này lại nhớ đến mấy câu của cụ Chu-Thần vịnh hang Hương-tích:

Thăm-thẳm một hang lồng bóng nguyệt,
Gập-ghềnh mấy lối uốn thang mây.
Chừng giang-sơn còn đợi ai đây,
Hay tạo-hóa đã ra tay xếp đặt....

Xem xong hang Cắc-cớ lại trở về hang Gió, hang này có nhiều gió và mát lắm, lại có nhiều giơi qui, khi xưa gọi là «giơi ngự cống». Nhà chùa có kể cho nghe rằng giá ở dưới đồng-bằng ta trời nóng-nực đến đâu, thời chỗ hang này vẫn mát lạnh. Chúng tôi đến đấy ngồi nghỉ hóng mát, trong trí nghĩ vơ nghĩ vẩn, ra cổ-nhân hay tới những nơi rừng rậm, núi xanh, hang sâu, nước biếc, để di-dưỡng tính-tình, có người mải vui mến cảnh quên không muốn về nhà. Bởi vậy sách có câu: 空山寂寞道心生; lại có câu: 仁者樂山知者樂水.

Ôi! sao người đời nay có lắm người chỉ mải vui vào cuộc chơi-bời vô-ích, đến nỗi mất cơ mất nghiệp, tổn tinh-thần, hại sực khoẻ, mất danh mất giá, không được hưởng cái thú thiên-nhiên của tạo-hóa. Khi ký-giả đương nghĩ

vơ-vẩn chợt nghe chuông chùa đã đánh, ngửng đầu lên, mặt trời đã xế, chiêng đà thu-không, dở đồng hồ ra xem đã gần bốn giờ chiều, vội-vàng thu-xếp hành-lý ra về. Lúc về đến nhà ăn cơm xong nằm nghỉ, trong trí vẫn còn bâng-khuâng nhớ cảnh nhớ chùa.

LÊ ĐÌNH-THẮNG
Thơ-ký ở phủ Thống-sứ Bắc-kỳ

VĂN - UYỂN

HÁT SẨM CÔ - ĐÀO

I

Anh như tấm vóc đại-hồng, em như kim chỉ thêu rồng nên chăng? Nhất chờ, nhì đợi, tam mong, tứ tưởng, ngũ nhớ, lục thất bát mong, cửu thập tìm; em thương ai con mắt lim-rim, chân đi thất -thểu như chim tha mồi. Tối hôm qua nguyệt đổi sao dời, tiếc công gắn-bó tiếc lời giao-đoan. Lời thề xưa đã lỗi muôn vàn, mảnh gương còn đó phiếm đàn còn đây. Trót vì đàn đã bén dây, chẳng trăm năm cũng một ngày duyên ta! Chén son nguyện với trăng già, càn-khôn đưa lại một nhà vui chung. Đường xa-xôi xin chớ ngại-ngùng, xa lời xa tiếng nhưng lòng chẳng xa; nguyện với trăng già!

II

Thiếp nay thi-lễ con nhà, thấy chàng mĩ-mạo nết-na dịu-dàng, cho nên lòng muốn đa-mang, biết rằng quân - tử có màng hay không? Ngẫm duyên kỳ-ngộ tương-phùng, lứa đôi ai lại đẹp bằng Tương-như, cầu-hoàng một khúc lẳng-lơ, Trác Văn-Quân phải ngẩn-ngơ lòng sầu. Vì đâu nên lấy được nhau, nếu không duyên nợ có đâu thế này. Đôi ta nay gặp nhau đây, ba -sinh âu hẳn nợ này chẳng không. Xin chàng hãy quyết đành lòng, nâng khăn sửa túi má hồng tựa-nương; họa may than lộn với vàng!

III

Trách thân vả lại giận trời, trách chàng quân-tử ở ra người thờ - ơ! Phòng không để thiếp đợi chờ, năm canh vò-võ những là thở than. Nào khi họp mặt chén vàng, non nguyền biển hẹn tưởng anh chàng chẳng quên. Ai ngờ ra dạ bạc đen, say bên nhan - sắc bỏ bên ngãi-tình. Để cho em vò-võ một mình, tương-tư khắc-khoải bệnh thất-tình đầy vơi; trách thân nên lại giận trời!

IV

Ai ôi! nghĩ lại kẻo già, đừng tham-lam lắm nữa mà mệt thân; đời người sống được bao lâm, sớm lo tối nghĩ mình tầm xác ve. Sao bằng phong-nhã đủ bề, thị-thành cũng lịch giang-khê cũng mầu. Trí tài ai kém ai đâu, mảng vui non nước một mầu xanh -xanh. Ra chi của-cải thế -tình, mà đua khôn -khéo mà tranh sang-giầu. Đào-Tiềm Lã-Vọng tích đâu, thanh-nhàn sánh với công-hầu ai hơn; vui thay nước trí non nhân!

V

Đêm hôm qua vắng-vặc trăng rằm, thấy anh qua cửa em nằm không yên. Mê anh chẳng phải mê tiền, thấy anh lịch-sự có duyên dịu-dàng. Trông thấy anh, em những mơ-màng, ước gì đây đấy phượng-hoàng kết đôi. Thấy anh chưa kịp ngỏ lời, ai ngờ anh đã vội dời gót loan. Làm cho em mơ-mẩn canh tàn, chiêm-bao trông thấy được anh chàng cạnh bên; có chăng duyên ngộ ngẫu-nhiên!

VI

Trách duyên vả giận trăng già, xe tơ lầm lỗi hóa ra chỉ mành. Biết ai

than-thở sự - tình, chẳng qua mình lại biết mình mà thôi. Lấy chồng gặp phải kẻ tồi, cho nên lòng những bồi-hồi đắng cay. Cả ngày chè rượu sưa-say, khi nay thuốc phiện khi mai tài-bàn. Nói ra mang tiếng phũ-phàng, nín đi áo-não cau - tràng xiết bao! Cùng thì phận gái má đào, người thì gặp được anh-hào đảm - đang, mình thì cũng dự phấn-hương, gặp nơi lêu-lồng chẳng thương chút nào; cắn răng chịu biết làm sao!

VII

Anh đây mục-hạ vô-nhân, nghe tiếng em hát cái lòng xuân anh não-nùng. Dù em yếm thắm giải hồng, dửng - dưng anh có thèm trông đâu nào. Lấy anh anh cho đi trước cho hào, dù ngẩm, dù nguỷt, muốn sao mặc lòng; bảo em em có nghe không, em còn ngồi đấy hay bong đâu rồi? Hai tay sờ chỗ em ngồi!

ĐƯỜNG - THI DIỄN - NÔM

Tập này của cụ Đặng Tích-Trù 鄧錫疇, *tự là* Võ-Tự 禹敘, *hiệu là* Qui-văn-tử 龜文子, *biệt-hiệu là* Tình - điền 情田, *đỗ Tiến-sĩ đời vua Tự-đức, ở làng Gia-tốn, tổng Gia-thị, huyện Gia-lâm, tỉnh Bắc-ninh, làm đến Đốc-học Bắc-giang, rồi tạ-thế.*

I

王勃蜀中九日
九月九日望鄉臺
他席他鄉送客杯
人情已厭兩中苦
鴻雁那從北地來

Ngày trùng-cửu ở Thục (Vương Bột)

Hôm nay trùng-cửu lên đền,
Khác làng khác tiệc rượu đền đưa nhau.
Cõi này người chán đã lâu,
Chim hồng còn ngóng vì đâu bay về.

II

劉廷琦銅雀臺
銅臺宮觀委灰塵
魏主園陵漳水津
即今西望猶堪思
況復當辰歌舞人

Đài Đồng-tước (Lưu Đình-Kỳ)

Đền Đồng còn những bụi lò,
Bến Chương chúa Ngụy có mồ ở đây.
Rầy trông còn ngậm-ngùi thay,
Nữa người hát múa bấy chầy nghĩ nao?

III

張說送梁六
巴陵一望洞庭秋
日見孤峯水上浮
聞道神仙不可接
心隨湖水共悠悠

Tiễn bạn là ông Lương Lục (Trương Duyệt)

Quận Ba thứ nhất Động-đình,
Trên hồ núi ngất lênh-đênh khôn nhìn.
Người về xem bằng thần-tiên,
Lòng ta quanh-quẩn đâu bên hồ này.

IV

王翰涼州詞
葡萄美酒夜光杯
欲飲琵琶馬上催
醉臥沙場君莫笑
古來征戰幾人回

Lời ở châu Lương (Vương Hàn)

Rượu đào vui chén hôm nay,
Ai đem đàn giục làm ngầy hứng ta.
Chớ cười say thẳm ải xa,
Xưa nay đánh giặc về nhà dễ ai!

V

劉禹錫石頭城

山圍故國周遭在
潮打空城寂寞回
淮水東邊舊辰月
夜深還過女牆來

Thành Thạch-đầu (Lưu Vũ-Tích)

Núi quanh thành cũ như vòng,
Nước triều sóng đánh thành không gần mòn.
Sông Hoài mảnh nguyệt vẫn còn,
Canh khuya soi bóng tường con lần-lần.

VI

陳簡齊重九詩

憶昨良辰重九回
天恩曾預宴城東
籠紗北望西風冷
誰折黃花壽兩宮

Ngày trùng-cửu (Trần Giản-Tề)

Nhớ ngày trùng-cửu năm nào,
Ơn trời được dự yến vào đền đông.
Lồng đèn trông gió lạnh-lùng,
Dễ đem hoa cúc dâng cùng hai cung.

VII

(一)

李太白清平調三首

雲想衣裳花想容
春風拂檻露花濃
若非羣玉山頭見
會向瑤臺月下逢

Điệu thanh-bình (Lý Thái-Bạch).

1

Mây siêm hoa giáng lả-lùng,
Gió xuân hây-hẩy càng nồng hương hoa.
Ví trong núi Ngọc hiện ra,
Đền Dao ắt bẵn tiên sa xuống trần.

(二)

一枝濃艷露凝香
雲雨巫山枉斷腸
借問漢宮誰得似
可憐飛燕倚新妝

2

Một chồi ngao-ngát thơm nồng,
Mây mưa núi Giáp là không sá gì.
Hỏi thăm cung Hán ai bì?
Khen cho nàng Yến cậy vì điểm-trang.

(三)

名花傾國兩相歡
常得君王帶笑看
解釋春風無限恨
沉香亭北倚欄干

3

Hoa tươi người tốt lạ nhường,
Lòng vua yêu-giấu đôi đường cười
Gió xuân rũ sạch niềm riêng, [khen.
Đình Trầm-hương những tựa nghiêng [bên rèm.

VIII

黃鶴樓送孟浩然之廣陵

故人西辭黃鶴樓
烟花三月下揚州
孤帆遠影碧空盡
惟見長江天際流

Ở Hoàng-hạc tiễn ông Mạnh Hiệu-Nhiên đi Quảng-lăng.

Bạn quan xa chốn lầu vàng,
Tháng ba hoa khói băng miền châu [Dương.
Buồm cao bóng ngất mênh-mang,
Sông dài trời rộng coi càng xa-xa.

NGƯỜI XƯA CẢNH CŨ NÀO ĐÂU TÁ?

Dịch theo bài thơ trường-thiên « Cái hồ » (*Le Lac*) của thi-hào nước Pháp Lamartine tiên-sinh)

Lênh-đênh trên mặt bể sầu,
Gió đưa trôi-rạt biết đâu là bờ?
Đông đi xuân lại thu qua,
Cầm sào đứng lại một giờ được chăng?

Nhớ năm nào cùng người tri-kỷ,
Buông con thuyền thong-thả chơi Hồ.
Hồ này chẳng phải hồ xưa,
Mà người năm ấy bây giờ là ai ?

Từ năm ấy đến nay là mấy ?
Ta hỏi Hồ nào thấy trả lời.
Này cây, này cỏ, này trời,
Này nơi nghỉ mát của người tri-âm.

Sóng còn cộn, còn ầm tiếng gió,
Cảnh xưa còn, người cũ ở đâu ?
Gượng cười, gượng nói, càng sầu,
Vắng tri-âm có vui đâu bao giờ.

Một đêm kia hỏi hồ có nhớ ?
Ta cùng ai thả chiếc thuyền bơi ?
Thuyền trôi lững-thững bên trời,
Nước trong lẳng gợn trăng mờ trên non.

Đêm thanh-vắng trông hồ bát - ngát,
Mình dịp chèo đập nước thảnh-thơi,
Bỗng nghe xa tận chân trời,
Tiên-ca một điệu đủ mười khúc ngâm.

Tiếng hát cất, nước yên phẳng-lặng,
Mấy lời vàng còn vẳng bên tai.
Hát rằng : « Trong cõi trần-ai,
« Trong ba vạn sáu nghìn ngày có bao!

« Thời-giờ chạy, ngày hao mòn-mỏi,
« Năm tháng bay như duổi xuân đi.
« Hỡi năm ! hỡi tháng ! hỡi ngày !
« Khoan-khoan! xin hãy đợi chờ đôi ta!

« Buổi niên-thiếu đôi ta có mấy !
« Một đời người được mấy ngày xuân!
« Nay đương hoa nhụy trăng rằm,
« Mà mai trăng khuyết hoa tàn cánh rơi !

« Dưới đời biết bao người bạc-mệnh,
« Đêm ngày mong xa lánh cõi trần.
« Giắt người mau tới cung tiên,
« Xin dung những kẻ thiếu-niên thanh-nhân! »

Hỡi Hồ biếc, non xanh, hang thẳm,
Tuổi bao nhiêu mà vẫn trẻ-trung?
Trải bao nắng hạ mưa đông,
Càng tươi vẻ lục, càng lồng tấm son!

Mấy nghìn năm Hồ còn trơ mãi,
Tình đôi ta ở lại với Hồ ! (1)

Nữ-sinh LÊ CẨM-NHUNG *dịch*

---

(1) Bản-chí xin phụ-lục sau đây nguyên-văn bài « Le lac » của ông LAMARTINE. Bản dịch của Lê nữ-sinh trên kia là phỏng theo nguyên-văn mà thoát-dịch đại-ý, không vụ lấy đúng từng câu từng đoạn. Nay xin các ngài đọc báo ngài nào có cao-hứng thì phiên dịch lại một lần nữa cho đúng lấy tinh - thần thể cách nguyên-văn. Tưởng bài này nên dịch ra lối thơ liên-hoàn thời hay.

Le lac

Ainsi toujours poussés vers de nouveaux rivages,
Dans la nuit éternelle emportés sans retour,
Ne pourrons-nous jamais sur l'océan des âges
Jeter l'ancre un seul jour ?

O lac ! l'année à peine a fini sa carrière,
Et près des flots chéris qu'elle devait revoir,
Regarde ! Je viens seul m'asseoir sur cette pierre
Où tu la vis s'asseoir !

Tu mugissais ainsi sous ces roches profondes ;
Ainsi tu te brisais sur leurs flancs déchirés ;
Ainsi le vent jetait l'écume de tes ondes
Sur ses pieds adorés.

Un soir, t'en souvient-il ? nous voguions en silence ;
On n'entendait au loin, sur l'onde et sous les cieux,
Que le bruit des rameurs qui frappaient en cadence
Tes flots harmonieux.

Tout à coup des accents inconnus à la terre
Du rivage charmé frappèrent les échos :
Le flot fut attentif, et la voix qui m'est chère
Laissa tomber ces mots :

« O temps ! suspends ton vol ; et vous, heures propices !

« Suspendez votre cours :
« Laissez-nous savourer les rapides délices
« Des plus beaux de nos jours !

« Assez de malheureux ici-bas vous implorent,
« Coulez, coulez pour eux ;
« Prenez avec leurs jours les soins qui les dévorent ;
« Oubliez les heureux.

« Mais je demande en vain quelques moments encore.
« Le temps m'échappe et fuit ;
« Je dis à cette nuit : sois plus lente et l'aurore
« Va dissiper la nuit.

« Aimons donc, aimons donc ! de l'heure fugitive,
« Hâtons-nous, jouissons !
« L'homme n'a point de port, le temps n'a point de rive ;
« Il coule et nous passons ! »

Temps jaloux, se peut-il que ces moments d'ivresse
Où l'amour à longs flots nous verse le bonheur
S'envolent loin de nous de la même vitesse
Que les jours du malheur ?

Eh quoi ! n'en pourrons-nous fixer au moins la trace ?
Quoi ! passés pour jamais ! quoi, tout entiers perdus !
Ce temps qui les donna, ce temps qui les efface,
Ne nous les rendra plus !

Eternité, néant, passé, sombres abîmes,
Que faites-vous des jours que vous engloutissez ?
Parlez : nous rendrez-vous ces extases sublimes
Que vous nous ravissez ?

O lac ! rochers muets ! grottes ! forêt obscure !
Vous que le temps épargne ou qu'il peut rajeunir,
Gardez de cette nuit, gardez, belle nature,
Au moins le souvenir !

Qu'il soit dans ton repos, qu'il soit dans tes orages,
Beau lac, et dans l'aspect de tes riants côteaux,
Et dans ces noirs sapins, et dans ces rocs sauvages,
Qui pendent sur tes eaux !

Qu'il soit dans le zéphyr qui frémit et qui passe,
Dans les bruits de tes bords par tes bords répétés
Dans l'astre au front d'argent qui blanchit ta surface
De ses molles clartés !

Que le vent qui gémit, le roseau qui soupire,
Que les parfums légers de ton air embaumé,
Que tout ce qu'on entend, l'on voit où l'on respire,
Tout dise : ils ont aimé !

LAMARTINE
(*Les Méditations*)

THỜI-ĐÀM

Hoàng-Thượng và quan Khâm-sứ Pasquier. Tiệc trong Cung ngày 4 Juin 1921. — Ngày 4 Juin 1921, Hoàng-Thượng có đãi tiệc quan Khâm-sứ Pasquier ở trong Cung. Đó lại là một dịp cho Hoàng-Thượng ta và quan Khâm-sứ mới tỏ lòng thân-ái, biểu-hiệu rõ-ràng cái chủ-nghĩa Pháp-Việt-đề-huề, chủ-nghĩa này nay nhờ được cái cảm-tình thân-mật của hai Ngài chắc sẽ thực-hành được hữu-lực hơn xưa vậy. Tiệc đoạn Hoàng-Thượng có đọc bài chúc-từ như sau này :

« Kính quan Qui Khâm-sứ.

« Quả-nhân lấy làm hân-hạnh được tiếp ngài trong cung này, là nơi vừa gồm những di-tích vẻ-vang của các Liệt-Thánh Bản-triều để lại cùng với những dấu-vết tốt-đẹp của Văn-minh Thái-Tây mà Đại-Pháp đã ra công truyền-bá sang tệ-quốc.

« Ngay bữa ngài mới vào lĩnh-chức ở đây, quả-nhân đã tỏ ngài biết rằng Qui Chánh-phủ cử ngài lĩnh chức Khâm-sứ Kinh, thật cả Hoàng-tộc cùng đình-thần đều lấy làm vui-vẻ lắm. Vì ngài không phải là người xa-lạ đâu, ngài không phải là ông quan cai-trị mới sang đất Trung-kỳ này lần thứ nhất. Ngài trước đã từng ở xứ này, có tiếng là người làm ơn cho dân An-nam, nay chẳng qua là lại trở về nơi cũ vậy. Hiện nay còn có bia của dân dựng lên để kỷ-niệm công-đức ngài ở tỉnh Thanh-

hóa kia là tỉnh to nhất ở Trung-kỳ và là nơi phát-tích của bản-triều.

« Ngài rất là am-hiểu tính-tình người Nam-Việt, rất là tỏ-tưởng cả nước Nam đời xưa với nước Nam đời nay ; ngài lại là người thân-tín của quan Thuộc-địa-bộ Thượng-thư ALBERT SARRAUT đại-nhân, quả-nhân và cả thần-dân trong nước đối với quan Thượng-Thư vẫn một lòng tưởng nhớ ; nay ngài lại là một tay giúp việc đích-đáng của quan Toàn-quyền LONG đại-nhân, thời quả-nhân chắc rằng ngài sẽ ra công mà thi-hành ở đây cái chánh-sách khoan-dung đại-độ của Đại-Pháp, chánh-sách lấy nhân-đạo công-lý làm trọng. Ngài thi-hành cái chánh-sách ấy thời quả-nhân sẽ một lòng giúp ngài, ngài có thể tin cậy ở lòng thành-tín của quả-nhân.

« Nhân dịp đây, quả-nhân cũng muốn tỏ lòng mến nhớ quan nguyên Khâm-sứ CHARLES đại-nhân, ngài về hưu ai nấy đều tiếc, để lại cái tiếng là một người có công to với Hoàng-tộc và ơn to với dân An-nam.

« Kính quan Quí Khâm-sứ, quả-nhân xin chúc ngài, và thay mặt cả Nam-triều chúc ngài hai chữ khang-an. Lại chúc cả Quí Phu-nhân và quí-quyến được phúc-lành sức khỏe. »

Hoàng - Thượng nói xong thời quan Khâm đáp lại rằng :

« Tâu Hoàng-Thượng,

« Bản-chức xin thâm-tạ Hoàng-Thượng đã có bụng tin yêu mà lại tỏ lòng thành-thực với bản-chức, vừa là người thay mặt của chánh-phủ Bảo-hộ ở Kinh đây, vừa là người một lòng kính mến Hoàng-Thượng cùng Hoàng-Tộc, và chăm-chút cho sự lợi-ích dân Việt-Nam.

« Tâu Hoàng-Thượng, Hoàng-Thượng thật đã được đúng như lời Thánh-nhân nói rằng: « Người quân-tử không cầu trị mà được trị ». Tự khi ngài lên ngôi để kế-nghiệp Liệt-thánh, ngài vẫn theo một đường chánh-đạo, là nơi phàm bậc vua-chúa hay kẻ thần-dân, phải hằng ngày làm việc đức-hạnh mới tới được. Bởi vậy nên ngài được nhân-dân một lòng kính-mến.

« Đường chánh-đạo ấy chính là đường nước Đại-Pháp chiếu ra khắp trong thế-giới để chỉ-hướng cho nhân-loại noi theo. Đường to-rộng tốt-đẹp, khai-thác đã mấy mươi đời, nay mở rộng ra trước mắt cho các dân-tộc noi theo, và lấy những lý-tưởng công-lý, nhân-đạo, bác-ái mà soi sáng.

« Đức Cao-hoàng khai-sáng ra Hoàng-triều, thật đã hiểu rõ cái tính-cách đại-đồng bác-ái của nước chúng tôi. Ba ngày nữa đây là lễ kỷ-niệm Đức Cao-Hoàng lên ngôi, người Tây người Nam đều vui-vẻ mà làm lễ này, hồi-tưởng lại Đức Cao-Hoàng sinh-thời thật đã lượng biết cái tiền-đồ của nước Nam để-huề với nước Pháp sau này sẽ rực-rỡ là dường nào. Ngày nay thiệt kết-quả đã trông thấy.

« Nhờ được công-đức những người như quan Thuộc-địa Thượng-thư và quan Toàn-quyền Đông-Pháp đã tận-tâm tận-lực thực-hành cho nên cái chủ-nghĩa của Đại-Pháp, mà hai nước mỗi ngày được thêm đồng-tâm hiệp-lực, tương-ái tương-thân, khiến cho lòng hoài-vọng, mối lợi-quyền cùng hiệp-đồng như một, và nước Nam nhờ được nước Pháp bảo-hộ sẽ cứ tuần-tự ung-dung mà một ngày một mở-mang phát-đạt.

« Công-nghiệp ấy các quan Khâm-sứ trước tôi đều đã giúp vào được nhiều. Nhưng nay bản-chức được nghe Hoàng-Thượng đương dịp long-trọng này có lời tỏ lòng tưởng nhớ đến quan Nguyên Khâm-sứ CHARLES, thì bản-chức thật lấy làm vui mừng lắm. Quan CHARLES là người có đức khiêm-tốn, không từng khoa-trương mà làm nên việc tốt, thật đã tận-tâm cung-chức vậy. Xưa nay phàm lấy bụng tốt mà ở vẫn dễ được lòng người hơn là cứ thẳng lý mà làm.

« Bản-chức đây xin cũng theo gương quan Khâm-sứ CHARLES, và sẽ cùng với Hoàng-Thượng đồng-tâm hiệp-lực mưu sự lợi-ích cho dân này, khác nào như mỗi người cầm một cái tay cầy mà cùng nhau cầy ruộng để sau này được thu-hoạch phong-đăng.

« Tâu Hoàng-Thượng,

« Bản-chức xin dâng cốc rượu này, thay mặt Chánh-phủ Đại-Pháp, mừng cho nước Nam, kính - chúc Hoàng - Thượng, Lưỡng - Cung, Hoàng-Tử và Hoàng-Phi, được phúc lành sức mạnh. »

Hai việc thăng - thưởng đích-đáng. — Gần đây đọc trong *Đông-Pháp Quan-báo* thấy hai việc thăng-thưởng thật là

đích-đáng. Một là quan Học-chánh Giám-đốc COGNACQ mới được đặc-cách thăng chức Thống-đốc Thuộc-địa hạng nhất (*Gouverneur de 1ère classe des colonies*). Hai là quan Thượng-thẩm Tổng-đốc THÂN TRỌNG-HUỀ cũng mới được đặc-cách thăng vinh-hàm Hiệp-tá-Đại-học-sĩ. Công-nghiệp quan Giám-đốc COGNACQ đối với việc học trong nước thế nào, quốc-dân ta chẳc ai cũng đã biết. Một tay ngài gây-dựng ra trường Y-học ngài quản-lý trong hai mươi năm nay; lại một tay ngài thừa cái ý lớn của quan nguyên Toàn-quyền SARRAUT đã tổ-chức ra trường Đại-học bây giờ; thật là một người đã có công to cho việc giáo-dục dân ta vậy.— Còn quan Tổng-đốc THÂN đại-nhân thời suốt trong nước ai là không biết tiếng ngài. Làm một bậc đại-thần ở vào giữa thời buổi này không phải là dễ: Vậy mà Thân đại-nhân đã gây nên cái thanh-danh to lớn là một ông quan công-liêm chánh-trực, một lòng ái-quốc trung-quân, lại trung-thành với Chánh-phủ Bảo-hộ; hằng mưu việc lợi-ích cho dân, tính đường tiến-thủ cho kẻ hậu-tiến; thật cũng không thẹn với các bậc danh-thần thủa trước và đáng làm gương cho quan-trường đời nay vậy.

Bản-chí xin có lời kính mừng hai ngài.

Lễ Hưng-quốc khánh-niệm. — Lễ Hưng-quốc khánh-niệm ngày mồng hai tháng năm ta năm nay, ở kinh-đô và ở các tỉnh làm cũng trọng-thể lắm. Duy ở Hà-nội là nơi thủ-đô, trừ ít nhà cắm cờ, không thấy cử-hành gì nhưng các công-sở của Chánh-phủ Bảo-hộ ngày ấy đều được nghỉ cả. Như vậy thời đủ biết rằng lễ khánh-niệm này Chánh-phủ Bảo-hộ cũng đã sẵn lòng công-nhận, và chắc rằng từ sang năm mà đi sẽ làm long-trọng hơn năm nay. Bản-chí đăng sau đây hai bài ca, một bài về lễ khánh-niệm ở Kinh-đô, một bài về lễ khánh-niệm ở làng Bộ-la (tỉnh Thái-bình), để chứng rằng ở khắp nơi triều-dã quốc-dân ta đều đã hiểu cái ý-nghĩa thâm-trầm của lễ này, là lễ kỷ-niệm cái công-nghiệp vĩ-đại của một bậc anh-quân đã ra tay gây-dựng nên cơ-đồ nước Việt-Nam-đế-quốc này, gồm cả Trung Nam Bắc tam-kỳ mà làm một nước thống-[illegible] 20 triệu con người, đã từng có phe[illegible]g trong cõi Đông-Á vậy.

I

Cao-Hoàng hưng-quốc kỷ-niệm ngâm

Bia công-đức nước non in cũ,
Vẻ thái-bình cây cỏ đua tươi.
Đồng-bào mấy triệu ta ơi!
Trăm năm ăn trái nhớ người trồng cây.
Sực nhớ thuả gió bay bụi dậy,
Cõi Đông-sơn mừng thấy Chơn-nhân.
Tay cầm ba thước gươm thần,
Giẹp cơn binh-lửa cứu dân than-bùn.
Trải mấy lúc trèo non vượt bể,
Trí phục-thù chi nệ gian-lao.
Cơn phong-vũ, trận ba-đào,
Khi ra Phú-quốc, khi vào Côn-lôn.
Khi Vọng-cát bôn-chôn tả viện,
Khi Tây-dương kiền-khiền cầu binh.
Đức thành cảm-động trời xanh,
Ngọt dòng nước biển, gẫy ngành cây non.
Lẫu bát-giác lửa ùn gan võ,
Thành Xiêm-la nước giọt lụy châu.
Đồng lòng đông đúc với nhau,
Tướng Lưu bốn bảy, tôi Châu ba ngàn.
Lòng dạn với giang san cố-quốc,
Quyết sao cho khỏi bước gian-nguy.
Ngọn cờ trở lại nam-thùy,
Thành ong lũy kiến khắc-kỷ phá tan.
Thành Gia-định sấm vang tiếng trống,
Phủ Qui-nhân gió động đuôi cờ.
Non sông xây lại ngày xưa,
Cù-mông đá giẹp, Cần-giờ sóng an.
Buồm xuôi gió thẳng miền Thuận-Huế,
Dân mừng xem nghi-vệ thái-bình.
Sông Hương một dãy xanh xanh,
Hà thanh ứng với thánh sanh một kỳ.
Giá chung-khư y nguy như trước,
Chiếc kim-âu dám đặt từ đây.
Trời nam năm vẻ rồng bay,
Tháng năm năm tuất chánh ngày mùng hai.
Ngày an-lạc nhớ ngày gian khổ,
Có ngày xưa mới có ngày nay.
Chánh-trung mở hội vui-vầy,
Trên xây trường hát, dưới bày thuyền đua,
Núi nhân rượu chúc vua muôn tuổi,
Sông nhớ nguồn lạy tổ ngàn năm.

Người bưng rượu kẻ ôm cầm,
Chén khuyên tăng khí, khúc ngâm hoài nam
Cờ tá quốc như cầm trước mắt,
Trống thôi quân như dục bên tai.
Sẵn lòng ái-quốc là ai !
Tự cường hai chữ ấy lời khuyên chung.
Khuôn cơ khí đúc lòng thiết thạch,
Phấn văn-minh vẽ mặt giang-sơn.
Dủ nhau học lấy khôn-ngoan,
Chi-na là bạn, Pháp-lan là thầy,
Thế mới gọi con người dân nước,
Thỏa tấm lòng người trước sáng khai.
Còn non ! còn nước ! con dài !
Còn trời đất hãy còn ngày hôm nay ! (1)

Huế, 15 Juin 1921.

Sanh-viên trường Quốc-tử giám soạn

PHÙNG-XUÂN *lai-cảo*

II

Bài ca Hưng-quốc-khánh-niệm-tiết của làng Bộ-la

Giải Hương-thủy nghìn thu trăng giãi,
Ngọn Bình-sơn muôn tuổi gió cao.
Sắc xuân đượm vẻ tiên-đào,
Đền xuân vui hội loan-giao thanh-bình.
Tung hô ngửa chúc Thánh-minh;
Phú-xuân là chốn thần-kinh vững vàng.
Khai cơ nhớ đức Cao-hoàng,
Gội mưa trải gió mở mang đôi lần.
Biết bao đức thánh công thần,
Trời che đất chở muôn dân hả lòng.
Kỷ nguyên niên hiệu Gia-long,
Khắp ngoài bốn bể, về trong một nhà.
Việt-nam nhất-thống sơn-hà,
Trung, Nam, Bắc mới đặt ra tam-kỳ.
Nhớ từ thủa Tây-sơn phản-đối,
Giám sinh lòng hải-nội chia ba.
Động phiền thiết mã kim qua,
Đòi phen Phú-quốc Tiêm-la đi về.
Ông Đa-giang gần kề tả hữu,
Xướng một tay cầu cứu Pháp-đình.
Pháp-hoàng tin dạ tư binh,
Tầu bè súng ống hộ hành đưa sang.
Tin nước lớn biết đường giao-hiếu,
Dẹp Tây-sơn mở đạo tam-đồng.
Văn-minh mừng thấy kiền-long,
Việc ngoài tín-mục việc trong trị-bình.
Đăng-quang chính-ngự điện-đình,
Dã ca Triều-hạ thỏa tình thần dân.
Tiết hưng-quốc xa gần nô-nức,
Khắp bốn phương khu-vực trong ngoài.
Năm năm non nước còn dài,
Tháng năm nhớ tháng mồng hai nhớ ngày.
Gẫm đất nước ngày nay rộng rãi,
Hơn Trần Lê thời-đại biết bao.
Ấy ai đề-tạo gian-lao,
Ấy ai khai-thác công cao nhưng là.
Đình-đám ta mẹ con ta,
Năm năm nhớ mãi nhà nhà vui chung.
Chẳng hơn đoan-ngũ tôn sùng,
Lấy nòi Hồng Lạc nhớ ông Khuất-Bình.
Hoàng Khải-Định đinh-ninh chỉ-dụ,
Chuẩn dân-gian đâu đó vâng làm.
Trung-kỳ cùng Bắc và Nam,
Tiết mồng năm đổi ra làm mồng hai.
Ơn Kim-Thượng ban lời khuyến-hóa,
Nghĩa Quốc-dân tạc dạ nhớ ghi.
Bách-niên giáo-dục chi di,
Chúc mừng vạn-thọ vô-kỳ một thiên !

Bộ-la (Thái-bình), 25 Juin 1921.

Tiên-chỉ LÊ VĂN-THIỆP *lai-cảo*.

---

(1) Bài này là nhân ngày khánh-tiết, năm ba anh em ngâm vịnh cùng nhau giữa sông Hương-giang.

GIỚI-THIỆU SÁCH

I

Hát ả-đào. PHẠM-VĂN-DUYỆT soạn. — Quyển thứ nhất. — Giá : 0$ 30

Bản-chí chủ-bút có đưa cho bỉ-nhân xem quyển sách này, và có nói : « Giọng hát Ả-đào này cũng là một giọng quốc-ca, so với các giọng hát khác có một cái biệt-sắc, là phần nhiều các bài ca đều do tay những bậc danh-nhân kiệt-tác làm ra, cho nên văn-chương tao-nhã, ý-tứ hồn-hảo, ấy là một cách di-dưỡng tinh-tình của cổ-nhân; nay ông Duyệt soạn tập ra thành sách, ta biết lợi-dụng ra thì sách này cũng có thể là một cái kho tài-liệu cho quốc-văn... » Bản-chí chủ-bút xưa nay rất nhiệt-tâm về quốc-văn nhiều cảm-tình với các nhà thi-sĩ, cho nên nói thế là xét về phương-diện văn-chương ; nay bỉ-nhân xin lấy thiển-kiến mà xét qua về phương-diện mĩ-thuật.

Người ta ở đời, là một loài lao-động, nhưng đã sinh ra là người thì đời người không có lẽ chỉ thiên về một mặt hành-vi theo cái lý-thuyết « đời là sướng » thì tất-nhiên cũng phải tìm một cuộc tiêu-khiển để mà luyện lại tinh-thần, bồi-dưỡng lại sức lực, đó mới là lẽ công của tạo-hóa sinh ra người vậy. Tạo-hóa đã để dành cho ta một cuộc chơi thời ta cũng chơi, nhưng chơi thời chơi, chơi thế nào cho có phong-nhã có bổ-ích, ấy mới khó mà ấy mới gay cho những bạn làng chơi. Cùng một nghề chơi mà người biết lợi-dụng ra thời nghề chơi hay, mà ngộ dụng thời lại là nghề chơi dở. Hát ả-đào cũng là một nghề chơi, tiếng trống, tiếng phách, tiếng đàn, tiếng ca, một khúc tấu lên, bốn tiếng cùng theo một dịp, đàn gọi phách, phách gọi trống, trống điểm câu ca, giá trưởng tượng cái cảnh chơi của các cụ ta xưa đi hát ả-đào thời ả-đào hát tức là bình-văn mà quan viên đánh trống khảo nào như thầy học điểm văn, trong cách ấy lại có một cái lý-thú tuyệt-phẩm là câu văn hay thì lấy tiếng *tùng cắc* mà thưởng, thưởng là thưởng cả văn, cả giọng hát, cả tiếng đàn... nhưng than ôi ! cách hát ả-đào bây giờ khác thế, mỗi ngày sinh-xuất biết bao nhiêu là quái-trạng bê-tha ê-chề chẳng còn vẻ gì thanh thú như xưa. Nói thực thì là các cụ ta xưa hát ả-đào là phần nhiều chuyên về tinh-thần-giới ; mà quan viên ngày nay đối với khách Bình-khang là chỉ chuyên về vật-chất-giới. Song cái lý-do về đâu, có lẽ hoặc là quan viên đời nay không hiểu câu văn trong bài ca mà không lấy làm lý-thú chăng, hay là cũng vì không học được cách đánh chầu mà không lấy chốn Bình-khang như nơi học-xá bình văn chăng. Nếu quả như vậy, thì quyển sách này xuất-bản họa có giá-trị với bạn làng chơi đôi ít chăng ?

Quyển sách này, ông Duyệt là một tay diễn kịch « Bệnh tưởng » có tiếng, đã khảo-cứu kĩ-càng ; trước hết ông giải nghĩa và đoạn-mạch giọng hát nói, giọng hát gửi thư và giọng đọc ti-bà, lại dạy cả cách đánh chầu, tiếng *tùng* tiếng *cắc* thế nào cho hợp với tiếng đàn tiếng phách và giọng hát của ả đào. Sau ông lại biên tập bài đàn, và nhiều bài ca, mỗi bài ông lại có chua ở dưới tên người tác-giả, lại thỉnh thoảng giải nghĩa một vài câu trong bài hát nữa. Quyển này mới là quyển thứ nhất, còn quyển thứ hai cũng sắp xuất-bản, nghe đâu ông lại khảo-cứu về lối « hát chèo », và sắp xuất-bản một quyển « diễn-kịch theo lối Âu-châu » nữa.

Khá khen cho ông Duyệt đã chịu khó khảo-cứu sưu-tập về một nghề sở-trường, thực cũng có công-phu lắm vậy. Bỉ-nhân chúc cho quyển sách « Hát ả-đào » này và các sách sắp xuất-bản sau này mà như thực có giá-trị, đều được nhiều người hoan nghênh cho sách của ông bán chạy.

Hỡi bạn làng chơi,
Nghề chơi cũng lắm công phu,
Làng chơi ta phải biết cho đủ mùi.
Phong nhã mua vui !

B. X.

II

Bàn về sách « Cành hoa điểm tuyệt »

Bản-chí kỳ trước đã giới-thiệu sách tiểu-thuyết mới « Cành hoa điểm tuyết ». Nay lại tiếp được bài bình-luận sau này của ông Vũ-Khắc-Tiệp, xét ra lời bàn đích-đáng, nhân bộ tiểu-thuyết mới mà phát-huy ra nhiều điều hay về phong-tục xã-hội, vậy bản-chí cũng sẵn lòng y nguyên văn đăng như sau này.

N.P.

. . .

Làm cho xúc-động cái tình cảm của người ta thì không gì bằng đọc tiểu-thuyết; làm cho phát-huy cái tình-cảm ấy ra là công việc của nhà làm tiểu-thuyết. Làm tiểu-thuyết đó phải công việc dễ đâu! Quốc-văn ta đang buổi sơ-khai, chưa có qui-thức gì nhất-định, thì làm tiểu-thuyết chẳng lại là càng khó lắm ru! Ôi! Cụ Thánh-Thán đã nên người chín suối, truyện Thôi-Trương ai nối nên biên, cụ Nguyễn-Du không lại buổi trùng-sinh, truyện Vân-Kiều ai mà mô-phỏng! Dẫu thế mặc lòng, ta thử vùng dậy xem phong-hội mới, trước-thuật như từng, văn-chương tựa bể, các sách tiểu-thuyết trong thế-giới xuất-hiện ngày càng nhiều, cốt để cảm-hóa lòng người, sửa-đổi phong-tục, thật là cái cơ-quan rất mật-thiết cho xã-hội vậy. Trông người lại ngẫm đến ta, có lẽ ta lại cứ ngậm tăm cầm bút, phó mặc cái công việc trước-thuật ấy cho là cái đặc-sắc của cổ-nhân, cho là cái biệt-tài của nhà văn ở Âu-Tây, Trung, Nhật; nếu cứ nghĩ như thế thì quốc-văn ta sẽ phải chìm đắm đến 18 từng địa-ngục, còn có ngày nào xuất-hiện được ru! Vả lại nghề văn-chương cũng là việc tranh-cạnh ở đời, nhất là ta bây giờ, nào báo nào sách nào thơ ca, hoặc tự-mạnh là hùng-văn đại-bút, tầng nhau là mặc-khách thi-ôi g, mỗi đàn văn riêng dựng một ngọn cờ, danh-sĩ mai ngày bỗ-dễ biết! Trừ ra có một đôi nhà danh-bút, chưa dễ mà bình-phẩm được thì không kể, còn thì có văn người thứ nhất xuất-hiện ra thì tất có văn người thứ nhì để bài-bác lại, có văn người thứ nhì xuất-hiện ra thì tất có văn người thứ ba để bài-bác lại. Càng bài-bác thì lại càng rộng thêm ý-kiến mà nghề văn vì đó mới được tinh-tường. Đó chẳng phải là cái cơ tiến-hóa cho nghề làm văn đấy ru!

Sách *Cành-hoa-điểm-tuyết* của ông Đặng Trần-Phất, kỳ trước Nam-phong chủ-bút Phạm tiên-sinh đã bình-phẩm rồi, chỗ nào được chỗ nào chưa được, tiên-sinh đã chỉ ra rõ ràng, cũng là lấy cái ý trách-bị cầu-toàn, mong cho tận-thiện tận-mỹ, thật là đích-đáng lắm, tưởng cũng không cần phải nói nữa. Tôi chỉ xin nối lời Phạm tiên-sinh mà nói thêm rằng cứ lấy toàn-thể sách này mà nói, so-sánh với các sách mới xuất-bản hiện-thời, thì sách này thật cũng đã có giá-trị lắm. Buổi đời này, tình-dục làm mờ tối lòng người, tư-lợi đánh đổ mất công-lý. Bàn đến luân-thường xử-thế, thì lại hóa ra người gàn-giở ở nơi quảng-tọa trù-nhân; nói đến đạo-đức thánh-hiền, thì chỉ là câu truyện mua cười cho anh em sài-bối. Trong nam-giới thì nhiều người giả-văn-minh bằng nón bằng giầy bằng bộ cánh, mà bề trong ít có tinh thần; bọn nữ lưu thì nhiều người mượn phấn son làm duyên làm mối, làm sinh nhai, xét tình nết hiếm bề tiết nghĩa. Ở vào cái buổi đời như thế, người có tâm-huyết ra ai là không phải ngậm ngùi than thở cho thế-đạo suy-vi, tưởng đến thở dài than khóc như ông Giả-sinh, giọt lệ vẫn còn là ít ỏi vậy. Người soạn sách chắc cũng vì thế-đạo nhân-tâm đó, mà cái cảm-tình như chan như chứa, như nấu như nung, mới soạn ra quyển tiểu-thuyết này. Đang cái buổi đạo-đức hư-hỏng, chắc cũng chẳng vì một bộ tiểu-thuyết này mà bổ-cứu được nên, một cái nhà đang cháy tài nào một gáo nước mà giập tắt được, một người ốm liệt giường liệt chiếu tài nào một liều thuốc mà bình-phục ngay được, nhưng xem sách này mà ngẫm kỹ ra, thì tưởng cũng có ảnh-hưởng đến phong-tục xã-hội lắm. Soạn-giả đã khéo mô-tả ra những cảnh-tượng éo le, những thói đời đơn-bạc, khác nào như chớp bóng ra một tấn bi-kịch ở gia-đình; các hạng người điên-đảo mà soạn-giả đã chép trong sách này là những hạng người ta đã

thường mục-kích luôn luôn, thì chẳng khác gì các thứ ma quỉ, đã đúc vào 9 vạc ở đời vua Hạ-Vũ vậy. Một con nhà khuê-các mà soạn-giả đã đặt vào trong quyển truyện này, thì cái cảnh-ngộ chẳng khác gì Thúy-kiều khi trước.

Xem truyện đến chỗ gặp chàng Bạc-sở thì ai ngậm-ngùi đến câu « Một tay chôn biết mấy cành phù-dung». Bạc-sở thật là Sở-khanh với Bạc-bạnh hợp thành làm một vậy. Xem đến chỗ gặp Bùi-sinh thì lại nhớ đến câu « Thiếp như hoa đã lìa cành, chàng như con bướm liệng vành mà chơi ». Khi vào ở hồng-lâu thì rõ như câu « Than ôi ! sắc nước hương trời, hoa sao hoa khéo lạc loài tới đây ». Khi lại về phục-tang Liễu-oanh Công-tử mà nuôi con để nối nghiệp nhà, thì rõ như câu « hoa dù rã cánh lá còn xanh cây »

Than ôi ! Trời sinh ra người quốc-sắc, khác nào cành danh-hoa ở chốn vườn xuân, mà làm chi dầy tía vô hồng lắm thay ! Cành danh-hoa kia đáng lẽ thì mưa nhuần tắm nhị, gió mát đưa hương, mà ai ngờ một phen tuyết điểm tan tành một phen ! Trông cảnh-trạng thê-thảm ấy, ai là chẳng thương cho hoa mà lại tiếc cho hoa. Phận hồng-nhan có mong-manh, phần nhiều giống thế. Nào người khuê các nên lấy đấy làm gương mà tránh xa những phường hãnh-bạc.

Còn như các bậc Ô-y-tử-đệ, cũng nên trông như Liễu-Oanh Công-tử, trót sa chân vào nơi yên-trường đồ-quán, để đến nỗi nát nhà tan cửa, mà cho liễu tủi hoa sầu vì ai.

Lại các bậc Ngũ-lăng-niên-thiếu, hãy trông như truyện Bùi-sinh, nào những lúc ong lơi bướm lả, tiếc lục tham hồng, mà sinh ra nhiều nỗi giở-dang ở trong gia-đạo.

Vậy thì quyển tiểu-thuyết này chẳng phải là có ích đến phong-tục xã-hội lắm ru ! Đọc quyển tiểu-thuyết này tưởng cũng làm cho người ta sinh ra vô-hạn cảm-tình về mọi đường cư-xử vậy.

Thái-phong Vũ Khắc-Tiệp

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI «KHAI-TRÍ TIẾN-ĐỨC»

Hội-viên mới. — Các ông có giấy xin vào Hội đã đăng tên lên báo từ số 46, đến nay hết hạn hai tháng không có ai dị-nghị, được nhận vào Hội kể từ ngày 1er Juillet 1921.

Vào chân Chủ-trì

Ông Nguyễn-Văn Ích. — Trần Tử-An. — Trần Văn-Khúc. — Vũ Túc. — Vương Khả-Phúc. — Lê Đăng-Phương. — Đỗ Huy-Oánh. — Nguyễn Văn-Mùi. — Cung Đình-Qui. — Phạm Đắc-Lộc (1). — Phạm Hoàng-Trung.

(1) Phạm Đắc-Lộc, trong báo số 46 in lầm là Nguyễn Đắc-Lộc.

Vào chân thường-hội-viên

Ông Nguyễn Văn-Bản. — Nguyễn Văn-Vị. — Vũ Lê-Khoáng. — Trần Ngọc-Giốc.

Đơn xin vào Hội. — Trong tháng vừa rồi, có những ông sau này gửi giấy xin vào Hội, hạn trong hai tháng có ai dị-nghị xin viết thơ cho Hội biết :

Xin vào chân chủ-trì

1. — Sư ông Tử-vân Đặng Tâm-nghĩa, quán làng Thượng-cốc, huyện Gia-lộc, tỉnh Hải-dương, hiện trụ-trì chùa Giã-lai, Hải-dương. (*Do ông Nguyễn Ứng giới-thiệu*).

2. — Hoàng Mạnh-Diễm, tự-giáo trường Sơ-đẳng yếu-lược tổng Bạch-sam, Phủ Mỹ-hào, tỉnh Hưng-yên.

3. Lý Thiệu-Miên, chủ hiệu Fóc-Long, buôn bán ở Ninh-bình (*Do ông hội-viên Nguyễn Đăng Kinh giới-thiệu*)

4. Nguyễn Viết-An, médecin auxiliaire à

Ninh-bình. (*Do ông Nguyễn Đăng-Kính giới-thiệu*)

5. Ngô Thế-Loan, entrepreneur à Đáp-cầu (*Do ông hội-viên Ngạc Văn Đồng giới-thiệu*)

6. Nguyễn Ngọc-Mỹ, Chef de gare Vật cat-thượng (ligne de Hải-phòng). (*Do ông Ngạc Văn-Đồng giới-thiệu*)

7. Nguyễn Văn-Thi, secrétaire de Travaux Publics à Bắc-ninh (*Do ông Ngạc Văn-Đồng giới-thiệu.*)

Quyên vào Hội. — Trong tháng sáu tây vừa rồi, Hội nhận được các ông các bà sau này gửi tiền quyên vào Hội, Hội xin có lời cảm ơn cả các ngài:

1. Bà Tường-ký ở phố Hàng Đường, quyên..... 30 $

2. Ông Nguyễn-Kỳ ở làng Đức-diễn, phủ Hoài-đức, tỉnh Hà-đông, quyên.. 10

Khẩn-cáo

Nam-Phong báo-quán có lời cẩn-cáo các ngài hội-viên hội Khai-trí-tiến-đức biết cho rằng báo-quán chúng tôi mỗi lần in một tập Kỷ-yếu về công-việc Hội là vì hội-đồng trị-sự có mượn tạp-chí của chúng tôi để làm như cái cơ-quan môi-giới cho các quan-viên hàng Hội, và chúng tôi xét ra mục-đích Hội với mục-đích báo chúng tôi cũng là một, nên trước au vẫn sẵn lòng giúp Hội không dám quản hơn thiệt gì. Nay nghe có một vài ông hội-viên phàn-nàn rằng báo-quán ép các ông phải mua báo. Ông nào nghĩ thế là hiểu lầm, vì sự mua báo là quyền tự-do, không ai bắt ép được ai ; vả lại chủ-ý chúng tôi giúp Hội Khai-trí là vì nghĩa-vụ, không phải là vì cầu-lợi. Phần nhiều các ngài vì báo chúng tôi mà biết đến Hội Khai-trí, sau khi vào Hội không quên đến bản-báo, đó là cái cảm-tình riêng của các ngài đối với chúng tôi, chớ bản-báo không hề viện thể-lệ Hội mà cưỡng-ép ai phải mua báo bao giờ. Xin các ngài biết cho.

Nay cẩn-cáo.

Cải - chính

Mục *Văn-uyển* kỳ trước

1. — Bài thơ Lê-Lăng

dấu tuyết nê — in lầm ra : *dắc* tuyết nê.
đất phơi cỏ trắng — in lầm ra : *đường* cỏ trắng.

2. — Bài thơ mộ nhà Trần

Chữ *khởi phục* — in lầm ra : chữ *khói phục*.

Bài phú huyện Hưng-nhân

Có *lũy* có thành — in lầm ra : có *thủy* có thành.